

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2026 – 2027 (vật tư dùng chung)
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9... giờ, ngày 09.../11/2025

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028 3952 5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J06-026-nnminh) (1).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



CÔNG TY: *[Tên công ty]*
MÃ ĐỊNH DANH: *[vn.....]*
SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH: *[Họ tên – Số điện thoại]*

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ											CHỨNG MINH GIÁ				
	STT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Tên cơ sở y tế	Số/ngày Quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu	Mã Thông báo mời thầu	Đơn giá trúng thầu (VND)
1															Bệnh viện ...	QĐ số ... ngày ... tháng ... năm ...	IB.....	
2																		

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực ... tháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, 7.5cm x 3.6m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích thước: 7.5cm x 3.6m ($\pm 10\%$) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	60
2	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, cỡ 10cm x 3.6m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích thước: 10cm x 3.6m ($\pm 10\%$) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	155
3	Băng bột bó bằng sợi thủy tinh và nhựa PU Resin, cỡ 12 cm x 3.6m ($\pm 10\%$) hoặc 15cm x 3.6m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng trong bó bột cố định vùng chi dưới, tăng cường bên ngoài trong các trường hợp bó bột thạch cao bị bể bột - Chất liệu: sợi thủy tinh và nhựa PU Resin trong suốt - Kích thước: 12cm x 3.6m ($\pm 10\%$) hoặc 15cm x 3.6m ($\pm 10\%$) - Thời gian khô tối đa 3 phút - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	250
4	Băng bột bó, cỡ 10cm x 2.7m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 10cm x 2.7m ($\pm 10\%$) - Yêu cầu khi sử dụng: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	500
5	Băng bột bó, cỡ 15cm x 2.7m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 15cm x 2.7m ($\pm 10\%$) - Yêu cầu khi sử dụng: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	700

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6	Băng bột bó, cỡ 7.5cm x 2.7m ($\pm 10\%$)	Băng bột bó dùng cố định gãy xương trong điều trị chấn thương- chỉnh hình - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất (97 - 98%) - Kích thước: 7.5cm x 2.7m ($\pm 10\%$) - Yêu cầu khi sử dụng: ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt - Thời gian đông khô: tối thiểu 1 phút và không quá 4 phút - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	150
7	Băng cá nhân, dài 60mm (± 2 mm), rộng 20mm (± 2 mm)	Băng cá nhân - Chất liệu: Nền bằng vải đàn hồi viscose và polyamide, số sợi 120-125 sợi/cm, màu da; phủ lớp keo oxit kẽm trọng lượng 80 - 110g/m², ở giữa có miếng gạc thấm hút bằng vải viscose, khả năng thấm hút > 500%; phủ lớp chống dính Polyethylene - Kích thước băng: dài 60mm (± 2mm), rộng 20mm (± 2mm) - Lực dính khoảng 2 - 9N/cm - Quy cách: 100 - 200 miếng / hộp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE (Châu Âu) + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	3.000.000
8	Băng cá nhân, dài 70mm (± 2 mm), rộng 20mm (± 2 mm)	Băng cá nhân - Chất liệu: PVC (Polyvinyl clorua), màu da - Độ bền kéo: 2.0kg/12mm $\pm$ 50g - Phủ keo Acrylic 100 - 105mg, không chứa latex, độ dính 520g/12mm $\pm$ 30g - Kích thước băng: dài 70mm (± 2mm), rộng 20mm (± 2mm) - Gạc: 13 x 23mm (± 1mm), thấm hút, mềm, phủ lớp chống dính polyethylene, tẩm benzalkonium chloride 0.080 - 0.085mg - Quy cách: 100 - 200 miếng / hộp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	455.000
9	Băng cá nhân, hình tròn, đường kính 22 $\pm$ 01 mm	Băng cá nhân - Chất liệu: PVC (Polyvinyl clorua), màu da - Độ bền kéo: 2.0kg/12mm $\pm$ 50g - Phủ keo Acrylic 30-35mg, không chứa latex, độ dính 520g/12mm $\pm$ 30g - Kích thước: + Băng hình tròn đường kính 22 $\pm$ 01mm + Gạc: 9 x 9mm (± 01mm), thấm hút, mềm, có lớp màng chống dính polyethylene, tẩm benzalkonium chloride 0.034 - 0.035mg - Quy cách: 100 - 200 miếng / hộp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	45.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10	Băng cố định chóp xoay khớp vai sau phẫu thuật có gối đi kèm	Băng cố định chóp xoay khớp vai tư thế dùng bán cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai - Chất liệu: vải cotton, vải tricot, vải có lỗ thoáng khí - Cấu tạo: có gối đi kèm, giúp tay dạng ra 15-30 độ, phù hợp cho cả vai phải và vai trái - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: 25-30cm, 30-35cm, >35cm (tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	250
11	Băng cố định khớp vai sau phẫu thuật không có gối đi kèm	Băng cố định khớp vai dùng cố định khớp vai sau phẫu thuật khâu chóp xoay khớp vai, trật khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay - Chất liệu: vải cotton, có lỗ thoáng khí - Dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ: 20-50cm, 50-60cm, 60-75cm, 75-85cm, 85-95cm, 95-105cm, 105 - 150cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	200
12	Băng đàn hồi, tự dính, chiều rộng 10cm, chiều dài 4.5 ± 0.05m	Băng đàn hồi tự dính dùng để cố định hoặc băng ép - Chất liệu: Cao su thiên nhiên khoảng 50 - 65%, vải polyester khoảng 10 - 20%, vải polyurethane co giãn khoảng 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic khoảng 10 - 20% - Chiều rộng 10cm, chiều dài 4.5 ± 0.05m - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	650
13	Băng đàn hồi, tự dính, chiều rộng 7.5cm, chiều dài 4.5 ± 0.05m	Băng đàn hồi tự dính dùng để cố định hoặc băng ép - Chất liệu: Cao su thiên nhiên khoảng 50 - 65%, vải polyester khoảng 10 - 20%, vải polyurethane co giãn khoảng 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic khoảng 10 - 20% - Chiều rộng 7.5cm, chiều dài 4.5 ± 0.05m - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	850
14	Băng đàn hồi, tự dính, chiều rộng 8.0cm, chiều dài 4.0 - 4.5m	Băng đàn hồi tự dính để cố định hoặc băng ép - Thành phần: Cotton 40-50%; Viscose 25-30%; Polyamide 25-30% - Chiều rộng 8.0cm, chiều dài 4.0 - 4.5m - Băng tự dính vào nhau, không dính vào da, tóc, không cần băng keo cố định. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
15	Băng đệm mềm	Băng đệm mềm được sử dụng làm băng đệm dưới băng ép trong điều trị phù bạch mạch hay suy tĩnh mạch để làm tăng hiệu quả điều trị - Thành phần: 100% polyurethane - Đặc tính: co giãn đa chiều - Kích thước: 10cm x 2m x 0.2cm ($\pm 10\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20
16	Băng dính cố định silicone, 2.5cm x 1.3m ($\pm 05\%$)	Băng dính cố định silicone - Thành phần: lớp nền được làm từ màng PET (Polyethylene terephthalate) 45 – 65% , nền keo Silicone 45 – 65%, không chứa PVC và cao su thiên nhiên - Độ bám dính vào bề mặt thép 10.5 – 12.4 oz/in - Độ bám dính vào mặt nền của băng keo: 7.6 – 10.0 oz/in - Dễ dàng xé theo 2 chiều ngang dọc: sợi ngang 95 - 160g/lớp, sợi dọc: 75 – 135g/lớp - Kích thước: 2.5cm x 1.3m ($\pm 05\%$) - Bám dính vào da lên tới 48h - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	500
17	Băng dính cố định, cỡ 2.5cm x (5 - 6)m	Băng dính cố định các loại ống thông - Chất liệu: băng Polyester: khoảng 50 - 60%. Giấy lót phủ silicon: khoảng 20-30%. Lớp keo Acrylic: khoảng 15 - 25% - Nền vải Polyester 2 lớp không thấm nước và thông thoáng. Xé được 2 chiều - Kích thước: 2.5cm x (5 - 6)m - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	2.000
18	Băng dính cố định, cỡ 2.5cm x (9 - 10)m	Băng dính cố định ống thông, thiết bị tiêm truyền - Chất liệu: plastic trong, không đàn hồi, được phủ keo Acrylate khoảng 10 - 20% - Yêu cầu khi sử dụng: Xé được 2 chiều, chống thấm nước, không gây kích ứng da - Kích thước: 2.5cm x (9 - 10)m - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	38.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19	Băng dính có oxít kẽm	Băng dính cố định, co giãn dùng băng ép - Chất liệu: nền bằng 100% sợi cotton, số sợi >160 sợi/10cm; độ dày: 0.84 - 0.94mm phủ keo có oxít kẽm, trọng lượng khối phủ 100 - 120g/m² - Trọng lượng: 133 - 147 g/m² - Lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon - Độ co giãn tối thiểu 90%, chiều dài chưa kéo giãn 230 ± 20 cm - Kích thước: rộng 10 ± 0.1cm, chiều dài 4.5 ± 0.1m - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	2.400
20	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại nằm ngang	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại nằm ngang - Chất liệu: băng hydrocolloid có pH tương thích với da, giúp bảo vệ da. Bộ khóa bằng nhựa - Dùng cho cố định ống có kích cỡ 5 - 40Fr - Bộ khóa ống có thể điều chỉnh giúp tránh vẹo ống - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	45
21	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại thẳng đứng	Băng dính dùng cố định ống dẫn lưu, loại thẳng đứng - Chất liệu: băng hydrocolloid có pH tương thích với da, giúp bảo vệ da. Bộ khóa bằng nhựa - Dùng cho cố định ống có kích cỡ 5 - 40Fr - Bộ khóa ống có thể điều chỉnh giúp tránh vẹo ống - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	70
22	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu	Băng dính dùng trong hỗ trợ và giải áp cho lớp cơ sâu, đặc biệt cho da nhạy cảm - Chất liệu: khoảng 50% Polyester và 50% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex - Yêu cầu khi sử dụng: co giãn đa chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3-5 ngày - Kích thước: 5cm x 5m (±10%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	45

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
23	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng, hỗ trợ cố định và giải áp cho lớp cơ sâu, phù hợp ứng dụng điều trị với khả năng kéo giãn của lớp da tại các vùng như mặt trước khớp gối, lưng dưới và vùng cổ - Chất liệu: 100% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex - Yêu cầu khi sử dụng: lớp vải cotton dày, co giãn 1 chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3 - 5 ngày - Kích thước: 5cm x 4m ($\pm 10\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	10
24	Băng dính tác động vô lớp hạ bì, dành cho da nhạy cảm	Băng dính dùng trong phục hồi chức năng dành cho các ứng dụng điều trị lớp nông, hỗ trợ lưu thông hệ bạch huyết, giảm sưng, phù nề - Chất liệu: 100% Cotton - Bề mặt có phủ lớp keo Acrylic không chứa latex - Yêu cầu khi sử dụng: lớp vải cotton co giãn đa chiều, chống thấm nước - Dán và lưu được trên da khoảng 3 - 5 ngày - Kích thước: 5cm x 5m ($\pm 10\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	35
25	Băng dính trong suốt cố định kim lườn, 7 x 8 cm (± 0.5 cm)	Băng dính trong suốt cố định kim lườn - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 2-15%, phủ lớp keo acrylate khoảng 3- 30%, ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm, lớp giấy lót phủ silicone 15-65%, khung viền giấy phủ silicone 4-30% - Kích thước: 7 x 8 cm (± 0.5cm) - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim lườn - Có khung viền giấy - Bộ phận đi kèm: nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định. - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	70.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
26	Băng dính trong suốt cố định kim luân, dành cho người lớn	Băng dính trong suốt cố định kim luân ngoại biên, dành cho người lớn - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 1-20%, phủ lớp keo acrylate <30% - Chiều rộng: 6.5 - 7.0cm, chiều dài: 7.0 - 7.5cm - Đặc tính: ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm - Phủ keo hình kim cương tăng độ bám dính và thông thoáng - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luân - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định - Có khung viền giấy - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	350.000
27	Băng dính trong suốt cố định kim luân, dành cho người lớn, cỡ 7.5 x (7.5 - 8.5) cm	Băng dính trong suốt cố định kim luân, dành cho người lớn Chất liệu: nền băng bằng 100% polyurethane, Lớp vải không dệt: 50 - 60g/m²; 120 - 130 g/m² giấy Glassine, phủ lớp keo acrylate 18 - 22g /m² - Độ bám dính: $\geq 1.0\text{N/cm}$ - Kích thước 7.5 x (7.5 - 8.5) cm - Lưu băng: ít nhất 3 ngày - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luân - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định - Có khung viền giấy - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	30.000
28	Băng dính trong suốt cố định kim luân, dành cho trẻ em	Băng dính trong suốt cố định kim luân ngoại biên, dành cho trẻ em - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 14-15%, phủ lớp keo acrylate <30% - Chiều rộng: 3.5 - 4.0cm, chiều dài: 4.5 - 5.0cm - Đặc tính: ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luân - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định - Có khung viền giấy - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	3.800

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
29	Băng dính trong suốt, 10 x 12cm (±10%)	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane khoảng 8-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic <30% (không latex) - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: ngăn cản vi khuẩn, virus với đường kính >27nm - Mức thoát hơi nước $\geq 500 \text{ g/m}^2/24\text{h}$ - Kích cỡ: 10 x 12cm (±10%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	31.500
30	Băng dính trong suốt, 10 x 25cm (±10%)	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane khoảng 8-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic <30% (không latex) - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: ngăn cản vi khuẩn, virus với đường kính >27nm - Kích cỡ: 10 x 25cm (±10%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	250
31	Băng dính trong suốt, 15 x 20cm (±10%)	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane khoảng 8-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic <30% (không latex) - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: ngăn cản vi khuẩn, virus với đường kính >27nm - Kích cỡ: 15 x 20cm (±10%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	250
32	Băng dính trong suốt, 6 x 7cm (±05%)	Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter - Chất liệu: màng Polyurethane khoảng 8-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic <30% (không latex) - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: ngăn cản vi khuẩn, virus với đường kính >27nm - Kích cỡ: 6 x 7 cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	2.300

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
33	Băng dính, 10cm x 10m (±05%)	Băng dính dùng trong cố định băng gạc, thiết bị tiêm truyền - Chất liệu: vải không dệt, 50% viscose, 50% polyester, phủ lớp keo Acrylate, hàm lượng keo phủ 40-45g/m² - Trọng lượng: ≤ 50g/m² - Lực dính: 2.5 N / 2.5cm - Lớp giấy lót phủ silicone 60-65g/m², có đường phân chia các vạch - Đặc tính: co giãn theo chiều ngang, không chứa latex - Kích thước: 10cm x 10m (±05%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	4.100
34	Băng dính, 10cm x 2.5m (±05%)	Băng dính dùng trong cố định băng gạc, thiết bị tiêm truyền - Chất liệu: vải không dệt, 50% viscose, 50% polyester, phủ lớp keo Acrylate; hàm lượng keo phủ 40-45g/m² - Trọng lượng: ≤ 50g/m² - Lực dính: ≥ 2.5 N / 2.5cm - Lớp giấy lót phủ silicone 60-65g/m², có đường phân chia các vạch - Đặc tính: co giãn theo chiều ngang, không chứa latex - Kích thước: 10cm x 2.5m (±05%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	50
35	Băng dính, dạng giấy, 2.5cm x 5m (±05%)	Băng dính dạng giấy - Chất liệu: 100% sợi viscose nền không đan dệt, mềm mại, phủ keo acrylic, hàm lượng keo phủ 55 - 70 g/m² - Lực dính: 0.5 - 4.0 N/cm - Kích thước: 2.5cm x 5m (±05%) - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Băng có nhiều lỗ nhỏ thông thoáng, êm dịu cho da nhạy cảm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	14.000
36	Băng dính, dạng giấy, 2.5cm x 9m (±05%)	Băng dính dạng giấy - Chất liệu: 60-70% giấy tổng hợp, keo acrylate 25-30%, không chứa cao su - Kích thước: 2.5cm x 9m (±05%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	18.000
37	Băng đựng hóa chất, dùng cho máy Sterrad 100NX	Băng đựng hóa chất Hydrogen peroxide (H₂O₂) - Thành phần: H₂O₂ 58% - Đặc điểm: 01 băng gồm 10 cell, mỗi cell chứa 5.4mL H₂O₂ 58% - Tương thích với dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100NX của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Băng	2.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
38	Băng đựng hóa chất, dùng cho máy Sterrad 100S	Băng đựng hóa chất Hydrogen peroxide (H2O2) - Thành phần: H2O2 58% - Đặc điểm: 01 băng gồm 10 cell, mỗi cell chứa 1.8mL H2O2 58% - Tương thích với dòng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp STERRAD 100S của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Băng	1.400
39	Băng ép sức căng ngắn, 10cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch - Thành phần: cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 10cm x 5m (±10%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	10
40	Băng ép sức căng ngắn, 12cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch - Thành phần: cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 12cm x 5m (±10%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	15
41	Băng ép sức căng ngắn, 6cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch - Thành phần: cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 6cm x 5m (±10%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	10
42	Băng ép sức căng ngắn, 8cm x 5m (±10%)	Băng ép sức căng ngắn được sử dụng để băng ép tạo áp lực ổn định trong hỗ trợ điều trị phù bạch mạch, suy tĩnh mạch - Thành phần: cotton, không latex. Mép băng được gia cố bằng polyamide/polyurethane - Co giãn theo chiều dọc tối đa 90% - Kích cỡ: 8cm x 5m (±10%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	15

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
43	Băng giữ dạng ống, cỡ 6.5cm x 5m (±10%)	Băng giữ dạng ống sử dụng cố định băng gạc; bảo vệ da khi sử dụng với băng ép, băng bó bột hay đang trị liệu bằng thuốc mỡ - Thành phần: khoảng 67-70% Cotton, khoảng 30-33% Viscose - Cấu tạo: có thể giãn theo chiều ngang, không có mối nối, không nhăn, thông thoáng - Kích thước: 6.5cm x 5m (±10%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	10
44	Băng giữ dạng ống, cỡ 8.5cm x 20m (±10%)	Băng giữ dạng ống sử dụng cố định băng gạc; bảo vệ da khi sử dụng với băng ép, băng bó bột hay đang trị liệu bằng thuốc mỡ - Thành phần: khoảng 67-70% Cotton, khoảng 30-33% Viscose - Có thể giãn theo chiều ngang, không có mối nối, không nhăn, thông thoáng - Kích thước: 8.5cm x 20m (±10%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	12
45	Băng keo chỉ thị tiếp xúc, cỡ 1.7-1.8cm x 50-52m	Băng keo chỉ thị tiếp xúc dùng cho phương pháp tiết khuẩn hơi nước - Thành phần: giấy 40 %; copolymer 15-16%; acrylic resin $\geq 6-6.4$ %; mực chỉ thị 1.5 -1.6 % - Mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chỉ thị hóa học - Kích thước: 1.7-1.8cm x 50-52m - Không chứa chì - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng giữa băng keo trước - sau tiết khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	300
46	Băng keo chỉ thị tiếp xúc, cỡ 1.8-1.9cm x 55-60m	Băng keo chỉ thị tiếp xúc dùng cho phương pháp tiết khuẩn hơi nước - Thành phần: Giấy Crepe 40-50%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, mực chỉ thị 0.5 - 2% - Mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chỉ thị hóa học - Kích thước: 1.8-1.9cm x 55-60m - Không chứa chì - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng giữa băng keo trước - sau tiết khuẩn, màu giữ ổn định trong vòng 6 tháng - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	700

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
47	Băng keo có chỉ thị hóa học cho tiết khuẩn nhiệt độ thấp H ₂ O ₂ , cỡ 1.9-2.0cm x 55-60m	Băng keo có chỉ thị hóa học - Thành phần: Giấy Crepe - Kích thước: 1.9-2.0cm x 55-60m - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng băng keo trước - sau tiết khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Không chứa chì, kim loại nặng - Tương thích với các dòng máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H₂O₂ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	54
48	Băng keo có chỉ thị hóa học cho tiết khuẩn nhiệt độ thấp H ₂ O ₂ , cỡ 2.0-2.5cm x 50-52m	Băng keo có chỉ thị hóa học nhận biết quá trình tiết khuẩn nhiệt độ thấp Hydrogen Peroxide - Thành phần: giấy dính: $\geq 95\%$; mực chỉ thị: $< 5\%$ - Kích thước: 2.0-2.5cm x 50-52m - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng băng keo trước - sau tiết khuẩn - Băng keo có độ dính cao trên các vật liệu đóng gói, dễ tháo/ xé trước khi sử dụng - Không chứa chì, kim loại nặng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cuộn	24
49	Băng kết dính co giãn hai chiều	Băng kết dính co giãn hai chiều - Thành phần: 65-68% viscose và 33-35% polyamide, được phủ hạt nhựa dính cao su - Co giãn theo 2 chiều ngang và dọc để chống nhăn - Băng giữ kết dính với nhau chắc chắn - Kích thước: 4m x 6cm ($\pm 10\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	10
50	Băng thun chiều rộng 10 $\pm$ 1cm, chiều dài không kéo dãn 180 - 220cm	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 10 $\pm$ 1cm, chiều dài không kéo dãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: $\geq 200\%$ - Trọng lượng: 90 $\pm$ 5 g/m² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn, tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	35.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
51	Băng thun chiều rộng 15 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn 180 - 220cm	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 15 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: ≥ 200% - Trọng lượng: 90 ± 5 g/m² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn, tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	8.700
52	Băng thun chiều rộng 7.5 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn 180 - 220cm	Băng thun dùng trong cố định băng gạc, nẹp bột, băng ép và băng hỗ trợ trong bong gân, giãn dây chằng - Chất liệu: Sợi polyester, spandex và sợi cotton, lỗ thoát khí nhỏ - Chiều rộng: 7.5 ± 1cm, chiều dài không kéo giãn: 180 - 220cm - Độ co giãn: ≥ 200% - Trọng lượng: 90 ± 5 g/m² - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g - Đóng gói từng cuộn, tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	1.300
53	Băng vết thương màng cellulose biopolymer, cỡ 20 x 16 cm (±1cm)	Băng vết thương màng cellulose biopolymer - Thành phần: 0.2g Cellulose (100%) đựng trong 4.8mL muối sinh lý (9 mg/mL NaCl) - Cấu tạo: 1 lớp màng 100% cellulose biopolymer, trong suốt, độ dày 0.2 - 0.4mm - Kích thước: 20 x 16cm (±1cm) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	5
54	Băng xốp polyurethane silver, 3 lớp, cỡ 10 x 10cm (± 0.5), dày 5 - 6mm	Băng xốp Polyurethane 3 lớp gồm: + Lớp bảo vệ: Màng film P.U bán thấm phù ngoài chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn + Lớp hấp thụ (foam polyurethane): chứa Sodium Alginate 0.9%, silver nitrate (AgNO₃) 1 - 1.5%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 15 - 55µm - Tốc độ thoát hơi ẩm: ≥ 1.400g/m²/ngày - Khả năng thấm hút dịch: ≥ 5.600g/m²/ngày - Lưu băng lên tới 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Kích thước: 10 x 10cm (± 0.5), dày 5 - 6mm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
55	Băng xốp polyurethane silver, 3 lớp, cỡ 20 x 20cm (± 0.5), dày 5 - 6mm	Băng xốp Polyurethane 3 lớp + Lớp bảo vệ: Màng film P.U bán thấm phủ ngoài chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0.9%, silver nitrate (AgNO₃) 1 %, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 15 - 55μm. - Tốc độ thoát hơi ẩm: $\geq 1.400\text{g/m}^2/\text{ngày}$ - Khả năng thấm hút dịch: $\geq 5.600\text{g/m}^2/\text{ngày}$ - Lưu băng lên tới 7 ngày - Tiết khuẩn từng miếng - Kích thước: 20 x 20cm (± 0.5), dày 5 - 6mm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	20
56	Băng xốp polyurethane, 3 lớp, cỡ 20 x 20cm (± 0.5), dày 5 - 6mm	Băng xốp Polyurethane 3 lớp + Lớp bảo vệ: Màng film P.U bán thấm phủ ngoài chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0.9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 15 - 55μm - Tốc độ thoát hơi ẩm: $\geq 1.330\text{g/m}^2/\text{ngày}$ - Khả năng thấm hút dịch: $\geq 5.300\text{g/m}^2/\text{ngày}$ - Lưu băng lên tới 7 ngày - Tiết khuẩn từng miếng - Kích thước: 20 x 20cm (± 0.5), dày 5 - 6mm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	50
57	Bao áp lực truyền dịch nhanh, 500mL	Bao áp lực truyền dịch nhanh, 500mL - Chất liệu: Pha lê trong suốt hoặc cotton - Đặc điểm: có lớp màng bằng đồng - beryllium, trong suốt, có đồng hồ đo áp kế tới 700mmHg, có 3 khóa 3 ngã - Dùng nhiều lần - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE (Châu Âu) + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	100
58	Bao camera nội soi tiết khuẩn, dài 220 - 225cm	Bao camera nội soi - Chất liệu: nhựa PE, màu trắng, không chứa DEHP - Chiều dài 220 - 225cm, chiều rộng 15 - 20cm - Có vòng nhựa, đường kính khoảng 100mm, vòng nhựa gắn liền với miệng bao nylon dày 1.5 - 2.0mm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	39.100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
59	Bao camera nội soi tiết khuẩn, dài 235 - 240cm	Bao camera nội soi - Chất liệu: nhựa PE, màu trắng, không chứa DEHP - Chiều dài 235 - 240cm, chiều rộng 15 - 16cm - Có vòng nhựa, đường kính khoảng 100 ± 5 mm, vòng nhựa gắn liền với miệng bao nylon dày 1.5 - 2.0mm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	12.100
60	Bao chi đùi dùng trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (45-40-30) mmHg	Bao chi đùi dùng trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch - Tạo 3 áp lực chuẩn là (45-40-30) mmHg, giảm dần, nén tuần tự từ cổ chân, bắp chân lên vùng đùi trên - Cỡ S, dùng cho người bệnh có chu vi vòng đùi (40.5 - 55.9)cm - Cỡ M dùng cho người bệnh có chu vi vòng đùi (55.9 - 71.2)cm - Đảm bảo không tiếng ồn (<50Db) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	7.600
61	Bao chi đùi trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45) mmHg	Bao chi đùi trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch - Bằng vải không dệt cỡ khoảng 74 - 75cm, không có chất cao su và không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nổi hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây. Tạo áp lực (73-63-45) mmHg, thời gian giữ 6 giây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Đôi	1.150
62	Bao chi đùi, phòng ngừa huyết khối, size M	Bao chi đùi, phòng ngừa huyết khối, size M - Chất liệu: airflow light - Chỉ số thoáng khí 12.5m² Pa/W - Chỉ số giảm nhiệt TOG 0.8 - Kích thước: ≤ 71 cm, dạng 1 khoang - Lực nén: 40 - 65 mmHg/ 12 giây trong chu kỳ 60 giây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Đôi	250
63	Bao chi gối trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45) mmHg	Bao chi gối trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch - Bằng vải không dệt cỡ khoảng 48 - 50cm, không có chất cao su, không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nổi hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây - Tạo áp lực (73- 63-45) mmHg, thời gian giữ 6 - 7 giây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Đôi	700

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
64	Bao chụp kính hiển vi cỡ 122 x (205 - 210) cm	Bao chụp kính hiển vi - Chất liệu plastic trong suốt có 3 đầu chụp, mỗi đầu có 2 lỗ với đường cắt sẵn - Có tấm kính bao đầu kính hiển vi với đường kính 65mm ± 10%, chất liệu bằng pha lê trong suốt - Kích cỡ 122 x (205 - 210) cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.500
65	Bao chụp kính hiển vi cỡ 150 x (200 - 205) cm	Bao chụp kính hiển vi - Chất liệu nhựa PE, màu trắng - Cỡ 150 x (200 - 205) cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3.800
66	Bầu phun khí dung sử dụng nhiều lần	Bầu phun khí dung dùng nhiều lần - Chất liệu: Polypropylene, Thermoplastic elastomer - Tốc độ phun: 450 - 600 mg/phút - Kích thước hạt phun 2.2 và 3.5µm. Có thể hấp tiệt khuẩn 250 - 300 lần - Gồm có: mặt nạ, bầu phun thuốc, dây nối, ống ngậm, lõi insert tạo hạt 2.2µm, lõi insert tạo hạt 3.5µm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE (Châu Âu) + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
67	Bình chứa dịch dẫn lưu màng phổi, bằng nhựa, tối thiểu 1800mL	Bình chứa dịch dùng trong dẫn lưu dịch màng phổi - Chất liệu: Polystyrene chống sốc - Cấu tạo: bình thẳng đứng, màu trắng trong suốt - Dung tích bình tối thiểu 1800mL - Trên nắp bình có 3 lỗ thông: 01 lỗ thông khí, 01 lỗ hút dịch chân không, 01 lỗ hút dịch từ người bệnh - Cơ chế 1 chiều ngăn không khí và chất lỏng chảy ngược vào phổi. Vạch chia độ. - Kèm dây nối dài 120 - 180cm, mềm, gắn trực tiếp vào bình chứa dịch và 1 đầu gắn vào ống dẫn lưu từ người bệnh, chống xoắn hút áp lực cao không bị tóp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
68	Bình chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm, cỡ 300mL và 500mL	Bình chứa dịch sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa - Chất liệu: Bình nhựa có gel bằng polymer polyacrylate natri, có sensor cảnh báo bình đầy - Thể tích: 300mL và 500mL - Có đầu tích hợp lắp nhanh vào máy hút kèm dây nối 180 - 190cm, kẹp dây. - Tương thích với xốp cùng loại, cùng hãng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.170
69	Bình chứa dịch, khí màng phổi, bằng thủy tinh, 2000mL	Bình chứa dịch, khí màng phổi - Chất liệu: thủy tinh, trong suốt, có quai xách - Chiều cao bình khoảng 26 ± 1cm - Miệng bình: Đường kính trong 2.5 ± 0.1cm, đường kính ngoài khoảng 3.0 - 3.5cm - Thể tích: 2000mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.700
70	Bình đựng dịch dùng cho máy sinh thiết vú đi kèm máy sinh thiết có hỗ trợ lực hút chân không	Bình đựng dịch dùng để đựng dịch trong quá trình sinh thiết - Gồm: nắp và thân bình - Dung tích: 1200 - 1300mL - Chất liệu: Styrene Acrylonitrile (SAN) - Tương thích máy sinh thiết vú có hỗ trợ lực hút chân không Encor Enspire của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
71	Bình làm ẩm oxy	Bình làm ẩm oxy sử dụng oxy liệu pháp - Chất liệu: bình chứa bằng Polypropylene, bộ phận tạo ẩm bằng Polycarbonate - Chứa tối thiểu 340mL nước tiệt khuẩn - Có nút điều chỉnh lưu lượng đạt nồng độ oxy: 25-98% - Van giảm áp suất: 350 - 700cmH₂O - Tương thích với lưu lượng kế đang sử dụng tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	12.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
72	Bình làm ẩm tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Bình làm ẩm - Tự động làm đầy nước, thể tích nén khí bình rỗng là 440-450mL, khi đầy là 280 - 285mL - Dung tích chứa nước tối đa là 160mL - Kích thước: 130 x 122 x 95mm ($\pm 05\%$) - Độ rò $\leq 25\text{mL/phút}$ - Lưu lượng cực đại 60L/phút - Áp lực vận hành tối đa: 16.5kPa (165cmH2O) - Phạm vi nhiệt độ vận hành: 18-28 độ C - Phạm vi độ ẩm vận hành: 15 - 93%RH - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent) của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	330
73	Bộ cảm biến đo các thông số huyết động	Bộ cảm biến đo các thông số huyết động theo dõi cung lượng tim - Chất liệu: ABS, HDPE, PC, PP, PVC - Tương thích với các catheter động mạch quay và cảm biến theo dõi áp lực - Tiệt khuẩn - Nhiệt độ hoạt động: 15 đến 40°C - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	30
74	Bộ cảm biến đo đồng thời huyết áp động mạch và huyết áp tĩnh mạch trung tâm và bộ cảm biến nhiệt	Bộ cảm biến đo đồng thời huyết áp động mạch và huyết áp tĩnh mạch trung tâm và bộ cảm biến nhiệt - Chất liệu: Polycarbonate, Polyethylen, Silicone, Polyvinylchlorid, ABS Bộ bao gồm: - cảm biến theo dõi huyết áp động mạch, huyết áp tĩnh mạch trung tâm - Cảm biến nhiệt đầu vào - Cảm biến áp lực - Hệ thống xả: tốc độ 3mL/h với áp lực 300mmHg - Chiều dài dây đo huyết áp dài 150 - 155cm - Chiều dài đo huyết áp tĩnh mạch trung tâm dài 150 - 155cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	16
75	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục - Trọng lượng $\leq 5\text{ gr}$ - Kích thước $\leq 40\text{ mm}$ - Phạm vi chỉ số glucose ít nhất 40 mg/dL - Thời gian sử dụng cảm biến có thể lên đến 14 ngày - Có thể hoạt động được ở nhiệt độ tối thiểu 15 độ C, tối đa 40 độ C - Cấu tạo chống nước - Thiết bị đọc kết quả - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	450

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
76	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục thời gian thực	Bộ cảm biến theo dõi đường huyết liên tục thời gian thực - Phạm vi chỉ số glucose trong cảm biến: 30 - 500 mg/dL - Thời gian sử dụng cảm biến: tối đa 14 ngày - Điều kiện vận hành: truyền dữ liệu 5 – 40 °C. Chống nước - Truyền dữ liệu liên tục và tự động cập nhật theo thời gian thực - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	150
77	Bộ catheter dẫn lưu chủ động dịch khoang màng phổi 3 trong 1	Bộ dẫn lưu chủ động dịch màng phổi 3 trong 1, dùng trong điều trị tràn dịch màng phổi kéo dài. - Bộ dụng cụ gồm: + Bộ đặt ống dẫn lưu với catheter dẫn lưu 15.5 Fr, bằng silicone, dài 65-70 cm, có van dẫn lưu một chiều, có khớp nối, kim chọc, dây dẫn đầu chữ J dài 60 - 65cm, ống mở đường 16 Fr có nắp van, que luồn + Bơm tiêm 10mL + Dây dẫn lưu có kẹp con lăn với đầu kết nối có khoá, kim 17G x 2.5 cm, nắp van + Bộ băng bó cố định dây dẫn lưu ngoài da, gạc, miếng dán tự dính - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
78	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 1 nòng, cỡ 4F, 5F	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 1 nòng bao gồm: - Chất liệu: polyurethane - Kích cỡ: 4F, 5F nòng catheter 18G - Thể tích đuổi khí: 0.65 - 0.70 mL - Tốc độ dòng chảy: 1.200 - 1.300 mL/giờ, hình nón ngược giúp dễ khi đưa vào vị trí đặt catheter và chống sự gấp gảy - Dây dẫn bằng thép không gỉ với chiều dài: 70 - 75cm, 135 - 140cm - Thông nòng microintroducer 10cm - Lưỡi dao - Kim introducer 21G - Nắp đậy cho mỗi nòng catheter - Bơm tiêm đầu xoắn luer-lock 10 - 12 mL, không latex - Thiết bị cố định catheter - Thước đo giấy - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	48

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
79	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nòng, 5F, 6F	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nòng - Kích cỡ 5F, 6F, 2 nòng catheter cỡ 18G/nòng - Chất liệu polyurethane - Thể tích đuổi khí mỗi nòng 0.55 - 0.60 mL - Tốc độ dòng chảy với trọng lực mỗi nòng 575 - 580 mL/giờ - Hình nón ngược giúp nhẹ nhàng khi đưa vào vị trí đặt catheter và chống sự gấp gãy, cho phép tiêm truyền thuốc cân quang với áp lực đến 300psi cho các kỹ thuật CECT scan - Tốc độ tối đa lên đến 5 mL/giây - Dây dẫn bằng thép không gỉ, với chiều dài 68 - 72cm - Thời gian lưu: 6 - 12 tháng - Bộ phận đi kèm: + Thông nòng: 8 - 12 cm + Lưỡi dao + Nắp đậy cho mỗi nòng catheter + Bơm tiêm đầu xoắn luer-lock 10 - 12 mL, không latex + Thiết bị cố định catheter + Thước đo - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	125
80	Bộ chăm sóc vết thương sử dụng 1 lần	Bộ chăm sóc vết thương dùng 1 lần, bao gồm: - 4 -5 miếng gạc cotton 7.5 x 7.5cm, 8 lớp, thấm hút tốt, dùng trong y tế - 10-15 Gạc viên đường kính 2 - 4cm bằng vải không dệt viscose - 01 Kẹp trắng bằng nhựa dài 13cm - 01 Kềm bằng nhựa dài > 15cm - 01 Khay chứa bằng nhựa PVC, 3-4 ngăn, kích thước: 24cm x 15cm x 2.5cm - 01 Tấm lót bằng nhựa, kích thước 45 x 60cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	18.500
81	Bộ dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài, van 1 chiều, 2300 - 2400mL	Bình dẫn lưu khí, dịch, máu từ trung thất ra ngoài - Cấu tạo 3 khoang, có van điều chỉnh áp lực - Có van 1 chiều trên dọc tuyến dẫn lưu, van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng hút nước hoặc trào ngược và có vị trí để hút dịch làm xét nghiệm - Thể tích khoảng 2300 - 2400 mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	230

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
82	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn - Chất liệu: bằng PVC Cấu tạo: - Dây truyền dịch dài $150 \pm 10\text{cm}$, đầu hình chữ J - 1 bộ cảm ứng đo áp lực kèm dây cáp dài 30-40cm và cổng zero - Dây nối với người bệnh có vị trí lấy mẫu máu - Có dây nối phụ phân biệt màu: xanh (tĩnh mạch), đỏ (động mạch) + Áp lực đo: -30 đến 300mmHg + Độ chính xác: Sai số tối đa không quá 2% - Tiệt khuẩn - Tương thích cáp JP-900P của máy Monitor Nihon Kohden hiện có tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	7.200
83	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, có cổng lấy mẫu máu kín	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn có cổng lấy mẫu máu kín - Chất liệu: bằng PVC Cấu tạo: - Dây truyền dịch dài $180 \pm 10\text{cm}$, kim nhỏ giọt trong bầu truyền dịch hình chữ J làm giảm hình thành các bọt khí trong hệ thống - 1 bộ cảm ứng đo áp lực kèm dây cáp dài 30-40cm và cổng zero - Dây nối với người bệnh có vị trí lấy mẫu máu kín - Có dây nối phụ phân biệt màu: xanh (tĩnh mạch), đỏ (động mạch) + Áp lực đo: -30 đến 300mmHg + Độ chính xác: Sai số tối đa không quá 2% - Tiệt khuẩn - Tương thích cáp JP-900P của máy Monitor Nihon Kohden hiện có tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
84	Bộ dẫn truyền cảm ứng 2 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch, 2 đường - Chất liệu: nhựa PVC - Cấu tạo: - Dây truyền dịch dài $150 \pm 10\text{cm}$, Kim nhỏ giọt trong bầu truyền dịch hình J, làm giảm sự hình thành các bọt khí trong hệ thống. - 2 bộ cảm ứng đo áp lực kèm dây cáp dài khoảng 34 - 36cm và cổng zero - Có dây nối phụ phân biệt màu: xanh (tĩnh mạch), đỏ (động mạch) - Dây nối với người bệnh có vị trí lấy mẫu máu + Áp lực đo: -30 đến 300mmHg + Độ chính xác: Sai số tối đa không quá 2% hoặc $\pm 1\text{ mmHg}$ - Tiệt khuẩn - Tương thích cáp JP-900P của máy Monitor Nihon Kohden hiện có tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2.400
85	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa dùng cho máy điều trị vết thương áp lực âm	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa - Chất liệu: Nhựa tổng hợp - Bộ gồm bình điều khiển nối với máy kèm dây gắn sẵn và co nối 38mm với dây cáp và túi nước rửa, điều chỉnh lượng nước bơm tưới rửa vết thương. - Tương thích với xốp cùng loại, cùng hãng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
86	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm, dùng 1 lần	Bộ dây dẫn đường dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm, dùng 1 lần - Chức năng: dẫn hướng nhằm hỗ trợ khả năng chẩn đoán nội soi khí phế quản - Chất liệu ống dẫn: nhựa Fluororesin - Chất liệu thân kim sinh thiết: thép không gỉ - Đường kính ngoài vỏ dẫn: 1.90 - 1.95 mm, chiều dài làm việc 105 ± 1 cm - Có nút chặn, có thể kết hợp với đầu dò và thao tác dưới huỳnh quang - Nút chặn kiểu kẹp dễ định vị, giúp tăng tốc độ điều chỉnh vị trí và giảm thời gian cài đặt - Vỏ dẫn linh động, chống xoắn - Bộ phận đi kèm: + 01 kim sinh thiết, dùng 1 lần: ngàm oval, có thể xoay được, phù hợp kênh làm việc có đường kính tối thiểu 1,7mm (phù hợp kênh làm việc có đường kính 2.0mm), chiều dài làm việc 115 ± 1 cm + ET stopper, US Stopper - Tương thích với ống soi khí phế quản BF-P190 – Chiều dài làm việc 600mm và đường kính bên trong kênh 2.0mm (Hệ thống nội soi khí phế quản siêu âm của Bệnh viện) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50
87	Bộ dây dẫn máu chạy thận nhân tạo	Bộ dây dẫn máu chạy thận nhân tạo - Chất liệu : nhựa không DEPH - Bộ dây động mạch, đường kính bầu động mạch 4.5 - 5.0mm - Bộ dây tĩnh mạch, dây tĩnh mạch lớn nhất ở đầu cuối 30 ± 01 mm, nhỏ dần ở giữa tới 19 ± 01mm, đường kính bầu tĩnh mạch 4.8 - 5.0 mm - Hai transducer - Túi xả 2L, Dây truyền dịch - Dây bơm máu: 8 x 12 x 350mm ($\pm 5\%$) - Buồng động mạch không đảo chiều - Buồng tĩnh mạch kích thước: 19/30mm - Thể tích mỗi: 173 ± 01 mL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	8.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
88	Bộ dây hút đàm kín, cỡ 06 → 16Fr	Bộ dây hút đàm kín dùng để hút đàm cho người bệnh có đặt ống nội khí quản hoặc mở khí quản Cấu tạo: - Ống hút bằng nhựa PVC, thân trơn nhẵn, có vạch chia. Đường kính ngoài 2.0 - 5.5mm, dài 40 - 60cm - Kích cỡ: 06 - 16Fr (tối thiểu 6 cỡ) - Đầu ống bo tròn có 3 lỗ hút: 1 lỗ lớn ở đầu xa và 2 lỗ hút hỗ trợ ở 2 bên. Ống hút được bảo vệ bằng vỏ bọc mỏng, mềm chắc, trong suốt. Chịu được áp lực hút $\geq 55\text{kPa}$ (412mmHg) trong một lần hút (15 giây) mà không bị bẹp ống - Van chân không tự động súc rửa. Đầu nối với hệ thống hút tương thích với hệ thống hút đàm tại Bệnh viện - Co nối với ống nội khí quản/ mở khí quản - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.400
89	Bộ dây hút đàm kín, cỡ 12 → 16Fr	Bộ dây hút đàm kín dùng để hút đàm cho người bệnh có đặt ống nội khí quản hoặc mở khí quản Cấu tạo: □ - Ống hút bằng nhựa PVC, thân trơn nhẵn, có cán quang, có vạch chia. Đường kính ngoài 4.0 - 5.3mm, dài 45 - 57cm - Kích cỡ: 12 → 16Fr (tối thiểu 3 cỡ) - Đầu ống kiểu Mully bo tròn có 3 lỗ hút: 1 lỗ lớn ở đầu xa và 2 lỗ hút hỗ trợ ở 2 bên. Ống hút được bảo vệ bằng vỏ bọc mỏng, mềm chắc, trong suốt - Van mở và khóa đường luồn ống hút bằng Polypropylene, dạng núm xoay, có chỉ báo vị trí đóng/mở □ - Van rửa một chiều. Đầu nối với hệ thống hút: bằng Polypropylene, tương thích với hệ thống hút đàm tại Bệnh viện - Co nối T với ống nội khí quản/ mở khí quản - Phụ kiện đi kèm: Co nối - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3.200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
90	Bộ dây lọc máu tương thích máy online HDF tại Bệnh viện	Bộ dây lọc máu - Bao gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây safeline - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP, các đầu nối và các thành phần khác: PC, PVC, ABS, PE... - Thể tích làm đầy: 132 - 135mL - Dây động mạch: dài 3389 ± 6 mm - Dây tĩnh mạch: dài 2717 ± 2 mm - Dây safeline: dài 1000 ± 3 mm - Bầu nhỏ giọt: dài 22 - 25mm - Đoạn dây nằm trong bơm máu đường kính 8 - 9 mm - Trọng lượng: 345 ± 2 g - Tiệt khuẩn - Tương thích với máy Online HDF 5008S của bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2.300
91	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau	Bộ dây truyền kèm túi chứa dịch dùng kiểm soát đau, dùng chứa thuốc giảm đau kiểm soát đau sau mổ - Túi chứa bằng nhựa PVC mềm, không có DEHP, không Latex, chứa được thuốc giảm đau đến 200mL - Dây truyền dịch chống gập dài khoảng 150 - 180cm - Có sensor cảm biến áp lực, đoạn để ép dịch truyền, bộ phận loại bỏ không khí kích thước 0.2 μm hoặc 1.2 μm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	520
92	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu, dài 7.5 - 11cm	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu sử dụng tái tưới máu cho người bệnh: - Bằng coil kim loại, bề mặt của sheath phủ lớp ái nước và đầu tip có đánh dấu căn quang, dây dẫn dạng cuộn kim loại quanh thân dễ dàng uốn cong mà không bị xoắn vặn, phù hợp cho động mạch thận, mạch cảnh và thủ thuật xuyên vách - Chiều dài: 7.5 - 11cm - Đường kính: 5Fr - 10Fr - Chức năng chốt tự động, với cổng nằm phía bên/van cầm máu và kèm khóa 3 ngã - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
93	Bộ kết nối máy thẩm phân phúc mạc tự động người lớn	Bộ kết nối máy thẩm phân phúc mạc tự động người lớn - Chất liệu: Polyvinyl Chloride, HDPE, ABS, LDPE, PES và Acrylic - Đường kính trong 4.0 ± 0.5mm, đường kính ngoài 5.5 - 6.0mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.400

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
94	Bộ kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu, lượng máu 10mL	Kit chiết tách huyết tương giàu tiểu cầu - Lượng máu: 10 mL thu nhận được trong khoảng 5-6 mL PRP - Chức năng: Phục hồi tiểu cầu > 90%, tỷ lệ sót hồng cầu HCT <1% - Tốc độ quay ly tâm tương ứng với 1.500 RCF là 3.000 RPM - Tương thích sinh học và không chứa Pyrogen - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	ống	50
95	Bộ kit hoạt hóa huyết tương giàu tiểu cầu	Bộ kit hoạt hóa huyết tương giàu tiểu cầu - Chất liệu: bằng nhựa tổng hợp, cấu trúc hình trụ tròn, đường kính trong ≥ 2mm, được ghép nối với nhau và có thể tháo rời. Gồm ba đường dẫn máu, uốn theo góc $\geq 110 - 135$ độ ở phần giữa trục. Bộ vật tư tiêu hao hỗ trợ thu nhận huyết tương (bộ tặng kèm) bao gồm: - 01 màng lọc vô trùng (filter) - 03 ống lấy máu chân không sodium citrate - 01 micro-cannula dài 10cm - 01 đầu nối vô trùng (connector) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	270
96	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu - Ống thủy tinh áp lực âm chứa gel phân tách và chất chống đông - Thời gian tách ≤ 20 phút - Dung tích: ≥ 10mL - Nồng độ tiểu cầu sau cô đặc: ≥ 4 lần ban đầu, thu nhận bạch cầu đơn nhân $\geq 86.2\%$ - Loại bỏ $\geq 95\%$ bạch cầu hạt - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	260
97	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu dùng điều trị cho da liễu	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP hoạt hóa cơ học - Ống nghiệm lấy máu chân không ACD chứa gel - Thân ống bằng thủy tinh, có nắp kết nối nút cao su bromobutyl - Trong ống chứa gel phân tách và chất chống đông - Nồng độ huyết tương giàu tiểu cầu lên đến ≥ 4 lần ban đầu - Màng lọc vô trùng - Thời gian ≤ 20 phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	270

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
98	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân, dùng điều trị người bệnh thoái hóa khớp	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu tự thân, dùng điều trị cho người bệnh thoái hóa khớp - Chất liệu: bằng nhựa trong, không latex - 01 ống hình trụ thẳng, có 3 khoang kép kín riêng biệt, có ≥ 02 chốt khóa cơ học, có nắp đậy cửa bơm máu, có vạch đo thể tích ở khoang chứa huyết tương giàu tiểu cầu để điều chỉnh thể tích huyết tương theo nhu cầu - Có lớp màng kim loại phủ kín mặt khoang PRP đảm bảo vô khuẩn trong quá trình chiết tách - Thể tích tối thiểu của khoang chứa 30mL - Đi kèm: bơm tiêm 50mL, 1 kim bướm lấy máu, 03 ống chứa chất chống đông - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.700
99	Bộ kit trao đổi huyết tương, bầu ly tâm 125mL	Bộ kit trao đổi huyết tương sử dụng một lần, thu huyết tương từ người bệnh và thay thế bằng chế phẩm khác như: albumin, huyết tương tươi đông lạnh hoặc dung dịch điện giải. - Bộ kit bao gồm: + Bầu ly tâm dung tích 125mL + Túi chứa dịch bù dung tích 1000mL + Túi chứa chất thải dung tích 5000mL + Túi điều hòa khí dung tích 600mL - Có bộ phận lọc khí trên đường truyền máu và trả máu về - Có túi dung dịch chống đông ACD 500mL kèm theo - Có túi rỗng để gộp dịch bù 1000mL kèm theo - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	15
100	Bộ kit trao đổi huyết tương, hồng cầu và túi dung dịch chống đông	Bộ kit trao đổi huyết tương, hồng cầu - Túi dung dịch chống đông - Có filter lọc 200 - 210 μms - Có túi đuổi khí - Túi thải thể tích 6 lít - Van an toàn - Thể tích vòng tuần hoàn: 140 - 150mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE (Châu Âu) + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	80

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
101	Bộ lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc dùng cho bệnh lý rối loạn lipid máu	Bộ lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc dùng cho bệnh lý rối loạn lipid máu - Cấu tạo gồm: + 01 Quả lọc tách huyết tương Granopen: diện tích 0.3 m2, kích thước lỗ màng tối đa 0.5 µm, vật liệu màng Polyethersulfone, tiệt trùng bằng ETO, áp suất xuyên màng tối đa 50 mmHg + 01 Quả lọc thành phần huyết tương Medopen: kích thước lỗ màng tối đa 30 nm, vật liệu màng Polyethersulfone, tiệt trùng bằng Gamma, áp suất xuyên màng tối đa 250 mmHg + Đầu kết nối đường ra huyết tương của quả lọc: 01 cái + Dây dẫn máu: 01 bộ + Túi dịch thải 5 lít: 01 cái + Ống dẫn dịch tráng rửa dạng chữ Y (hoặc dạng 3 chia): 01 cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	20
102	Bộ lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc dùng cho bệnh lý tự miễn	Bộ lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc dùng cho bệnh lý tự miễn - Cấu tạo gồm: + 01 Quả lọc tách huyết tương Granopen: diện tích 0.3 m2, kích thước lỗ màng tối đa 0.5 µm, vật liệu màng Polyethersulfone, tiệt trùng bằng ETO, áp suất xuyên màng tối đa 50 mmHg + 01 Quả lọc thành phần huyết tương Medopen: kích thước lỗ màng tối đa 10 nm, vật liệu màng Polyethersulfone, tiệt trùng bằng Gamma, áp suất xuyên màng tối đa 250 mmHg + Đầu kết nối đường ra huyết tương của quả lọc: 01 cái + Dây dẫn máu: 01 bộ + Túi dịch thải 5 lít: 01 cái + Ống dẫn dịch tráng rửa dạng chữ Y (hoặc dạng 3 chia): 01 cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	20
103	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da, đường kính trong 7 - 8mm	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da - 01 ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ + Chất liệu: nhựa PVC + Kích thước: đường kính trong 7 - 8mm, đường kính ngoài 10.5 - 13.5mm, chiều dài 70 - 82mm, có đường cân quang trên thân ống, độ cong chuẩn 105 độ + Bóng tròn loại soft-seal mềm mại + 02 nòng trong, đầu tròn, có mấu ngắt, đầu nối tương thích với dây máy thở hoặc dây máy gây mê chuẩn 15F các loại - Đi kèm: 02 đầu nong, dao mổ 11, kim tiêm, ống tiêm, dây dẫn, đầu dẫn, cây chèn mở khí quản, dây cố định mở khí quản, chổi làm vệ sinh nòng trong, gạc thấm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	210

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
104	Bộ phận chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa catheter và túi dịch lọc	Bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa Catheter và túi dịch lọc - Chất liệu: Polyethylene, polysulfone, PBT, silicone, polyester. - Bao gồm một đầu nối khóa cái, ống nhựa và một đầu nối khóa vặn kép (đầu đực). - Được kết nối với đầu nối Titan dùng cho ống thông lọc màng bụng - Chiều dài: 9.6 - 9.7 inch, chiều rộng 0.65 inch (điểm rộng nhất) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
105	Bộ phun khí dung cho máy thở	Bộ phun khí dung dùng cho người bệnh đặt ống nội khí quản có thở máy, bao gồm: bầu chứa, dây nối - Chất liệu: nhựa PP hoặc PE hoặc PVC - Bầu chứa thuốc: hình trụ, cao 74 ± 2mm, rộng 42 ± 2mm, có vạch chia thể tích 2 - 10mL, phần nắp bầu kết nối với bầu phun, hạn chế lượng thuốc tồn đọng, giảm hao phí thuốc - Dây nối nguồn dài khoảng 1.8 - 2.0m, tương thích với hệ thống khí nguồn của Bệnh viện - Đặc tính: đường kính hạt thuốc khoảng 2.7 - 2.8μm (lưu lượng 8 lít/ phút), đảm bảo không rò rỉ thuốc - 01 ống ngậm miệng, 1 đầu đẹp, 1 đầu cỡ 22M tương thích với co nối chữ T - Không chứa chất latex - Không chứa chất phthalate - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5.500
106	Bộ tẩm dán đùi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh	Bộ tẩm dán đùi và ngực dùng trong liệu pháp hạ thân nhiệt chủ động cho người bệnh - Tẩm dán có 3 lớp: + Lớp hydrogel bên ngoài tiếp xúc da + Lớp màng trong (film) ở giữa giúp trao đổi nhiệt + Lớp cách nhiệt chống mất nhiệt ra môi trường ngoài và các đường dẫn nước - Bộ gồm 4 miếng: 2 tẩm dán đùi, 2 tẩm dán ngực bụng - Tốc độ dòng chảy 5 lít/phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	45

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
107	Bộ thông tiểu dùng 1 lần	Bộ thông tiểu dùng 1 lần bao gồm: 01 Bơm tiêm 10mL 01 Khăn lỗ chất liệu vải bán thấm 45-48gsm, đường kính lỗ 8 ± 1cm, kích thước 75 x 90cm 02 Miếng gạc (10 x 10)cm 8-10 lớp 10 Miếng gạc không dệt, 7.5 x 7.5cm, 8-10 lớp, thấm hút tốt 01 Gel bôi trơn, tan trong nước 01 Kẹp bằng nhựa cứng dài 13-15cm 01 Khăn đa dụng bằng vải không dệt 5 - 8 lớp, chống thấm nước, 50 x 60cm 01 Khay bằng nhựa PVC, 4 ngăn, kích thước 24 x 15 x 2.5cm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	3.000
108	Bộ trao đổi khí loại thải CO2 hỗ trợ chức năng phổi	Bộ trao đổi khí-máu sử dụng cho người bệnh từ 30kg trở lên - Phạm vi tốc độ máu trong kết hợp với hệ thống PrisMax 200-450 mL/phút, tốc độ dòng khí: 5-10 l/phút - Phạm vi Áp lực khoang khí tối đa: Áp lực buồng khí $\leq$ áp lực buồng máu - Áp lực khoang máu tối đa: 66.66 kPa/ 500 mmHg - Thể tích mỗi: 84 ± 1 mL - Màng lọc chất liệu Polymethylpentene (PMP), diện tích bề mặt 0.8 m2, dạng sợi rỗng huyết tương - Vật liệu phủ: Phosphorylcholine - Thời gian sử dụng tối đa: 72 giờ Các phụ kiện đi kèm: - Dây khí dài 400 - 410cm, vật liệu dây và đầu nối: PVC; PETG; SEBS - Đầu nối khí chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) - Dây máu nối dài: đầu vào màu đỏ dài 30 - 35 cm, thể tích mỗi 6mL; đầu ra màu xanh dương dài 23 - 25 cm, thể tích mỗi 4mL - Tương thích với máy PrisMax của Bệnh viện - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	8

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
109	Bộ trao đổi khí loại thải CO2 hỗ trợ chức năng phổi và bộ dây dẫn	Bộ trao đổi khí-máu sử dụng cho người bệnh từ 30kg trở lên và bộ dây dẫn - Phạm vi tốc độ máu trong kết hợp với hệ thống PrisMax 200-450 mL/phút, tốc độ dòng khí: 5-10 l/phút - Phạm vi áp lực khoang khí tối đa: Áp lực buồng khí $\leq$ áp lực buồng máu - Áp lực khoang máu tối đa: 66.66 kPa/ 500 mmHg - Thể tích mỗi: 84 $\pm$ 1 mL - Mạng lọc chất liệu Polymethylpentene (PMP), diện tích bề mặt 0.8 m2, dạng sợi rỗng huyết tương - Vật liệu phủ: Phosphorylcholine - Thời gian sử dụng tối đa: 72 giờ Các phụ kiện đi kèm: - Dây khí dài 400 - 410cm, vật liệu dây và đầu nối: PVC; PETG; SEBS - Đầu nối khí chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) - Dây máu nối dài: đầu vào màu đỏ dài 30 - 35 cm, thể tích mỗi 6mL; đầu ra màu xanh dương dài 23 - 25 cm, thể tích mỗi 4mL - Bộ dây dẫn: tốc độ máu 50-450 mL/phút, áp lực máu tối đa 500 mmHg (66.6 kPa), thể tích mỗi 108mL, chất liệu Plasticized polyvinyl chloride (PVC). - Thời gian sử dụng tối đa: 72 giờ - Tương thích với máy PrisMax của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	8
110	Bộ vệ sinh răng miệng cho người bệnh	Bộ vệ sinh răng miệng cho người bệnh - Chất liệu: ABS, TPE, PP, LDPE, chất liệu bàn chải vừa đủ mềm. - Có ống hút dịch cầm tay nằm trên thân bàn chải - 01 bàn chải kích thước dài 20 $\pm$ 01cm, đầu bàn chải dài 13 - 15cm, thân cầm: 7 $\pm$ 01cm - 01 lọ đựng nước súc miệng trọng lượng khoảng 14 - 16gr - 1 gói nước súc miệng 0.12% chlorhexidine ($\geq$15mL) - 01 dụng cụ thấm môi chống khô dài 150 - 155mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	20.000
111	Bơm tiêm 10mL, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 10mL, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu tròn, đường kính trong khoảng 15 $\pm$ 0.5mm, chiều dài khoảng 98 $\pm$ 1mm - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 102-105mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ, Cờ kim 23G, 25G, dài khoảng 25 $\pm$ 1mm, đường kính trong khoảng 0.3 $\pm$ 0.01 mm, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.450.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
112	Bơm tiêm 1mL 100UI, kim 30G, dài 12 - 13mm	Bơm tiêm 1mL 100UI, kim 30G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, đầu 3 mặt vát, kim phủ silicone, cỡ 30G, chiều dài 12 - 13mm, đường kính $0.3 \pm 0.05\text{mm}$, thành kim mỏng, đốc kim xoay được - Thể tích: 1mL/100UI - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10.500
113	Bơm tiêm 1mL 100UI, kim 30G, dài 8mm	Bơm tiêm 1mL 100UI, kim 30G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, đầu 3 mặt vát, kim phủ silicone, cỡ 30G, chiều dài 8mm, đường kính $0.3 \pm 0.05\text{mm}$, thành kim mỏng - Thể tích: 1mL/100UI - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	71.500
114	Bơm tiêm 1mL 100UI, kim 31G	Bơm tiêm 1mL 100UI, kim 31G - Bơm tiêm bằng Polypropylen trong suốt, không chứa latex, không chứa DEHP, vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, pít tông di chuyển dễ dàng - Kim bằng thép không gỉ, 3 mặt vát, cỡ 31G, đầu phủ silicone, chiều dài 6 - 8mm, đường kính trong $0.25 \pm 0.05\text{mm}$ - Thể tích: 1mL/100UI - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	18.000
115	Bơm tiêm 1mL, chứa Lithium Heparin, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 1mL, chứa Lithium Heparin, có kim 23G, 25G dùng lấy máu làm khí máu động mạch. - Bơm tiêm chất liệu bằng Polypropylene, thân bơm tiêm có chia vạch, thể tích tối đa 1mL, đầu bơm tiêm loại luer slip - Kim bằng thép không gỉ, kích cỡ 23G, 25G, đường kính khoảng 0.5 - 0.6mm, chiều dài 16-25mm, có nắp bảo vệ slip-tip - Có tráng sẵn Lithium Heparin cân bằng Canxi dạng phun khô trên thành ống, hàm lượng 23.5UI/mL - Chế độ lấy máu tự động - Kèm 1 đầu siêu lọc loại bỏ bọt khí an toàn - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
116	Bơm tiêm 1mL, có kim 26G	Bơm tiêm 1mL, có kim 26G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 5 ± 0.5 mm, chiều dài khoảng 79 ± 1mm - Thể tích bơm tiêm: 1mL - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 79.5 ± 0.5mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 26G, dài khoảng 13 ± 0.5mm, đường kính ngoài khoảng 0.45 ± 0.02mm - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	170.000
117	Bơm tiêm 20mL, có kim 23G	Bơm tiêm 20mL, có kim 23G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 20 ± 0.05mm, chiều dài khoảng 110-115mm - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 116 ± 2mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ, Cỡ kim 23G, dài khoảng 25 ± 0.5mm, đường kính trong khoảng 0.3 ± 0.01mm, đường kính ngoài khoảng 0.6 ± 0.01mm - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	150.000
118	Bơm tiêm 3mL, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 3mL, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 10mm, chiều dài khoảng 68 - 70mm - Thể tích bơm tiêm: 3mL - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 68 - 70mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 23G, 25G, dài khoảng 16 - 38mm, đường kính trong khoảng 0.3 - 0.4mm, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm, - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	252.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
119	Bơm tiêm 50mL, có kim	Bơm tiêm 50mL, có kim 22G x 1 1/4" - Bơm tiêm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 30 ± 1mm, chiều dài khoảng 140 - 145mm - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex - Đốc kim và nắp đậy đầu kim được làm từ chất liệu nhựa PP - Bên ngoài ống tiêm có chia vạch rõ ràng - Kim tiêm bằng thép không rỉ, sắc bén, cỡ kim 22G, dài khoảng 32 ± 1mm, đường kính trong khoảng 0.3 - 0.4mm, đường kính ngoài khoảng 0.7 ± 0.05mm - Tiết khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	16.000
120	Bơm tiêm 5mL, có kim 23G, 25G	Bơm tiêm 5mL, có kim 23G, 25G - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ PH trung tính, trong suốt, không chứa DEHP, thành trong trơn nhẵn, đồng nhất, bên ngoài có vạch chia thể tích rõ, đầu trơn, đường kính trong khoảng 12mm, chiều dài khoảng 78 - 80mm - Thể tích bơm tiêm: 5mL - Pít tông bằng nhựa PP dùng trong y tế có độ trơn láng thích hợp, không tuột khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex, chiều dài của pít tông khoảng 81 ± 0.5mm - Kim bằng thép không gỉ, sắc bén, góc vát 12 độ. Cỡ kim 23G, 25G, dài khoảng 2.5cm, đường kính trong khoảng 0.3 - 0.4mm, đường kính ngoài khoảng 0.5 - 0.6mm - Tiết khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.200.000
121	Bơm tiêm cân quang, cỡ 190mL	Bơm tiêm cân quang cho theo máy bơm tiêm điện, bao gồm: - 01 ống bơm thể tích 190mL + Chất liệu: nắp đậy bằng polypropylene, Piston bằng makrolon, đầu cao su bằng TPV, ống tiêm bằng PET + Đường kính trong khoảng 4.5 - 5.0cm + Chiều dài: khoảng 18.5 - 19.0cm - 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J, chất liệu bằng polyethylene - Bơm tiêm và dây nối chịu áp lực ≥ 300psi - Tương thích với máy bơm tiêm điện CT Imaxeon Salient (hai nòng) của Bệnh viện - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	1.100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
122	Bơm tiêm cân quang, cỡ 200mL	Bơm tiêm cân quang, cỡ 200mL - 01 bơm tiêm 200mL - Chất liệu: ống bơm bằng nhựa Poly Cyclohexylene Dimethyl Terephthalate Glycol (PCTG), Piston bằng PP và miếng đệm bằng TPV - Áp suất ≥ 300 psi - Khóa Luer - Tương thích với máy bơm tiêm điện CT Nemoto Dual Shot Alpha 7 tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.000
123	Bơm tiêm cân từ, cỡ 65mL và 115mL	Bơm tiêm cân từ dùng cho máy bơm tiêm điện tương thích với môi trường MRI, bao gồm: - Hai bơm tiêm thể tích 65mL và 115mL + Chất liệu: Piston (polycarbonate), thân ống bơm (polyethylene terephthalate và polycarbonate) + Đường kính trong: 2.7 ± 0.1cm, 3.6 ± 0.1cm + Vạch chia trên thân ống tiêm - Đầu bơm tiêm: kết nối Luer lock - Dây nối chữ T hoặc chữ Y (hoặc dạng 3 chạc): + Chất liệu: polypropylene, polycarbonate, PVC, silicon + Hai đầu kết nối female và một đầu luer lock + Chiều dài: khoảng 150 - 250cm - Hai đầu lấy thuốc: chất liệu nhựa ABS - Ống bơm và dây nối: chịu áp lực ≥ 350psi - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Medrad Spectris Solaris EP của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.200
124	Bơm tiêm chứa Lithium Heparin, 1mL	Bơm tiêm có chứa Heparin dùng lấy máu làm khí máu động mạch, thể tích 1mL - Bơm tiêm chất liệu bằng Polypropylene, không kim, có nắp bảo vệ slip-tip, thân bơm tiêm có chia vạch, thể tích tối đa 1mL□ - Có tráng sẵn Lithium Heparin, hàm lượng 30UI/mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + Chứng nhận ISO 13485:2016 và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	7.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
125	Bơm tiêm đầu thẳng, không kim, 10mL	Bơm tiêm đầu thẳng, không kim, 10mL□ - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc□ - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng $1.4 \pm 0.1\text{cm}$□ - Đầu thẳng, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng $1.8 \pm 0.1\text{cm}$□ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150.000
126	Bơm tiêm đầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20mL	Bơm tiêm đầu thẳng, lệch tâm, không kim, 20mL□ - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc□ - Đường kính trong của bơm tiêm: 19 - 21mm - Đầu thẳng, lệch tâm, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng $2.5 \pm 0.1\text{cm}$□ - Không chứa DEHP - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15.000
127	Bơm tiêm đầu to, 50mL	Bơm tiêm đầu to sử dụng để bơm thức ăn, bơm rửa cho người bệnh□ - Chất liệu: bằng nhựa polypropylene dùng trong y tế có độ PH trung tính, không chứa DEHP, trong suốt, thành trong trơn láng, piston dễ dàng di chuyển, không tuột pít tông khi kéo, đầu pít tông bằng cao su không chứa latex - Đường kính trong bơm tiêm $31 \pm 0.1\text{mm}$, thể tích 50mL - đầu trơn, chiều dài khoảng 3 - 4cm, đường kính đầu bơm tiêm tối thiểu là 0.35 - 0.38cm, tương thích với các ống thông nuôi ăn - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	62.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
128	Bơm tiêm đầu xoắn, chứa nước muối 0.9%, các cỡ	Bơm tiêm chứa nước muối, dùng trong bơm rửa/ thông tráng catheter ngoại biên và trung tâm, sử dụng kết hợp đẩy thuốc/ thông tráng sau tiêm thuốc □ - Bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc □ - Nút cao su 3 vòng khóa giảm nguy cơ tiếp xúc với vùng không vô khuẩn và hạn chế các nguy cơ lây nhiễm khác - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 1.4 - 1.5cm □ - Đầu xoắn vặn, có nắp đậy □ - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, pít tông không rút ngược qua vạch phân cách - Chứa 9mg muối trong mỗi mL nước muối sinh lý vô khuẩn: loại 3mL, 5mL, 10mL □ - Áp lực khi bơm: khoảng 19 - 20 psi hoặc tương đương áp lực đầu ra của bơm tiêm 10mL - Phân loại theo mức độ rủi ro nhóm III (Châu Âu, Mỹ hoặc tương đương) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA 510(k) (FDA Cleared) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp + Hoặc FDA Granted -De Novo (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp	Cái	900.000
129	Bơm tiêm đầu xoắn, chứa nước muối 0.9%, các cỡ, phân loại theo mức độ rủi ro nhóm IIa/IIb	Bơm tiêm chứa nước muối, dùng trong bơm rửa catheter ngoại biên và trung tâm □ - Bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc □ - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 1.4 - 1.5cm □ - Đầu xoắn vặn, có nắp đậy □ - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, pít tông không rút ngược qua vạch phân cách - Chứa 9mg muối trong mỗi mL nước muối sinh lý vô khuẩn: loại 3mL, 5mL, 10mL □ - Áp lực khi bơm: khoảng 19 - 20 psi hoặc tương đương áp lực đầu ra của bơm tiêm 10mL - Phân loại theo mức độ rủi ro nhóm IIa/IIb (Châu Âu, Mỹ hoặc tương đương) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA 510(k) (FDA Cleared) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp + Hoặc FDA Granted -De Novo (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp	Cái	600.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
130	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 10mL	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 10mL □ - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc □ - Đường kính trong của bơm tiêm: khoảng 14 - 17mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: đầu pít tông bằng polyisoprene, thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn, đường kính của chỗ ấn khoảng 1.8 ± 0.1 cm □ - Tiệt khuẩn từng cái □ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500.000
131	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 20mL	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 20mL □ - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc □ - Đường kính trong của bơm tiêm: 19 - 21mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 2.5 ± 0.1 cm - Không chứa DEHP - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100.000
132	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 3mL	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, thể tích 3mL □ - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng - Đường kính trong của bơm tiêm: 8 - 10mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	18.000
133	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 5mL	Bơm tiêm đầu xoắn, không kim, 5mL □ - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc □ - Đường kính trong của bơm tiêm: 11 - 15mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với các đầu kim tiêm, dây truyền - Thân pít tông bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, 2 khóa dừng chống tràn - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	130.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
134	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50mL, đường kính trong 26 - 30mm	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50mL □ - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài, bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc □ - Đường kính trong của bơm tiêm 26 - 30mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với đầu kim tiêm các loại □ - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene, trong suốt, nút chặn không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng $3 \pm 0.1\text{cm}$ □ - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện □ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	140.000
135	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50mL, đường kính trong 29 - 32mm	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50mL - Thân bơm tiêm: chất liệu Polypropylene, trong suốt, bên trong được phủ silicone, có vòng giữ ngăn ngừa pít tông bị kéo ra ngoài (khóa pittong chống tràn 2 lớp), bên ngoài có vạch chia thể tích, rõ ràng, dễ đọc - Đường kính trong của bơm tiêm 29 - 32mm - Đầu xoắn vặn, tương thích với đầu kim tiêm các loại - Pít tông: chất liệu bằng Polypropylene hoặc Thermoplastic elastomer, trong suốt, không chứa latex, đường kính của chỗ ấn khoảng 3.0 - 3.3 cm - Tương thích với các loại máy bơm tiêm điện tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60.000
136	Bơm tiêm khí máu động mạch 1mL tự động hút máu, có kim 25G, Lithium Heparin	Bơm tiêm lấy khí máu động mạch, kim 25G - Chất chống đông: Lithium Heparin - Chiều dài kim: 15.5 - 16.0mm - Pít tông tự thoát khí - Thể tích: 1mL - Hàm lượng chất chống đông: 30 IU - Có nắp đậy - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	82.000
137	Bơm tiêm liền kim 27G	Bơm tiêm liền kim 27G dùng để tiêm ngừa lao (BCG) □ - Chất liệu: bằng Polypropylene, không chứa latex, lòng bơm tiêm có gờ chặn pít tông, thân bơm tiêm có vạch chia thể tích rõ, thể tích tối đa 0.5mL □ - Kim bằng thép không gỉ, đầu vát, kim bén. Kích cỡ 27G, đường kính 0.4mm, dài 9.5 - 10mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
138	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 100mL	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 100mL - Chất liệu: + Vỏ làm bằng nhựa PP + Bầu chứa thuốc làm bằng isoprene + Dây truyền làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP - Kích thước: + Chiều dài vỏ (không tính cổng bơm thuốc) khoảng 180 - 182mm, OD của vỏ khoảng 42 - 43mm + Chiều dài dây truyền khoảng 970 → 972mm, ID của dây khoảng 0.9 ± 0.1mm, OD của dây khoảng 2.5 - 3.0 mm - Tốc độ truyền: 2 ± 0.1 mL/h - Trọng lượng pump khoảng: 49 ± 0.5g - Có vạch chia thể tích - Có màng kỵ nước hydrophobic đuôi khí tự động - Bộ lọc khí và lọc hạt 0.2μm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	1.100
139	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 100mL, có khóa điều chỉnh tốc độ	Bơm tiêm truyền áp lực, đàn hồi, tự động, cỡ 100mL - Chất liệu: + Vỏ làm bằng nhựa PP + Bầu chứa thuốc làm bằng isoprene + Dây truyền làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP - Kích thước: + Chiều dài vỏ (không tính cổng bơm thuốc) khoảng 180 - 182mm, OD của vỏ khoảng 42 - 43mm + Chiều dài dây truyền khoảng 970 → 972mm, ID của dây khoảng 0.9 ± 0.1mm, OD của dây khoảng 2.5 - 3.0 mm - Có khóa điều chỉnh tốc độ, tốc độ truyền: 2mL/h, 3mL/h, 4mL/h, 5mL/h - Trọng lượng pump khoảng: 49 ± 0.5g - Bộ lọc khí và lọc hạt 0.2μm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	100
140	Bóng bóp giúp thở có van Peep, dành cho sơ sinh	Bóng bóp giúp thở có van Peep dành cho sơ sinh sơ sinh ≤ 10kg - Chất liệu: bóng bóp và mặt nạ bằng PVC; van bằng PC, silicon và thép không gỉ - Thể tích bóng: 280mL, chiều dài bóng: 135 - 140 mm, đường kính bóng: 75 - 80mm - Có van Peep: 5 - 20 cmH₂O - Van giới hạn áp suất: 40 cmH₂O - Khoảng chết: 7mL - Túi trữ khí: 1600mL, túi bằng EVA (Ethylene-Vinyl Acetate) và PP - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
141	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, 1500mL	Bóp bóng giúp thở có van giảm áp - Chất liệu: thân bóng bằng silicone (Si) - Thể tích bóng: 1500mL - Van giảm áp tự động 1 chiều: 40 cmH2O hoặc 60 cmH2O - Lưu lượng oxy: $\geq 93\%$ (lưu lượng 15 lít/phút) - Thân bóng có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị trí ambu ban đầu - 01 mặt nạ bằng nhựa PE hoặc PVC, có van bơm, kích cỡ 5 - 01 túi chứa oxy bằng nhựa PP hoặc PE, trong - 01 dây nối oxy nguồn dài $\geq 2\text{m}$ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2.200
142	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, 1500mL, 640mL, 370mL	Bóng bóp giúp thở có van thông minh - Chất liệu bóng: PTE không chứa PVC - Thể tích bóng 1500mL, 640mL, 370mL - Dây nối oxy, túi trữ oxy - Kèm theo: Van áp lực 60cmH2O/ 40cmH2O, cổng kiểm soát CO2, lỗ phân chia thuốc MDI, mask gây mê - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	450
143	Bóng bóp giúp thở có van thông minh, các cỡ	Bóng bóp giúp thở có van thông minh - Chất liệu: Polycarbonate hoặc PTE - Thể tích bóng: 280mL, 550mL, 1000mL - Van thông minh tự động 1 chiều: 60/40 cmH2O - Thân bóng có tay vịn, có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị trí ambu ban đầu - Lưu lượng oxy: $>95\%$ (lưu lượng 15 lít/phút) - 01 mặt nạ bằng PE, có van bơm, kích cỡ 1,3,4; 01 túi chứa oxy, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài khoảng 3 - 3.5m - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.300
144	Bóng bóp giúp thở, không có van giảm áp, 1500mL	Bóng bóp giúp thở không có van giảm áp - Chất liệu: PTE - Thể tích bóng: 1500mL - Thân bóng có tay vịn, có 2 đường nối chống trơn, 1 co đàn hồi nhanh chóng về vị trí ambu ban đầu - Lưu lượng oxy: $> 95\%$ (lưu lượng 15 lít/phút) - 01 mặt nạ, kích cỡ 5; 01 túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong; 01 dây nối oxy nguồn dài $\geq 2\text{m}$ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
145	Bóng dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm	Bóng dùng cho ống soi khí phế quản siêu âm - Chức năng: bao đầu ống soi - Chất liệu: latex - Chiều dài: 12 - 15 mm, đường kính: 6.0 - 6.5mm - Thể tích nước bơm vào bóng 10 - 15mL - Dùng cho ống soi khí phế quản BF-UC190F (Hệ thống nội soi khí phế quản siêu âm của Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	110
146	Bông gòn, dạng cuộn, gói 1- 1.5kg	Bông gòn, dạng cuộn - Chất liệu: 100% bông tự nhiên - Khả năng giữ nước ≥ 20g nước/g bông - Tốc độ hút nước: thời gian chìm < 10 giây - Không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh - Gói 1 - 1.5kg - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	85
147	Bông gòn, dạng viên, gói 100 - 110g	Bông gòn, dạng viên, tiệt khuẩn: - Chất liệu: 100% bông tự nhiên, không dùng chất tạo màu - Đường kính: 2 - 5cm - Đặc tính: + Giới hạn axit - kiềm: không màu + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: ≥ 20g nước/g bông trong khoảng 2.5 - 3 phút + Chất tan trong ether và chất tan trong nước: không quá 0.5%, tro sulfat không quá 0.4% + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Yêu cầu khi sử dụng: mềm, mịn, không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh - Tiệt khuẩn - Gói 100 - 110g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Gói	1.500
148	Bông gòn, dạng viên, gói 500 - 550g	Bông gòn, dạng viên: - Chất liệu: 100% bông tự nhiên - Đường kính: 2 - 5cm - Đặc tính: + Giới hạn axit - kiềm: không màu + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: ≥ 20g nước/g bông trong khoảng 2.5 - 3 phút + Mật khối lượng do sấy khô (độ ẩm): không quá 8% + Chất tan trong ether và chất tan trong nước: không quá 0.5%, tro sulfat không quá 0.4% - Gói 500 - 550g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Gói	1.600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
149	Bột khô dùng trong chạy thận nhân tạo thành phần Natri hydrogenocarbonate	Bột khô dùng trong chạy thận nhân tạo, thành phần Natri hydrogenocarbonate (NaHCO₃) - Khối lượng: 900 - 950g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Gói hoặc Túi	9.000
150	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo - Thành phần: gelatin, pectin và sodium carboxymethylcellulose - Đặc tính: chiết xuất tự nhiên, dạng bột, hút ẩm, chống kích ứng, bảo vệ da hậu môn nhân tạo - Trọng lượng: 28 - 30g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Chai	310
151	Bột tan dính màng phổi	Bột tan giúp làm dính màng phổi - Thành phần: bột tan với kích thước hạt trung bình 25 - 26µm - Thể tích: ≥ 3g - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tuýp	12
152	Bột tan dính màng phổi, kèm bóng xịt và cannula	Bột tan giúp làm dính màng phổi - Thành phần: bột tan với kích thước hạt trung bình 25 - 26µm - Đi kèm: bóng xịt và cannula - Thể tích: ≥ 3g - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tuýp	24
153	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt	Buồng đệm hỗ trợ dùng thuốc giãn phế quản dạng xịt, chống tĩnh điện - Thể tích: 145 - 150mL - Van hít 1 chiều kháng lực thấp - Mặt nạ Silicone có mép cong giúp ôm khít và thoải mái, trên mặt nạ có van thở giúp định hướng dòng khí thở ra. Mặt nạ các cỡ cho người lớn, cho trẻ từ 1-5 tuổi, cho trẻ < 18 tháng. - Còi cảnh báo khi hít quá mạnh (có trên loại mặt nạ lớn) - Đầu gắn silicon tương thích với nhiều loại bình pMDI: (Seretide, Ventolin, Flixotide, Rapihaler, Formonide, Forair, Combiwave...) - Buồng đệm có thể tháo rời để làm sạch - Thời gian sử dụng theo khuyến cáo: 12 tháng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	150

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
154	Buồng làm ấm kèm dây thở có kiểm soát nhiệt, có phun khí dung	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt có cổng phun khí dung - Buồng làm ấm có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy khi đạt mức tối ưu - Buồng làm ấm có cổng gắn đầu phun khí dung với nắp đậy bằng silicone, tương thích với đầu phun khí dung của hãng Aerogen. - Dây thở có 2 vòng xoắn kép giúp vừa gia nhiệt cho khí thở, vừa cách nhiệt với môi trường bên ngoài hạn chế đọng nước lên đến 93% - Chiều dài dây thở tối thiểu 1.8 m - Dây thở có tích hợp sensor đo nhiệt độ cuối dây thở. Vòng xoắn gia nhiệt được tích hợp trên thành dây thở để giảm kích thước và trọng lượng cho dây đến 20% - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	300
155	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt - Buồng làm ấm có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy khi đạt mức tối ưu - Dây thở có 2 vòng xoắn kép giúp vừa gia nhiệt cho khí thở, vừa cách nhiệt với môi trường bên ngoài hạn chế đọng nước lên đến 93% - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng - Chiều dài dây thở: 1.8 - 2.0m - Dây thở có tích hợp sensor đo nhiệt độ cuối dây thở. Vòng xoắn gia nhiệt được tích hợp trên thành dây thở để giảm kích thước và trọng lượng cho dây đến 20% - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện - Tương thích với : + Ống thở oxy dành cho trẻ em tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 + Ống thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	750
156	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật	Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật dùng đánh dấu vị trí mổ, mực không lem và không phai - Vật tư đi kèm: thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	6.200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
157	Can chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 600mL	Can chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: bằng Polycarbonate - Dung tích: 600mL - Kích thước bình: 100 x 120 mm (±5mm) - Có gắn cảm biến để báo hiệu dịch chứa đầy, chứa gel làm đặc vết thương và chất lỏng trong bình - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	300
158	Can chứa dịch, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 750mL	Can chứa dịch dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: nhựa trong suốt - Dung tích: khoảng 750mL - Cấu tạo: trên bình có thước đo thể tích, bên trong có bọc thấm dịch bên trong, có màng lọc vi khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	300
159	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ để chẩn đoán trào ngược hợng thanh quản	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ để chẩn đoán trào ngược hợng thanh quản, dùng cho bệnh nhân có chiều dài thực quản 20-22 cm - Chất liệu: polyurethan, mềm ra khi phản ứng với nhiệt độ cơ thể - Chiều dài catheter: 190cm (±5cm) - Đường kính: 6.9 FR/2.3 mm, catheter đặc - Đặc điểm: có 6 kênh trở kháng, 2 kênh pH thực quản (1 kênh pH thực quản ở vị trí 0 cm và 1 kênh pH thực quản vị ở vị trí -19 cm), lỗ bơm hơi vị trí 6 cm - Đóng gói từng túi - Tương thích với máy đo pH 24 giờ của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	200
160	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ, có sử dụng thuốc ức chế acid dạ dày	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ để chẩn đoán trào ngược hợng thanh quản trong trường hợp bệnh nhân đang sử dụng thuốc ức chế acid, dùng cho người bệnh có chiều dài thực quản ≥ 18 cm - Chất liệu: polyurethan, mềm ra khi phản ứng với nhiệt độ cơ thể - Chiều dài catheter: 190cm (±5cm) - Đường kính: 6.9 FR/2.3 mm, catheter đặc - Đặc điểm: có 6 kênh trở kháng, 2 kênh pH (1 kênh pH thực quản ở vị trí 0 cm và 1 kênh pH dạ dày vị trí -15 cm), lỗ bơm hơi vị trí 6 cm - Đóng gói từng túi - Tương thích với máy đo pH và trở kháng 24 giờ của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	70

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
161	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ, không sử dụng thuốc ức chế acid dạ dày	Catheter đo pH và trở kháng thực quản 24 giờ để chẩn đoán bệnh trào ngược dạ dày thực quản trong trường hợp bệnh nhân không sử dụng thuốc ức chế acid dạ dày, dùng cho bệnh nhân có chiều dài thực quản ≥ 18 cm - Chất liệu: polyurethan, mềm ra khi phản ứng với nhiệt độ cơ thể - Chiều dài catheter: 190cm (± 5cm) - Đường kính: 6.4 FR/2.13 mm, catheter đặc - Đặc điểm: có 6 kênh trở kháng, 2 kênh pH (1 kênh pH thực quản ở vị trí 0 cm và 1 kênh pH thực quản vị trí 15 cm), lỗ bơm hơi vị trí 6 cm - Đóng gói từng túi - Tương thích với máy đo pH 24 giờ của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	100
162	Catheter động mạch đùi bằng PTFE, dài 15 - 20cm	Catheter động mạch - Chất liệu: Catheter bằng PTFE chắn bức xạ, kim dẫn đường, dây dẫn kim loại. Không latex - Kích thước: Catheter cỡ 4Fr, dài 15 - 20 cm, 18G. Kim chọc 19G, dài 56 ± 01 mm dây dẫn đầu J 0.028", dài 40 cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	15
163	Catheter động mạch đùi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ	Catheter động mạch đùi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn - Chất liệu Polyurethane - Có đầu cảm biến nhiệt - Có nòng để đo huyết áp động mạch - Đường kính vòng ngoài: 5F - Chiều dài: 20 ± 1cm - Dây dẫn: Đường kính 0.53 - 0.55 mm, chiều dài 60 ± 1cm - Đường kính và chiều dài của cannula: + Đường kính 18G, chiều dài 80 mm + Đường kính 20G, chiều dài 55 mm - Que nong mạch: đường kính ngoài 1.8 - 2.0 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	16

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
164	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh	Catheter động mạch, tĩnh mạch dưới đòn trẻ sơ sinh dùng đo huyết áp động mạch, truyền dịch, truyền thuốc - Chất liệu bằng polyurethane - Gồm 1 catheter đường kính 2Fr, chiều dài 4cm, 6cm, 8cm; 1 kim dẫn đường cỡ 22G, chiều dài 42 ± 1mm; 1 guidewire 23 ± 1cm, đường kính 0.45 - 0.47mm - Tốc độ truyền dịch 17 mL/phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
165	Catheter lọc máu 2 nòng bằng polyurethane, cỡ 12Fr, dài 20 - 22cm	Catheter lọc máu hai nòng - Catheter polyurethane, có chất cản quang, cỡ 12Fr, dài 20 - 22cm, đường kính 4 ± 0.5 mm - Dây dẫn dài $50\text{cm} \pm 5\%$, đường kính 0.89 ± 0.01mm, có đầu mũi J mềm - Kim dẫn đường chữ V, thể tích mỗi 1.4 mL, ống nối dài trong suốt có nút chặn kim luồn - Ống thông van tim 18G, kim nong 12Fr, dao mổ, dây nối dùng cho chuyển đạo ECG, ống tiêm 5mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.500
166	Catheter lọc máu 2 nòng bằng polyurethane, cỡ 14.5Fr, dài 24cm, 28cm	Catheter lọc máu hai nòng 14.5Fr - Chất liệu polyurethane có thể tương thích với cồn và iot - Tổng chiều dài Catheter 24cm và 28cm, chiều dài từ đầu đến cuff là 19cm và 23cm - Thân thẳng và uốn cong trước, tốc độ lưu thông ≥ 400mL/phút - Nòng double “D” - Tốc độ dòng chảy ở 500 ± 5mL/phút: tĩnh mạch từ 114 ± 2 mL/phút đến 117 ± 2mL/phút; động mạch từ -128 ± 2mL/phút đến -116 ± 2 mL/phút - Bộ phận đi kèm: 1 ống thông 1 kim luồn 1.3mm OD x 1.0mm ID x 70mm (18G) 1 đầu dây dẫn J (R 3 mm) 0.97 mm x 70 cm 1 que tạo hầm, đường hầm, 1 ống hầm 1 que nong: 4.7mm OD x 0.99mm ID x 15cm (14F) 1 van siêu âm dẫn đường: 5.0mm ID x 14cm (15F) 1 dao mổ, 2 nút đẩy - Thể tích mỗi: từ 1.9 đến 2.0mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	260

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
167	Catheter lọc máu 2 nòng bằng polyurethane, cỡ 14.5Fr, dài 24cm, 28cm, 32cm	Catheter đường hầm dùng trong lọc máu 14.5Fr - Chất liệu catheter bằng polyurethane, có cản quang - Tổng chiều dài Catheter 24cm, 28cm và 32cm; chiều dài từ đầu tip đến cuff là 19cm, 23cm, 27cm; đường kính gấp cong trung bình là 2.64cm - Đầu catheter xoắn ốc; van khóa khí tự động ngăn ngừa truyền tắc khí và máu trào ngược - Tốc độ dòng chảy lên đến 500 mL/phút - Các bộ phận đi kèm: 01 thông luồn catheter 15Fr dài 13 ± 0.5 cm có van khóa khí tự động 01 cây nong 10 - 12Fr, dài 15 ± 0.5 cm 01 cây tạo đường hầm, 02 nắp đậy 01 cây nong 8Fr dài 20 ± 0.5cm 01 dây guidewire 0.038" dài 70 ± 0.5 cm 01 kim dò 18G dài 70 ± 0.5 mm 02 băng gạc 2 x 2 inch - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70
168	Catheter lọc máu 2 nòng dùng cho trẻ em	Catheter lọc máu hai nòng dùng cho trẻ em - Catheter Polyurethan 6.5Fr hoặc 8.5Fr dài 11 ± 1 cm, loại thẳng - Dây nối mỗi nòng làm bằng vật liệu silicon trong suốt - Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.018" x 45 - 50cm, 0.035" x 70 - 75cm - Cây nong 7Fr hoặc 9Fr, dài 10 - 12cm - Bơm tiêm luer 5mL - Kim dẫn đường 21G x (4-5) cm hoặc 18G x (7-8) cm - Dao mổ số 11 - Tốc độ dòng: V = 81-104mL/phút, A = 77-98mL/phút hoặc V = 155-198mL/phút, A = 148-190mL/phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	35
169	Catheter lọc máu 2 nòng, cỡ 13F, dài 25 ± 1cm	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: Polyurethane resin (PUR) Kích thước: 13F Chiều dài: 25 ± 1 cm Gồm: 01 catheter, 01 Kim luồn, 01 dây luồn J-tip 0.038" x 900 mm, 02 nắp đậy tiêm truyền, 01 nong mạch 150 - 160 mm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	12

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
170	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường bằng polyurethane, cỡ 20G, 22G dài 13 - 15cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường dùng cho trẻ em - Catheter polyurethane, dây dẫn bằng hợp kim Nickel-Titan - Catheter 20G x 1.15mm, 22G x 0.9mm, dài 13 - 15cm, dây dẫn dài 45cm x 0.018" (0.45mm) - Cây nong 4Fr x 5cm, kim dẫn đường 21G x 4cm - Có đường cân quang, dây dẫn đầu J mềm linh hoạt chống gập - Tốc độ dòng: 20G khoảng (15 - 25mL/ph); 22G khoảng (7.2 - 11.25mL/ph), bơm tiêm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50
171	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 4Fr, 5Fr dài 6cm, 8cm, 13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường trẻ em 4Fr cỡ nòng 20G, 22G và 5Fr cỡ nòng 18G, 20G - Chất liệu: Catheter polyurethane có cân quang, dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gập - Catheter 4Fr dài 6 - 8cm, cây nong 5Fr x 6cm - Catheter 5Fr dài 8 - 13cm, cây nong 6Fr x 7cm - Dây dẫn 0.018" x 45cm, bơm tiêm, kim thẳng 21G x 4cm - Tốc độ dòng: 4Fr (15-30mL/ph; 5Fr (15-45mL/ph) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	90
172	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15 - 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường 7Fr, chiều dài 15-20cm : - Catheter bằng polyurethane, không latex, đường kính 7Fr, chiều dài 15 - 20cm. Catheter có 2 nòng . Có vạch đánh dấu chiều dài catheter, có cân quang. - Phụ kiện đi kèm: + Kim dẫn 18G, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; + Dây kim loại dẫn đường có chia vạch, dài khoảng 45-60cm, đầu chữ J + 01 bơm tiêm 5mL. + 01 cây nong mạch (8-9) Fr x (10 ± 1) cm + Đầu nối catheter có van 2 chiều + Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và FDA 510(k) (FDA Cleared) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
173	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, cỡ 7Fr, dài 15 - 16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường 7Fr có phủ kháng khuẩn, chiều dài 15-16cm - Catheter bằng polyurethan, có phủ chất kháng khuẩn Polyhexanide. Đường kính 7Fr. Chiều dài 15-16cm. Catheter có 2 nòng. Có vạch đánh dấu chiều dài catheter, có cân quang. - Phụ kiện đi kèm: + Kim dẫn 18G, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí. + Dây kim loại dẫn đường có chia vạch, dài khoảng 45-60cm, đầu chữ J + 01 bơm tiêm 5mL + 01 cây nong mạch (8-9) Fr x (10 ± 1) cm + Đầu nối catheter có van 2 chiều + Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.000
174	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, cỡ 7Fr, dài 15-16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường - Catheter bằng polyurethane, có cân quang, đường kính ngoài 7Fr, chiều dài 15 - 16cm. Catheter có 3 nòng, kích cỡ 18G, 18G, 16G - Kim dẫn 18G chữ V, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; - Dây kim loại dẫn đường dài khoảng 50cm, đầu chữ J - Đầu nối catheter có van 2 chiều, - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	600
175	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường cho trẻ em 5F, dài 13 - 15 cm, có van 2 chiều	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường cho trẻ em: - Chất liệu Catheter bằng polyurethan, kim nong bằng nhựa - Kích thước 5F, chiều dài 13 - 15cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G20/ G22/ G22 - Kim dẫn đường 21G, dây kim loại dẫn đường dài 50 - 55cm, mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn - Đầu nối catheter có van 2 chiều - Có dao mổ và tấm dán cố định catheter - Có dây cáp định vị đầu catheter bằng sóng ECG - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
176	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng Polyurethan, cỡ 7Fr, dài 15 - 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường 7Fr, chiều dài 15-20cm : - Catheter bằng polyurethane, đường kính 7Fr, chiều dài 15 - 20cm. Catheter có 3 nòng. Có vạch đánh dấu chiều dài catheter, có cân quang. - Phụ kiện đi kèm: + Kim dẫn 18G, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; + Dây kim loại dẫn đường có chia vạch, dài khoảng 45-60cm, đầu chữ J + 01 bơm tiêm 5mL. + 01 cây nong mạch (8-9) Fr x (10 ± 1) cm + Đầu nối catheter có van 2 chiều + Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
177	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane 4.5Fr, 5.5Fr dài 6cm, 8cm, 13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường trẻ em 4.5Fr, 5.5Fr cỡ nòng 20G, 22G, 22G - Chất liệu: Catheter polyurethane, có cân quang, dây dẫn làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gấp - Catheter 4.5Fr dài 6 - 8cm, cây nong 5Fr x 6cm - Catheter 5.5Fr dài 8 - 13cm, cây nong 6Fr x 7cm - Dây dẫn 0.018" x 45cm, bơm tiêm, kim thẳng 21G x 4cm - Tốc độ dòng 4.5Fr (15-36mL/ph); 5.5Fr là (20-42 mL/ph) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	620
178	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, 7Fr, dài 18-20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường 7Fr có phủ kháng khuẩn, chiều dài 18-20cm - Catheter bằng polyurethan, có phủ chất kháng khuẩn Polyhexanide. Đường kính 7Fr. Chiều dài 18-20 cm. Catheter có 3 nòng. Có vạch đánh dấu chiều dài catheter, có cân quang. - Phụ kiện đi kèm: + Kim dẫn 18G, có van ngăn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; + Dây kim loại dẫn đường có chia vạch, dài khoảng 45-60cm, đầu chữ J + 01 bơm tiêm 5mL + 01 cây nong mạch (8-9) Fr x (10 ± 1) cm + Đầu nối catheter có van 2 chiều + Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2.600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
179	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, phủ chlorhexadine và silver sulfadiazine, 7Fr, dài 15-16cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường 7Fr có phủ kháng khuẩn, chiều dài 15-16cm : - Catheter bằng polyurethane, không chứa latex, có phủ kháng khuẩn chlorhexidine và silver sulfadiazine, đầu catheter mềm. Đường kính 7Fr, dài 15-16cm, gồm có 3 nòng, có vạch đánh dấu chiều dài catheter, có cân quang. - Phụ kiện đi kèm: + Kim dẫn 18G. + Dây kim loại dẫn đường có chia vạch, dài khoảng 45-60cm, đầu chữ J + 01 bơm tiêm 5mL thân có lỗ luồn dây dẫn đường + 01 cây nong mạch (8-9) Fr x (10 ± 1) cm + Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2.000
180	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi, cỡ 24G	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi dùng để truyền thuốc, dịch và thức ăn cho trẻ sơ sinh - 01 catheter chất liệu polyurethane, cỡ 2Fr/24G, dài 30 ± 1 cm - Tốc độ truyền dịch 4.5 - 5.0 mL/phút - Thể tích mỗi dịch ban đầu khoảng 0.11 - 0.13mL - 01 kim dẫn đường cỡ 20G - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
181	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi, cỡ 28G	Catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ ngoại vi dùng để truyền thuốc, dịch và thức ăn cho trẻ sơ sinh - 01 catheter chất liệu polyurethane, cỡ 1Fr/28G, dài 20 ± 1 cm, trên thân có vạch chia mỗi cm, có cánh cố định - Tốc độ truyền dịch 0.7 - 0.8 mL/phút - 01 kim dẫn đường cỡ 24G - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
182	Catheter tĩnh mạch trung tâm phủ thuốc 4 đường	Catheter tĩnh mạch trung tâm 4 đường có phủ kháng khuẩn, chiều dài 15 - 20cm: - Chất liệu bằng Polyurethane, phủ kháng khuẩn chlorhexidine và silver sulfadiazine - Catheter có đường kính 8.5Fr, có 4 nòng. Có vạch đánh dấu chiều dài catheter, có cân quang. - Phụ kiện đi kèm: + Kim dẫn 18G + Dây kim loại dẫn đường có chia vạch, dài khoảng 45-60cm, đầu chữ J + 01 bơm tiêm 5mL + 01 cây nong mạch (9-10) Fr x (10 ± 1) cm + Có dụng cụ cố định catheter - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
183	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó dùng 1 lần	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó, dùng 1 lần - Bằng nhựa PVC, không chứa latex - Kích cỡ: 10Fr, 15Fr - Đường kính: 3.3mm hoặc 5.0mm; dài 700 - 800mm - Cây có 1 đầu cong nhẹ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.200
184	Cây thông nòng đặt nội khí quản	Cây thông nòng đặt nội khí quản - Chất liệu: lõi bằng aluminum dễ uốn, vỏ bằng plastic trơn - Đầu que mềm hạn chế được việc gây tổn thương - Kích cỡ: * Cỡ 6 dài 280 ± 05mm tương thích ống nội khí quản cỡ 2.5 đến 4.5 * Cỡ 10 dài 350 ± 05mm tương thích ống nội khí quản cỡ 4.0 đến 6.0 * Cỡ 14 dài 350 ± 05mm tương thích ống nội khí quản >5.0 trở lên - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	900

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
185	Chăn làm ấm thân trên, người lớn	Chăn làm ấm thân trên, người lớn - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở. - có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phồng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau) - Kích thước: (205-209) x (70-75) cm (chưa căng phồng); (180-185) x (60-65) cm (đã căng phồng) - Có hai vị trí kết nối ống thổi linh hoạt - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.100
186	Chăn làm ấm toàn thân người lớn	Chăn làm ấm toàn thân người lớn - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở hoặc ảnh hưởng. - có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phồng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau) - Kích thước: (100-105) x (200-205) cm (chưa căng phồng); (82-85) x (185-200) cm (đã căng phồng) - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	4.000
187	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho tiết khuẩn hơi nước, cỡ 7.0-7.5cm x 2-2.5cm	Chỉ thị hóa học đa thông số nhóm 5 (nhiệt độ, thời gian, hơi nước) dùng kiểm tra chất lượng tiết khuẩn của gói dụng cụ - Thành phần: giấy >95%, mực in chỉ thị <5% - Kích thước: 7.0-7.5cm x 2.0-2.5cm - Không chứa kim loại nặng - Áp dụng cho quy trình tiết khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Đọc, lưu kết quả bằng phần mềm truy xuất dữ liệu - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và ISO 11140-1:2014 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 11140-1:2014	miếng	100.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
188	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho tiết khuẩn nhiệt độ cao	Chỉ thị hóa học đa thông số nhóm 5 (nhiệt độ, thời gian, hơi nước) dùng kiểm tra chất lượng tiết khuẩn của gói dụng cụ - Thành phần: Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhôm <0.1%, Polypropylene <0.1%, Coatings <0.01%, Mực <0.1%. Sản phẩm không chứa chì - Kích thước: 5.0-5.5cm x 1.9-2.0cm - Tích hợp 2D barcode để tải được thông tin vào hệ thống phần mềm theo dõi - Mặt sau của chỉ thị có ký hiệu màu sắc để dễ tìm kiếm trong trường hợp chỉ thị bị lật mặt - Áp dụng cho quy trình tiết khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và ISO 11140-1:2014 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 11140-1:2014	miếng	250.000
189	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn, cỡ 100 - 105mm x 50-55mm	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn - Chất thử tổng hợp mô phỏng chất bẩn - Lắp vào khay giá đỡ - Kích thước: 100-105mm x 50-55mm - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	700
190	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn, cỡ 90-95mm x 20-25mm	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn - Chất thử tổng hợp mô phỏng chất bẩn - Lắp vào khay giá đỡ - Kích thước: 90-95mm x 20-25mm - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	1.500
191	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2, cỡ 100-105mm x 18-20mm	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2 - Kích thước: 100-105mm x 18-20mm - Chỉ thị hoá học nhóm 4 - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Không chứa kim loại nặng - Đọc, lưu kết quả bằng phần mềm truy xuất dữ liệu - Đọc, lưu kết quả và kết nối trên phần mềm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Que	77.400

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
192	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2, cỡ 70-75mm x 20-22mm	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp H2O2 - Kích thước: 70-75mm x 20-22mm - Chỉ thị hoá học nhóm 4 - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Que	79.400
193	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm, cỡ 85-90mm x 20-25mm	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm - Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người - Kích thước: 85-90mm x 20-25mm - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	1.500
194	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm, cỡ 40-45mm x 10-15mm	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng máy rửa dụng cụ sóng siêu âm - Chất thử có chứa mẫu công thức thử nghiệm tổng hợp khô màu đỏ được in trên - Kích thước: 40-45mm x 10-15mm - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	660
195	Chỉ thị hóa học kiểm tra dụng cụ có lòng ống dùng cho máy rửa khử khuẩn	Chỉ thị hóa học kiểm tra dụng cụ có lòng ống dùng cho máy rửa khử khuẩn - Chất thử tổng hợp mô phỏng máu và mô người - Kích thước: 56-60 mm x 5-6 mm - Vật liệu: Kim loại - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	2.200
196	Chỉ thị hóa học kiểm tra dụng cụ có ống rỗng dùng cho máy rửa dụng cụ sóng siêu âm	Chỉ thị hóa học kiểm tra dụng cụ có ống rỗng dùng cho máy rửa dụng cụ sóng siêu âm - Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người - Kích thước: 56-60 mm x 5-6 mm - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau rửa máy - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	2.220

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
197	Chỉ thị hóa học tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	Chỉ thị hóa học dành cho quy trình tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide - Kích thước: 1.5-2.0cm x 15-20cm; có 2 phần chỉ thị màu trên cùng chỉ thị hóa học - Thành phần: Giấy > 95%, mực < 5% - Phân nhóm chỉ thị: ≥ nhóm 4 - Chỉ thị hóa học chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Đọc, lưu kết quả và kết nối trên phần mềm - Không chứa chì, kim loại nặng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Que	24.000
198	Chỉ thị sinh học dành cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp H2O2	Chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Ống đóng sẵn có chứa bào tử Geobacillus sterothermophilus - Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ, phân biệt được rõ ràng chỉ thị sinh học trước và sau tiệt khuẩn - Tương thích với dòng máy ủ, đọc kết quả chỉ thị sinh học, hãng Sanmina, model Sterrad Velocity của Bệnh viện - Cho kết quả sau khi ủ sau 15- 30 phút - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và ISO 11138-1 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 11138-1	Ống	2.900
199	Đai bó sau phẫu thuật cánh tay	Đai bó định hình sau phẫu thuật cánh tay, (các cỡ) tạo ra lực nén phù hợp giúp giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: polyamide, elastane - Không chứa latex, không gây dị ứng - Kích cỡ: XS, S, M, L, XL, XXL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	36
200	Đai cổ chân	Đai cổ chân hỗ trợ chấn thương khớp cổ chân nhẹ nhàng, dùng trong các trường hợp viêm khớp, giãn dây chằng, các cỡ - Chất liệu: Neoprene tự dính, khóa Velcro - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	25
201	Đai cố định xương đòn	Đai cố định xương đòn sử dụng cố định xương đòn trong chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn - Chất liệu: đệm mút, vải cotton mềm - Định hình ôm quanh phần xương đòn và nách, dây đai có khóa Velcro (băng nhám dính) - Kích cỡ tương ứng số đo vòng ngực: 61-75cm, 76-85cm, 86-95cm, 96-105cm, 105-150cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	65

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
202	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới	Đai cột sống dùng trong hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương vùng cột sống và eo - Vật liệu: vải thun dệt dạng lưới có lỗ nhỏ trên bề mặt giúp thông thoáng không khí, thấm nước và thoát mồ hôi tốt, có các tấm nhựa Plastic được định hình theo đường cong sinh lý, khung Plastic có thể tháo rời thuận tiện cho việc vệ sinh sản phẩm. Có 2 dây đai điều chỉnh lực - Chiều cao: 12 - 13 inch - Kích thước: XS (61cm - 81cm), UNI (81cm - 102cm), SPE (102cm - 127cm) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	230
203	Đai cột sống lưng, chất liệu vải thun	Đai cột sống hỗ trợ, phòng ngừa các chấn thương vùng cột sống lưng - Chất liệu: vải thun, dệt dạng lưới có lỗ nhỏ trên bề mặt giúp thông thoáng không khí, mồ hôi. Có thanh Plastic tích hợp hạt gốm sinh học phát ra tia hồng ngoại xa giúp thúc đẩy quá trình tuần hoàn máu, cố định cột sống và 2 vùng thắt lưng. Có 2 dây đai dạng dán. - Kích thước: Chiều cao: 9 - 10 inch. Gồm 3 cỡ tương ứng với số đo vòng eo XS (61cm - 81cm), UNI (81cm - 102cm), SPE (102cm - 127cm) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	220
204	Đai đầu gối hỗ trợ	Đai đầu gối hỗ trợ phòng ngừa các chấn thương đầu gối - Chất liệu: Vải thun co dãn 4 chiều có độ đàn hồi và độ bền cao, chống trượt. - Kích thước: S (27 - 32cm) M (32 - 37cm) L (37 - 42cm) XL (42 - 47cm) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	100
205	Đai đầu gối, bằng vải	Đai đầu gối cứng dùng trong hỗ trợ và phòng ngừa các chấn thương đầu gối, cho những người chơi thể thao hoặc đi bộ đường dài và đứng nhiều giờ - Vật liệu: vải thun chất liệu HIPRENE độ dày 1.5 - 2.0mm, co dãn 4 chiều (lên, xuống, trái phải), nhẹ, chắc chắn, độ đàn hồi, độ chống rách và độ bền cao, các mặt dán độ dính cao, không bị xù sau nhiều lần dán. - Có dây đeo đôi điều chỉnh độ căng - Có thể điều chỉnh áp lực - Kích thước: UNI (28-45cm) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
206	Đai hỗ trợ mắc cá chân	Đai hơi cổ chân hỗ trợ mắt cá chân dùng trong hỗ trợ mắt cá chân tại trường hợp mắt cá chân yếu hoặc bị chấn thương. - Chất liệu: vải thun, độ dày 1.5 - 2.0 mm, co giãn 4 chiều, nhẹ, chắc chắn, có độ đàn hồi, độ chống rách và độ bền cao. Chống trượt, độ bám dính cao. Có dây đeo đôi chống trượt chéo, điều chỉnh độ căng, tạo áp lực thích hợp - Kích thước: 15 - 35cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20
207	Đai khuỷu tay	Đai khuỷu tay hỗ trợ các chấn thương vùng khuỷu tay cứng - Chất liệu: vải Hi-prene giúp giữ ấm, giữ ẩm, co giãn tốt. Có tấm lót bên trong cố định vùng khuỷu tay - Kích thước: cao khoảng 6 - 7cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	25
208	Đai treo tay	Đai treo tay sử dụng trong trường hợp tổn thương khớp vai sau tai biến mạch máu não, gãy xương, chấn thương căng tay, khớp vai, cánh tay hoặc khuỷu tay, hỗ trợ tay ở trạng thái nghỉ. - Chất liệu: Vải cotton. - Có khóa Velcro (băng nhám dính) để cố định đai. - Kích thước: tương ứng độ dài từ khuỷu tay đến bàn tay: 25-28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm, > 40cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	280
209	Dao mổ cứng mạc, 15 độ	Dao mổ cứng mạc, tạo đường hầm 15 độ - Chất liệu: thép không gỉ - 2 mặt vát, cạnh mài ngang - Cán dao bằng nhựa, có vị trí giúp chống trượt - Lưỡi dao thẳng và siêu bền - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2.500
210	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000 tại Bệnh viện - Theo dõi huyết động ít xâm lấn, cung cấp các chỉ số huyết động chuyên sâu: CCO, CCI, SV, SVI, SVV, DO2 - Bộ cảm biến với dây áp lực dài 60 inch (152cm), các chỉ số huyết động được tự động cập nhật với tần suất mỗi 20 giây/ lần. - Tiết kiệm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
211	Đầu nối an toàn không kim, chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$, ≥ 200 lần tiêm	Đầu nối an toàn không kim - Cấu tạo: Lớp vỏ ngoài bằng polycarbonate, van bằng silicone y tế, không chứa DEHP. Van dạng lò xo hoặc vách ngăn đôi, mặt van phẳng, đóng kín trước và sau khi tiêm truyền, Đầu nối luer lock, tương thích với các loại catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ - Chiều dài: $3 \pm 0.5\text{cm}$ - Thể tích mỗi dịch 0.04 - 0.10mL - Tốc độ dòng chảy tối thiểu 160mL/phút - Chịu áp lực: $\geq 300\text{psi}$ - Số lần sử dụng ≥ 200 lần tiêm - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	28.000
212	Đầu nối an toàn không kim, chịu áp lực $\geq 350\text{psi}$, ≥ 500 lần tiêm	Đầu nối an toàn không kim□ - Cấu tạo: Lớp vỏ ngoài bằng polycarbonate, van bằng silicone y tế, không chứa DEHP□Van dạng lò xo hoặc vách ngăn đôi, mặt van phẳng, đóng kín trước và sau khi tiêm truyền, Đầu nối luer lock, tương thích với các loại catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ - Chiều dài: $3 \pm 0.5\text{cm}$ - Thể tích mỗi dịch 0.04 - 0.10mL - Tốc độ dòng chảy tối thiểu 160mL/phút - Chịu áp lực $\geq 350\text{psi}$ - Số lần sử dụng ≥ 500 lần tiêm□ - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày□ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60.000
213	Đầu nối ống thông dùng trong thăm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông	Đầu nối ống thông dùng trong thăm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông - Chất liệu bằng titanium - Đường kính trong 1.04" - 1.30" (2.64 - 3.30 mm), đường kính ngoài 1.92" - 2.00" (4.88 - 5.08 mm) (Tương thích với ống thông có kích thước đường kính trong 2.5 - 3.5mm, đường kính ngoài 5.0 - 5.5 mm) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
214	Đầu phun khí dung	Đầu phun khí dung - Kích thước: 67 x 48 x 25 mm ($\pm 10\%$) - Khối lượng: ≤ 14 gr - Thể tích chứa thuốc: 6 - 7mL - Kích thước hạt trung bình: 3.0 - 3.2 μm - Tốc độ phun thuốc: > 0.2 mL/phút - Thể tích cặn thấp: < 0.1 mL khi phun 3mL thuốc - Độ ồn khi hoạt động: < 35 dB - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	380
215	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn, tương thích máy EV1000	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn - Gồm bộ cảm biến đo áp lực, ống xả, bộ dẫn truyền tĩnh mạch, dây dẫn 48inch và 12inch, 2 khóa 3 ngã - Tương thích máy EV1000 của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	250
216	Dây máy thở cho người lớn tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Dây máy thở cho người lớn - Tích hợp với dây đốt nhiệt dành cho người lớn (đường kính 22mm) - Chiều dài: 1.5m - Lưu lượng dòng chảy: 10-60L/phút - Thời gian sử dụng tối đa 14 ngày - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent) của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	330
217	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo - Chiều dài: khoảng 58 - 110cm - Có 2 mặt, một mặt mềm tiếp xúc với da để tạo cảm giác mềm mại khi mang. Mặt còn lại hơi thô và không dính vào áo quần khi mang - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	170
218	Dây nối chữ T đi kèm dây truyền 150 $\pm$ 0.5cm	Dây nối áp lực cao chữ T, có 2 van một chiều dùng cho ống bơm tiêm cân quang 2 nòng - Chất liệu: nhựa PVC, không chứa DEHP - Chiều dài: khoảng 150 $\pm$ 0.5cm, đường kính trong 1.5 - 2.0 mm - Chịu áp lực ≥ 300 psi - Trong suốt, dạng xoắn chống gập, đầu nối luer lock an toàn, chống rò rỉ - Tiệt khuẩn - Tương thích ống bơm tiêm cân quang của máy bơm tiêm điện CT Imaxeon Salient (hai nòng) của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
219	Dây nối dùng cho bơm tiêm cân quang, cỡ 30 ± 01cm	Dây nối dùng cho bơm tiêm cân quang - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP - Chiều dài: 30 ± 01cm, đường kính trong: 03 ± 01 mm - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Thể tích mỗi: 2.0 - 2.5mL - Đầu nối Luer Lock - Chịu được lực kéo $\geq 15N$ giữa các mối nối và ống dây - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA 510(k) (FDA Cleared) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60.000
220	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 140 - 145cm	Dây nối dùng trong truyền thuốc qua bơm tiêm điện□ - Chất liệu: PVC, không có chất phụ gia DEHP, trong suốt, chống xoắn - Chiều dài: 140 - 145cm, đường kính trong: 0.8 - 1.0mm, đường kính ngoài: 1.8 - 2.0mm - Thể tích đuôi khí $\leq 1mL$ - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Đầu nối male và female, tương thích với các loại bơm tiêm và catheter - Tiệt khuẩn□ - Yêu cầu khi sử dụng: mềm dẻo, đảm bảo không rò rỉ - Đạt chứng nhận: + FDA 510(k) (FDA Cleared) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70.000
221	Dây nối dùng truyền thuốc qua bơm tiêm điện, dài 150 - 155cm	Dây nối dùng trong truyền thuốc qua bơm tiêm điện□ - Chất liệu: PE, trong suốt, chống xoắn - Chiều dài: 150 - 155cm, đường kính trong: 1.0 - 1.3mm, đường kính ngoài: 2.0 - 2.5mm - Thể tích đuôi khí $\leq 1.3mL$ - Kháng lực ≥ 18.5 psi hoặc tương đương - Áp lực hút 450mmHg hoặc tương đương - Đầu nối male và female, tương thích với các loại bơm tiêm và catheter, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu, có màu đỏ phân biệt đầu ra, đầu vô - Tiệt khuẩn□ - Yêu cầu khi sử dụng: mềm dẻo, đảm bảo không rò rỉ - Đạt chứng nhận: + FDA 510(k) (FDA Cleared) (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10.000
222	Dây nối oxy dài tối thiểu 2m	Dây nối oxy - Chất liệu: PVC - Đường kính lòng ống: 5.0 - 6.5 mm, chiều dài tối thiểu 2m - Đầu nối tương thích với các dụng cụ cung cấp và hệ thống oxy nguồn của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	1.300

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
223	Dây truyền chữ Y dạng thẳng 150 - 155cm, 2 van, dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang Nemoto tại Bệnh viện	Dây truyền chữ Y dạng thẳng - Chất liệu: dây truyền bằng PVC, van an toàn bằng PC, bộ chuyển đổi Luer bằng PVC, nắp chụp thông hơi bằng HDPE, nắp trượt bằng LDPE, khóa Luer bằng PVC Gồm: - 1 dây truyền dạng thẳng chữ Y với 02 van an toàn, chiều dài dây truyền 150 - 155 cm - 1 dài dây ngắn đến chữ Y: 80-90mm - Chiều dài dây ngắn đến chữ Y màu xanh da trời: 180 - 190mm - Đường kính trong: 1.7 - 1.8 mm - Đường kính ngoài: 3.2 - 3.3 mm - Áp suất ≥ 300psi - Tiệt khuẩn - Tương thích với hệ thống máy bơm tiêm điện CT Nemoto Dual Shot Alpha 7 tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Chiếc	500
224	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP - Chiều dài dây: 180 ± 5cm, đường kính trong 3 ± 0.1mm, đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt có 2 ngăn, màng lọc dịch 15 - 40μm, van thông khí có màng lọc vi khuẩn 99,9% - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt kiểu con lăn - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	60.000
225	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh tốc độ, dài khoảng 150 ± 1 cm	Dây truyền dịch có bộ phận chỉnh tốc độ dịch truyền - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Chiều dài: 150 ± 1cm, đường kính trong: 3 ± 0.1mm, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng 15-16μm, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Có khóa dừng, bộ phận điều chỉnh tốc độ 3mL/h - 270mL/h - Tương thích với các loại dây nối, catheter, đảm bảo không rò rỉ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
226	Dây truyền dịch dành cho máy Infusomat Plus	Dây dịch truyền dịch dành cho máy truyền dịch - Chiều dài: 150 cm, chất liệu PVC - Bộ lọc chất lỏng: khoảng 10 - 15 µm - Có buồng nhỏ giọt và đầu nối bệnh nhân Luer-Lock - Thể tích mỗi: 15 - 20 mL - Có khóa tại dây - Tiệt khuẩn - Tương thích với máy truyền dịch infusomat plus của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: - ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Sợi	3.000
227	Dây truyền dịch đuôi khí tự động	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Chiều dài dây: 180 ± 5cm, đường kính trong: 3 ± 0.1mm, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn - Có màng lọc dịch khoảng 15µm, lọc các hạt tạp chất có kích thước ≤ 5µm, van thông khí có màng lọc 99,9% vi khuẩn, vi rút - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuôi khí, ngưng truyền khi hết dịch - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Thể tích mỗi dịch: ≤ 24mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	630.000
228	Dây truyền dịch đuôi khí tự động có kẹp khóa trên dây	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh□ - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP□ - Chiều dài dây 180 ± 5cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, có cửa tiêm thuốc an toàn là cổng kết nối không kim, đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt có 2 ngăn, với màng lọc Hydrophilic kích cỡ 15µm - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuôi khí, ngưng truyền khi hết dịch với tốc độ truyền 20 giọt/mL, thể tích đuôi khí 18mL - Nắp đậy đuôi dây truyền với màng lọc Hydrophobic 1.2 µm - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch□ - Có bộ phận điều chỉnh giọt và 1 kẹp khóa trên dây - Tiệt khuẩn□ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	150.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
229	Dây truyền dịch đuối khí tự động có kẹp khóa trên dây, có cổng tiêm thuốc là đầu nối không kim	Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Chiều dài dây $\geq 185\text{cm}$, đường kính trong khoảng 3mm, đường kính ngoài 4mm, đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Bầu đếm giọt với màng lọc Hydrophilic kích cỡ $15\mu\text{m}$ - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuối khí, ngưng truyền khi hết dịch, thể tích đuối khí $\leq 19\text{mL}$. - Nắp đậy đuối dây truyền với màng lọc Hydrophobic 1.2 micron cho phép tự động đuối khí chỉ bằng 1 tay - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt và 1 kẹp khóa trên dây và 1 cổng tiêm thuốc là đầu nối không kim - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50.000
230	Dây truyền dịch tránh ánh sáng, dài khoảng $180 \pm 5\text{cm}$	Dây truyền dịch tránh ánh sáng dùng trong tiêm truyền hóa chất điều trị ung thư □ - Chất liệu: PUR, không chứa DEHP, tránh ánh sáng □ - Chiều dài dây: khoảng $180 \pm 5\text{cm}$, đường kính trong khoảng $3 \pm 0.1\text{mm}$, đường kính ngoài khoảng 4mm, có cửa tiêm thuốc an toàn, đầu nối dạng khóa xoắn vặn □ - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng $15\text{-}16\mu\text{m}$, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Có chức năng tự động: đuối khí, ngưng truyền khi hết dịch □ - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch □ - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.200
231	Dây truyền máu có bộ lọc máu $200\mu\text{m}$, tương thích máy Infusomat Plus của Bệnh viện	Dây truyền máu - Chất liệu PVC - Chiều dài: 150 - 160cm - Bộ lọc máu: $200\mu\text{m}$ - Có buồng nhỏ giọt - Thể tích đuối khí: khoảng 15 - 20 mL - Có khóa trên dây - Tiệt khuẩn - Tương thích với máy truyền dịch Infusomat Plus của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: - ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	sợi	610

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
232	Dây truyền máu đầu tròn	Dây truyền máu đầu tròn□ - Chất liệu: PVC - Chiều dài: 160 - 165cm□ - Bầu đếm giọt: bằng Polypropylene, gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, có màng lọc bằng PET, kích thước mắt lưới lọc 170 - 220µm để ngăn ngừa huyết khối, 20 giọt/mL□ - Đầu nối male, đầu tròn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối, có kim 18G□ - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	16.000
233	Dây truyền máu đầu xoắn	Dây truyền máu đầu xoắn □ - Chất liệu: Polyamide - Chiều dài: 180 - 185cm, đường kính trong khoảng $03 \pm 0.1\text{mm}$, đường kính ngoài khoảng $04 \pm 0.1\text{mm}$□ - Bầu đếm giọt: gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, diện tích màng lọc 11cm^2, kích thước mắt lưới màng lọc 170 - 220µm để ngăn ngừa huyết khối, đầu lấy máu mũi tù, trong suốt, có nắp bảo vệ - Đầu nối male, kiểu xoắn vặn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối - Có bộ phận điều chỉnh giọt, có chức năng đuổi khí tự động□ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	13.000
234	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh - Chất liệu: Hydrocolloid - Đường kính vòng gắn $70 \pm 1\text{mm}$, vòng cắt tối đa 57mm - Đế dán vào da có độ pH 4.0 - 5.5 - Thời gian sử dụng tối thiểu >3 ngày - Dùng với túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh cùng hãng - Không gây kích ứng da, không tồn dư keo trên da sau khi tháo - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	700
235	Đế lồi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế lồi hậu môn nhân tạo 2 mảnh - Chất liệu: Hydrocolloid - Đường kính vòng gắn 70mm - Cấu tạo: + Đế lồi có phần lồi ra ngoài tạo được áp lực lên vùng da xung quanh hậu môn nhân tạo + Đế dán vào da có độ pH 4.0 - 5.5 + Đế có phần gắn kết với túi có thể nhấc lên khi gắn - Dùng với túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh cùng hãng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	300

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
236	Đè lưỡi gỗ	Đè lưỡi gỗ dùng trong thăm khám vùng hầu họng - Chất liệu: gỗ thông hoặc gỗ tự nhiên - Kích cỡ: 150 x 20 x 2mm ($\pm 05\%$) - Đặc điểm: trơn láng, không bén cạnh, không trầy xước - Tiết khuôn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	210.000
237	Điện cực dán đo dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực dán đo dẫn truyền thần kinh vận động - Chất liệu: bạc / bạc chloride (Ag/AgCl) và gel rắn - Kích thước điện cực: 470 - 475mm² - Diện tích ghi 50 - 55mm², dây dài khoảng 1.2 - 1.5m - Mỗi điện cực với dây dẫn mã màu đỏ, xanh lá cây và màu đen - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cặp	1.750
238	Điện cực đất dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực đất chống nhiễu dùng trong đo vận động, khảo sát kim EMG - Chất liệu: bạc / bạc chloride (Ag/AgCl) và gel rắn - Kích thước: Dây dài khoảng 1.5 - 2.0m - Diện tích tiếp xúc: khoảng 1240 - 1245mm² - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	900
239	Điện cực nhả dùng cho máy Sierra Summit Cadwell	Điện cực nhả đo dẫn truyền thần kinh cảm giác - Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài khoảng 1.0 - 1.1m - Dây cáp: Cu/Sn với lớp cách nhiệt PVC - Đầu kết nối: Cu/Au với lớp cách nhiệt PE - Cặp điện cực nhả để ghi và kích thích điện được đánh dấu bằng các dây có màu khác nhau (đỏ và đen) để biểu thị các cực - 1 dây gồm 2 chấu và 2 điện cực âm dương - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
240	Dụng cụ cố định đầu xa khi sinh thiết dưới hướng dẫn của nhũ ảnh	Dụng cụ cố định đầu xa cung cấp dẫn đường cho kim sinh thiết trong quá trình sinh thiết - Chất liệu: Polycarbonate - Đặc điểm: Hình trụ rỗng ruột, đường kính trong 0.172 inch (0.437cm) - Tiệt khuẩn - Tương thích máy sinh thiết có hỗ trợ lực hút chân không Encor Enspire của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
241	Dụng cụ cố định nội khí quản không có chống cắn	Dụng cụ cố định nội khí quản không có chống cắn - Cấu tạo: gồm 2 miếng dán cố định hai bên má người bệnh - Chất liệu: hydrocolloid, không chứa Latex - Có băng cố định vùng gáy. - Phần cố định nội khí quản, có thể di chuyển được, tránh gây loét môi cho người bệnh - Thời gian sử dụng tối đa 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50
242	Dụng cụ cố định ống nội khí quản, chống cắn	Dụng cụ cố định ống nội khí quản, chống cắn - Cấu tạo: gồm 2 miếng dán cố định hai bên má người bệnh - Chất liệu: hydrocolloid, không chứa Latex - Băng cố định vùng gáy có thể tháo rời và thay thế, phần cố định ống nội khí quản có thể di chuyển được, tránh loét môi, có ống chống cắn - Dùng cho ống nội khí quản có đường kính khoảng 5 - 10mm - Thời gian sử dụng tối đa 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2.700
243	Dụng cụ điều chỉnh dây thanh	Dụng cụ điều chỉnh dây thanh hình chiếc ô giúp điều trị hẹp thanh môn trước có hoặc không có liệt dây thanh - Chất liệu silicone mềm, cỡ: 12, 14, 16 - Bề mặt trơn nhẵn không dính - Chiều rộng thanh môn: $17 \pm 0.5\text{mm}$ - Chiều dài thanh môn: 12mm, 14mm, 16mm (± 0.5) - Chiều rộng cánh: $16 \pm 1\text{ mm}$ - Chiều dài cánh: $21 \pm 1\text{ mm}$ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
244	Dụng cụ nâng cổ tử cung	Dụng cụ nâng cổ tử cung, giảm áp lực mở cổ tử cung ngừa sinh non - Chất liệu: silicon, đàn hồi có thể gấp lại - Đường kính ngoài: 65 - 70mm; đường kính trong: 32 - 35mm; chiều cao: 21 - 25mm - Có lỗ thoát dịch - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50
245	Dụng cụ tập hít thở hoạt động kép	Dụng cụ tập hít thở hoạt động kép sử dụng tập luyện hít thở và tổng đòn, tăng chức năng phổi trước và sau phẫu thuật, ngăn ngừa các biến chứng về phổi như viêm phổi sau phẫu thuật - Cấu tạo: có 2 phần - Tập luyện cơ hít vào (IMT: tối đa 40 ±2 cmH2O) - Áp lực thở ra gắng sức (PEP: tối đa 20 ±2 cmH2O) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	60
246	Dung dịch chăm sóc vết haemoglobin, thể tích 12 - 15mL, dạng xịt	Dung dịch chăm sóc vết giúp tăng cường cung cấp oxy cho vết thương, dùng được cho vết thương mãn tính như loét bàn chân tiểu đường, loét tĩnh mạch/động mạch, loét do tỳ đè, vết thương nhiễm khuẩn, vết thương có giả mạc - Thành phần: Hemoglobin carbonylated (10-15%), Phenoxyethanol (0.7 - 0.9%), Sodium chloride (0.9%), N-acetylcysteine (0.05%), nước - Thể tích: 12 - 15mL, dạng chai xịt - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Chai	10
247	Dung dịch chăm sóc vết thương axit Hyaluronic, dạng bột	Bình xịt bột chăm sóc vết thương để điều trị các vết thương cấp tính (bỏng, vết mổ phẫu thuật, vết trầy xước) và mạn tính (loét tì đè, loét bàn chân đái tháo đường, loét mạch máu) - Thành phần: Axit Hyaluronic, Acacia Collagen, Bạc Vi hạt, Vitamin E - Thể tích: 125 - 150mL / chai - Dạng bào chế: hỗn dịch bột dạng xịt - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Chai	45

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
248	Dung dịch chăm sóc vết thương axit Hyaluronic, dạng kem	Dung dịch chăm sóc vết thương được chỉ định để điều trị các vết thương cấp tính (bỏng, vết mổ phẫu thuật, vết trầy xước) và mạn tính (loét tì đè, loét bàn chân đái tháo đường, loét mạch máu) - Thành phần: Axit Hyaluronic, Acacia Collagen, Bạc Vi hạt, Vitamin E - Thể tích: 50 - 70 mL / chai - Dạng bào chế: kem - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Chai	50
249	Dung dịch đệm pH hiệu chuẩn cho đo pH, trở kháng 24 giờ	Dung dịch đệm pH hiệu chuẩn cho đo pH, trở kháng 24 giờ - Gồm 2 dung dịch để sử dụng với hệ thống kiểm tra hồi lưu Z/pH hoặc pH và ống thông, cụ thể: pH4 dung tích 500mL và pH7 dung tích 500mL - Tương thích với máy đo pH và trở kháng 24 giờ của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tuýp	50
250	Dung dịch điều trị vết thương có thành phần mật ong	Dung dịch điều trị vết thương hoại tử, vết loét do tì đè, vết thương phẫu thuật, nhiễm trùng, có giả mạc, vết bỏng, vết ghép da và vết thương có mùi - Thành phần: 100% mật ong - Trọng lượng: 20 - 25gr - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tuýp	50
251	Dung dịch điều trị vết thương, dạng gel	Gel hỗ trợ điều trị vết thương trầy xước, vết mổ sau phẫu thuật - Thành phần: muối natri axit hyaluronic 0.2 - 0.3% - Trọng lượng: $\geq 30g$ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Ống	110
252	Dung dịch điều trị vết thương, dạng kem	Dung dịch điều trị vết thương trầy xước, tổn thương trên da, dạng kem - Muối natri của axit hyaluronic 0.2 - 0.3%, bạc Sulfadiazine $\geq 1\%$ - Trọng lượng: $\geq 25g$ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Ống	100
253	Dung dịch điều trị vết thương, dạng xịt	Dung dịch điều trị vết thương - Thành phần: 0.2 - 0.3 % muối natri axit hyaluronic, bạc, vitamin E - Khối lượng: 50 - 75 mL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Chai	60

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
254	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực - Thành phần: Hexamethyldisiloxane khoảng 60 - 90%, Isooctane khoảng 8 - 15%, Acrylate Terpolymer khoảng 3 - 15%, Polyphenylmethylsiloxane Copolymer khoảng 0.1 - 5%, không chứa cồn - Thời gian khô: <30 giây - Thời gian tác dụng kéo dài khoảng 70-75 giờ - Thể tích: khoảng 28 - 30mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Chai	3.200
255	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa loét do tỳ đè, dạng xịt	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa loét do tỳ đè, dạng xịt - Thành phần: acid béo (dầu ngô peroxide 98-99%) chứa: acid linoleic khoảng 60 - 65%, vitamin E, hương hạt hồi khoảng 1-5% - Đặc tính: phục hồi lớp hydrolipid bảo vệ da và thúc đẩy sự tái tạo lớp tế bào biểu bì, phục hồi màng lipid trên da - Thể tích: 20 - 25mL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Chai	4.200
256	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết dạng kem	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, dạng kem - Thành phần: Nước: 40 – 70%; dầu dừa: 7 - 15%; Glycerol: 3 - 10%; Isopropyl palmitate: 3 - 10%; Poly (oxypropylene)stearyl ether: 3 - 10%; Paraffin Wax: 3 - 7%; Bis (1-methylheptyl) Adipate: 1 - 5%; Poly (dimethylsiloxane): 1 - 5%; Silicic acid, muối natri - Thời gian tác dụng khoảng 7-9 giờ - Trọng lượng 28 - 30g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Ống hoặc Tuýp	1.000
257	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực, 1mL	Dung dịch dùng ngoài phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực, 1mL - Thành phần: Hexamethyldisiloxane khoảng 65 - 90%, Isooctane khoảng 5 - 15%, Acrylate Terpolymer khoảng 3 - 10%, Polyphenylmethylsiloxane Copolymer khoảng 0.1 - 5%, không chứa cồn - Thời gian khô: <30 giây - Thời gian tác dụng kéo dài khoảng 70-75 giờ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Gói	3.400

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
258	Dung dịch kháng khuẩn và cân bằng ẩm	Dung dịch kháng khuẩn và cân bằng ẩm Thành phần gồm: Colloidal silver 2 - 3%, Hyaluronic acid sodium salt 0.2 - 0.3%, Silicon dioxide 4.5 -5.0%, Aluminum silicate 90 - 93%. Van ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn Trọng lượng: $\geq 10\text{g}$ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Chai	20
259	Dung dịch lọc máu I	Dung dịch lọc máu I Can 10 lít dung dịch đậm đặc 1 lít dung dịch chứa: • Natri Bicarbonate: 84g • Dinatri Edetat: 0.05g • Nước tinh khiết - Thể tích: ≥ 10 lít/can - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Can	4.500
260	Dung dịch lọc máu II	Dung dịch lọc máu II Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calci clorid.2H ₂ O: 99.24 g • Maginesi clorid.6H ₂ O: 45.75g • Acid acetic: 81.00g • Glucose H ₂ O: 494.99g • Nước tinh khiết - Thể tích: ≥ 10 lít/can - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	can	8.300
261	Gạc Alginate, cỡ 10 x 10cm ($\pm 05\%$)	Gạc Alginate thấm hút dịch tiết, dùng trong điều trị vết thương - Thành phần: Calcium alginate không dệt - Kích thước: 10 x 10cm ($\pm 05\%$), dày: 1 - 3 mm - Khả năng hấp thụ / 100 cm ² gạc: ≥ 12 mL - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	1.200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
262	Gạc Alginate, có chứa bạc, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, dùng trong điều trị vết thương nhiễm trùng có kích thước < 10cm - Cấu tạo: 2 lớp natri carboxymethylcellulose tẩm khoảng 1.0 - 1.5% ion bạc - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	1.800
263	Gạc Alginate, có chứa bạc, cỡ 10 x 20cm (±05%)	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, dùng trong điều trị vết thương nhiễm trùng có kích thước < 15cm - Thành phần : Alginate Non-Woven Pad 30 - 60% + Carbonmethylcellulose (CMC) 7 - 13% + Sợi nylon trắng bạc < 10% - Kích thước: 10 x 20cm (±05%) - Giải phóng liên tục bạc trong 7 ngày - Băng kháng khuẩn không kết dính, không kết dính giữa vết thương và băng gạc - Hiệu quả chống lại mầm bệnh vết thương gồm: MRSA , MRSE, VRE - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	400
264	Gạc Alginate, có chứa mật ong, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc alginate kháng khuẩn, làm sạch vết thương, làm giảm hoặc loại bỏ mùi ở các vết thương nặng mùi, hấp thụ dịch tiết. Sử dụng cho vết thương có dịch tiết vừa đến nhiều, vết thương nông, sâu, hoại tử, nặng mùi - Thành phần: chứa 100% mật ong - Kích thước: 10 x 10cm (+05%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
265	Gạc Alginate, cỡ rộng 2.5cm x dài 30 ± 0.5cm	Gạc Alginate thấm hút, có chứa bạc, được tạo từ bột biển, tự tan, tạo gel khi tiếp xúc với dịch - Thành phần : Alginate Non-Woven Pad 30 - 60% + Carbonmethylcellulose (CMC) 7 -13% + Sợi nylon trắng bạc < 10% - Kích thước: rộng 2.5cm x dài 30 ± 0.5cm - Giải phóng ion bạc trong khoảng 7 ngày - Băng kháng khuẩn không kết dính, không kết dính giữa vết thương và băng gạc - Hiệu quả chống lại mầm bệnh vết thương gồm: MRA, MRE, VRE - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	250

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
266	Gạc băng mắt 5 x 7cm (±05%)	Gạc băng mắt - Băng cotton 100% - Kích thước: 5 x 7cm (±05%), hình oval - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	5.500
267	Gạc che xung quanh ống mở khí quản	Gạc che xung quanh ống mở khí quản - Cấu tạo gồm 3 lớp: + Lớp thứ nhất làm bằng sợi viscose phủ nhôm, không dính vết thương + Lớp thứ 2 hút dịch tiết + Lớp thứ 3 là lớp vật liệu mỏng không dệt - Kích thước: 8 x 9cm (±05%) - Tương thích với ống mở khí quản có đường kính: 10 - 20mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	6.000
268	Gạc chèn nội tạng tiết trùng, cỡ (8 x 22) cm ± 5%	Gạc chèn nội tạng dùng để tạo và cố định vùng phẫu trường - Lõi: 100% polyurethane - Gạc phủ ngoài và dây cố định: 100% cotton - Sợi cản quang: polystyrene, barium sulfate - Kích thước: + Đường kính: 8cm ± 5% + Chiều dài: 22cm ± 5% - Gạc xốp, mềm, đàn hồi giúp giữ chặt mà không gây tổn thương nội tạng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	500
269	Gạc cuộn sạch, cỡ 9cm x (2-3)m	Gạc cuộn sạch - Chất liệu: 100% sợi cotton, không hồ - Kích thước: 9cm x (2-3)m - Mật độ sợi: dọc 73-85 sợi/ 10cm, ngang 65-75 sợi/10cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	18.000
270	Gạc dẫn lưu, cỡ 1 x 300cm, 4 - 6 lớp	Gạc dẫn lưu tại mũi họng - Chất liệu: vải không dệt: Polyester và Rayon hoặc Polyester và viscose - Kích thước: 1 x 300cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cuộn	7.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
271	Gạc dẫn lưu, cỡ 2 x 300cm, 4 - 6 lớp	Gạc dẫn lưu tai mũi họng - Chất liệu: vải không dệt: Polyester và Rayon hoặc Polyester và viscose - Kích thước: 2 x 300cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cuộn	3.500
272	Gạc đắp vết thương, cỡ 6 x 15cm (±1cm)	Gạc đắp vết thương <15cm² - Cấu tạo: gồm 1 lớp bông (100% cotton) ở giữa 2 lớp gạc không dệt hút nước (sợi viscose hút nước 70-80% và 20-30% polyester) - Kích thước: 6 x 15cm (±1cm) - Tốc độ hút nước: thời gian chìm <10 giây² - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được >5gr nước² - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	72.000
273	Gạc dùng trong lọc máu thận nhân tạo	Gạc dùng trong lọc máu thận nhân tạo Thành phần gồm: 1. Khăn trải chống thấm: 40 x 60cm. Số lượng: 01 cái. + Chất liệu màng PE; giấy tổng hợp làm màng thấm 1 chiều; có khả năng hút ẩm siêu thấm. 2. Gạc lót đốc kim (3-4) x 5cm x 4 lớp (2 cái), gạc không dệt, hút nước 3. Gạc phẫu thuật không dệt, thấm nước, bằng Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose: (7-8) x (7-8)cm x 6-8 lớp (04 cái) 4. Gạc thận nhân tạo: (3-4) x (4-5)cm x 40 lớp (02 cái): + 100% cotton + Trọng lượng: 32g/m² ± 10% + Mật độ sợi: ngang khoảng 75 - 80 sợi/10cm, dọc 95 ± 5 sợi/10cm. + Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/gram gạc - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	46.000
274	Gạc ép sọ não cân quang, cỡ 2 x 8cm, 4 - 6 lớp	Gạc ép sọ não cân quang - Chất liệu: khoảng 60 - 70% viscose, 30 - 40% polyester, màu trắng, có sợi cân quang - Kích thước: 2 x 8cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được >5gr nước - Trọng lượng: khoảng 35 - 40g/m² - Tiệt khuẩn - Gói tối thiểu 20 miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	65.700

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
275	Gạc gắn với băng dính silicone trong suốt, cỡ 6 x 8 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicon mềm - Kích thước: 6 x 8 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6 - 7 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 10 - 12 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng: 5-7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	100
276	Gạc gắn với băng dính silicone trong suốt, cỡ 10 x 15 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 10 x 15 cm (± 0.5) - Diện tích thấm hút: 50 - 55 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	100
277	Gạc gắn với băng dính silicone trong suốt, cỡ 10 x 20 cm (± 0.5)	Băng vết thương thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 10 x 20 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6 - 7 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 10 - 12 g/10cm²/24h - Diện tích thấm hút: 75 - 80 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
278	Gạc gắn với băng dính silicone trong suốt, cỡ 10 x 25 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 10 x 25 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6 - 7 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 10 - 12 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng: 5-7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	100
279	Gạc gắn với băng dính silicone trong suốt, cỡ 10 x 30 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, viscose, polyester, polyolefins, polyacrilate, sợi acrylate siêu thấm - 4 lớp gồm: + Màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn + Lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y + Lớp điều hướng dịch tiết + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 10 x 30 cm (± 0.5) - Diện tích thấm hút: 125 - 130 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	50
280	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 5 x 7cm (± 0.5)	Gạc gắn băng dính trong suốt, dùng cho vết thương, vết mổ < 4cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 5 x 7cm (± 0.5) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, kích thước gạc (2-3) x 4cm - Có khung viền giấy - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	130.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
281	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 7 x 10cm (±05%)	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 7cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane, phủ lớp keo Acrylic $30 \pm 3 \text{ g/m}^2$, kích thước nền băng 7 x 10cm (±05%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải viscose và polyester, kích thước gạc (3-4) x 7cm, lớp chống dính HDPE - Mức thấm hơi nước: $\geq 500 \text{ g/m}^2/24 \text{ giờ}$ - Lực dính: $\geq 1 \text{ N/cm}$ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	20.000
282	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 25cm (±05%)	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 25cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 25cm (±05%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt khoảng 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 20cm - Có khung viền giấy - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	21.000
283	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 15cm (±05%)	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 10cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 15cm (±05%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 10cm - Có khung viền giấy - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	29.000
284	Gạc gắn với băng dính, cỡ 10 x 25cm (±05%)	Gạc gắn với băng dính - Thành phần: Film polyurethane; keo polyacrylate; gạc thấm hút không dính - Lớp film polyurethane chống thấm nước, góc băng bo tròn - Khung viền giấy - Kích thước: 10 x 25cm (±05%) - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
285	Gạc gắn với băng dính, cỡ 8 x 10cm (±05%)	Băng hậu phẫu có gạc vô trùng - Kích thước: 8 x 10cm (±05%) - Thành phần: Film polyurethane; keo polyacrylate; gạc thấm hút không dính - Lớp film polyurethane chống thấm nước. - Góc băng bo tròn, không để lại cạnh, sót keo khi thay băng, thay băng không đau. - Khung viền giấy có đánh số thứ tự dễ thao tác - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	100
286	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm (±05%), dày 1.5 ± 0.2mm	Gạc hydrocolloid thấm hút dịch tiết, chuyển thành hydrogel tạo hàng rào ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn, virus và các chất ngoại lai khác - Cấu tạo: lớp hydrocolloid, tráng lớp polyurethane ngoài cùng không thấm nước, lớp foam. Lớp bám dính chứa polyme - Kích thước: 10 x 10cm (±05%), dày 1.5 ± 0.2mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	3.600
287	Gạc hydrocolloid, 10 x 10cm (±05%), dày 2 ± 0.2mm	Gạc hydrocolloid dùng chăm sóc vết thương - Chất liệu: hydrocolloid, lớp xốp Polyurethane, mặt sau là màng film polyurethane bán thấm - Kích thước: 10 x 10cm (±05%), dày 2 ± 0.2mm - Đặc tính: tự dính, không thấm nước - Tốc độ thoát hơi ẩm tối thiểu 590 g/m²/ngày - Khả năng hút dịch tối thiểu 3.0 g/m²/ngày - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	20
288	Gạc Hydrocolloid, 10 x 10cm (±05%), dày 0.3 - 0.8mm	Gạc Hydrocolloid - Chất liệu: gelatin, carboxymethyl-cellulose và pectin, dày 0.3 - 0.8mm, có màng film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Đặc điểm: không dính, không thấm nước - Thời gian lưu băng: có thể lưu đến 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	900

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
289	Gạc hydrocolloid, loại mỏng, 10 x 10cm (±05%)	Gạc hydrocolloid thấm hút dịch tiết, chuyển thành hydrogel - Cấu tạo: lớp hydrocolloid, tráng lớp film polyurethane, không thấm nước - Kích thước: 10 x 10cm (±05%), dày 0.3 - 0.5mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	1.600
290	Gạc hydrofiber tạo gel kháng khuẩn, cỡ 2 x 45cm (±0.5)	Gạc thấm hút tạo gel kháng khuẩn - Thành phần: Polyvinyl alcohol (PVA) fibres, hydroxypropyl cellulose, silver sulphate (0.2 - 0.5 mg Ag/cm²) - Hóa gel khi tiếp xúc và khóa giữ dịch tiết, hiệu suất giữ dịch 93%, không bị rã, giảm thiểu nguy cơ rò rỉ và ứng da. - Kháng khuẩn nhanh chóng và kéo dài: giải phóng ion bạc dần dần khi tiếp xúc dịch. Tiêu diệt nhiều loại vi khuẩn như VRE, MRSA, nấm mốc và phá vỡ màng sinh học (biofilm) - Kích thước: 2 x 45cm (±0.5) - Khả năng hấp thụ dịch tối đa: 16g/100cm² - Thời gian lưu băng: Tối đa 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	100
291	Gạc hydrogel làm ẩm vết thương, cỡ 7.5 x 15cm (±0.5)	Gạc hydrogel làm ẩm vết thương - Thành phần: vải axetat (acetate) tẩm DACC (Dialkyl Carbamoyl Chloride) giúp kiểm soát và ngăn ngừa nhiễm trùng hiệu quả - Lớp tiếp xúc vết thương không dính, không sót sợi nên giảm đau khi thay băng - Kích thước: 7.5 x 15cm (±0.5) - Phù hợp cho các vết thương từ khô đến tiết dịch ít - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	50
292	Gạc hydrogel, cỡ 10 x 10cm (±1cm)	Gạc hydrogel, 4 lớp + Lớp 1: vải polyetylen thoáng khí + Lớp 2: lớp băng gạc thấm hút dịch các chứa chất tạo gel, tạo sợi + Lớp 3: lớp phủ bán thấm không dệt giúp lưu giữ và tránh tràn dịch + Lớp 4: vải axetat tẩm DACC - Dialkyl Carbamoyl Chloride giúp kiểm soát và ngăn ngừa nhiễm trùng hiệu quả - Kích thước: 10 x 10cm (±1cm) - Phù hợp cho các vết thương với lượng dịch tiết từ nhiều đến rất nhiều - Đóng gói tiệt khuẩn riêng từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
293	Gạc hydrogel, cỡ 15 x 15cm (±05%)	Gạc hydrogel, dùng che phủ vết thương giúp cân bằng ẩm tối ưu cho nền vết thương, giúp nhanh lành thương. Dùng cho các tổn thương tỷ đè, loét chân do bệnh lý mạch máu, bàn chân đái tháo đường, bỏng, ngăn ngừa nứt da - 4 lớp: lớp hydrogel khô và foam hút dịch vết thương, có lớp polymer chống dính, có màng bán thấm polyurethan - Kích thước: 15 x 15cm (±05%) - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	600
294	Gạc lưới lipido-collloid mắt lưới ≤ 0.5mm², 15 x 20cm (±05%)	Gạc lưới Lipido-Colloid, dùng cho vết thương < 15cm - Dệt lưới Polyester, tấm lipido-collloid, kích thước mắt lưới ≤ 0.5mm² - Kích thước: 15 x 20cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	500
295	Gạc lưới lipido-collloid, 15 x 15cm (±0.5)	Gạc lưới lipido-collloid - Kích thước: 15 x 15cm (±0.5) - Chất liệu: lipido-collloid được bảo vệ bởi hai lớp màng trong suốt - Đặc tính: lưới thoáng khí có thể kéo dài nhiều lần - Tải trọng tối đa ≥ 30 cN/cm, - Tải trọng tối đa ≥ 300 % - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	200
296	Gạc lưới lipido-collloid, 15 x 22cm (±0.5)	Gạc lưới lipido-collloid - Kích thước: 15 x 22cm (±0.5) - Chất liệu: lipido-collloid được bảo vệ bởi hai lớp màng trong suốt - Đặc tính: lưới thoáng khí có thể kéo dài nhiều lần - Tải trọng: tối đa ≥ 30 cN/cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	130
297	Gạc lưới lipido-collloid, 20 x 30cm (±0.5)	Gạc lưới lipido-collloid - Kích thước: 20 x 30cm (±0.5) - Chất liệu: lipido-collloid được bảo vệ bởi hai lớp màng trong suốt - Đặc tính: lưới thoáng khí có thể kéo dài nhiều lần Độ bền kéo - Hướng máy - Tải trọng tối đa ≥ 30 cN/cm, Độ bền kéo – Hướng ngang -biến dạng ở Tải trọng tối đa ≥ 300 % - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
298	Gạc lưới silicone, cỡ 10 x 18cm (±05%)	Gạc lưới silicone bảo vệ vết thương, có lỗ điều hướng dịch tiết lên lớp băng thứ cấp, trong suốt dễ dàng kiểm tra vết thương - Kích thước: 10 x 18 cm (± 05%) - Thời gian lưu băng: 10 - 14 ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	55
299	Gạc lưới tẩm bạc, cỡ 10 x 12cm (±05%)	Gạc lưới tẩm bạc là lớp băng phụ, dùng cho vết thương có dấu hiệu nhiễm trùng < 12cm - Chất liệu: dệt lưới Polyester, Lipido-Colloid, phủ bạc sulphat $0.5 \pm 0.1\text{mg/cm}^2$ - Kích thước: 10 x 12cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	1.100
300	Gạc lưới tẩm nano-oligosaccharide, 10 x 10cm (±05%)	Gạc lưới tẩm là lớp băng phụ, dùng cho vết thương có kích thước < 10cm - Chất liệu: dệt lưới Polyester, Lipido-Colloid - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Măt lưới có tẩm nano - Oligosaccharide khoảng 0.8 – 1.5 mg/cm² - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	650
301	Gạc lưới, cỡ 10 x 10cm (±05%)	Gạc lưới là lớp băng phụ, giúp tăng sinh nguyên bào sợi, gỡ băng không đau, tăng khả năng hấp thu dịch lên lớp băng chính, dùng cho vết thương < 10cm□ - Chất liệu: dệt lưới polyester, tẩm lipido-colloid - Kích thước: 10 x 10cm (±05%) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	6.800

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
302	Gạc phẫu thuật cân quang, 20 x 40cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cân quang - Chất liệu: cotton 100%, màu trắng - Kích thước 20 x 40cm, 6 - 8 lớp - Mật độ sợi: dọc 73-85 sợi/ 10cm, ngang 65-75 sợi/10cm; có sợi cân quang dài tối thiểu 20cm - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Trọng lượng: 25 - 30gr/m² - Gói: 5 - 10 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	50.000
303	Gạc phẫu thuật cân quang, 30 x 40cm, 8-10 lớp	Gạc phẫu thuật cân quang□ - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 30 x 40cm, 8 - 10 lớp□ - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm, có sợi cân quang dài tối thiểu 30cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m²□ - Đóng gói 2 loại: 5 - 10 miếng, 2 - 5 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	300.000
304	Gạc phẫu thuật cân quang, 40 x 40cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cân quang - Chất liệu: cotton 100%, màu trắng - Kích thước 40 x 40cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm; có sợi cân quang dài tối thiểu 40cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Gói: 5 - 10 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	50.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
305	Gạc phẫu thuật cản quang, dạng cuộn tròn, 8 x 20cm, 4 - 6 lớp	Gạc phẫu thuật cản quang, dạng cuộn tròn theo kích thước chiều dài - Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng - Kích thước 8 x 20cm, 4 - 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cản quang - Trọng lượng: 30 - 35g/m² - Gói: 5 - 10 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	52.000
306	Gạc phẫu thuật cản quang, dạng xếp cuộn, 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cản quang, dạng xếp cuộn - Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cản quang - Trọng lượng: 30 - 35g/m² - Gói: 10 - 15 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	28.000
307	Gạc phẫu thuật không cản quang, cỡ 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật không cản quang□ - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Gói: 10 - 15 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	4.000.000
308	Gạc phẫu thuật không cản quang, cỡ 7.5 x 7.5cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật không cản quang, không dệt - Chất liệu: (Polyester và Rayon) hoặc (Polyester và Viscose) - Kích thước: 7.5 x 7.5cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc - Đóng gói: 10 - 15 miếng/ gói - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	500.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
309	Gạc phẫu thuật không cản quang, cỡ 7.5 x 7.5cm, 6 - 8 lớp, che chân dẫn lưu	Gạc phẫu thuật không cản quang sử dụng che chân dẫn lưu: - Chất liệu: 100% sợi cotton, vải không dệt, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 7.5 x 7.5 cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 10 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ít nhất 05 giây - Gói: 10 - 15 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	150.000
310	Gạc phẫu thuật, cản quang, cỡ 10 x 10 cm, 6 - 8 lớp	Gạc phẫu thuật cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm, có sợi cản quang dài tối thiểu 10cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Gói: 10 - 15 miếng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	1.300.000
311	Gạc sạch, cỡ 10 x 10cm, 6 - 8 lớp	Gạc sạch, không cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 - 8 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm - Gói: 100 - 150 miếng - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	3.500.000
312	Gạc sạch, cỡ 30 x 40cm, 8 - 10 lớp	Gạc sạch, không cản quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 30 x 40cm, 8 - 10 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây - Mật độ sợi: ngang 6-9 sợi/cm, dọc 7-11 sợi/cm - Trọng lượng: 23 - 27g/m² - Gói: 30 - 40 miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	110.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
313	Gạc tẩm cồn, 5 x 6cm	Gạc tẩm cồn dùng sát khuẩn ngoài da - Chất liệu: Vải không dệt 70-80% visco, tẩm 70% Isopropyl Alcohol - Kích thước: 5 x 6cm, 4 - 6 lớp - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	6.000.000
314	Gạc tẩm cồn, 6 x 6cm	Gạc tẩm cồn dùng sát khuẩn ngoài da - Chất liệu: Vải không dệt 70-80% visco, tẩm 70% Isopropyl Alcohol - Kích thước: 6 x 6cm, 4 - 6 lớp - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	600.000
315	Gạc thấm hút tẩm bạc, cỡ 10 x 10cm (±0.5%)	Gạc thấm hút dịch tiết, kháng khuẩn - Cấu tạo: lớp nền là lớp lipido-colloid tẩm bạc 0.35-0.9mg/cm², lớp thấm hút đa năng bằng sợi polyacrylate - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5%) - Khả năng bám dính: ≥ 1kPa - Khả năng hấp thụ 1/2h: ≥1500g/m² - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	1.900
316	Gạc thấm hút, sợi polyvinyl alcohol, tẩm bạc, cỡ 10 x 10 cm (± 0.5)	Gạc thấm hút tạo gel kháng khuẩn - Thành phần: sợi polyvinyl alcohol (PVA), tẩm bạc sulphate (0.2 - 0.5 mg Ag/cm²), khóa dịch tiết, hóa gel khi tiếp xúc dịch tiết, không rã trong vết thương - Kích thước: 10 x 10 cm (± 0.5) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	150
317	Gạc xốp (foam) 10 x 11cm, màng film phủ ngoài, cỡ 14 x 15cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùi chỏ - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 10 x 11cm, tráng lớp keo tráng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 14 x 15cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85mL - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	1.600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
318	Gạc xốp (foam) 14 x 17cm, màng film phủ ngoài, cỡ 19 x 22cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùn cụt□ - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 14 x 17cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 19 x 22cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85mL□ - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày□ - Tiết khuẩn từng miếng□ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	650
319	Gạc xốp (foam) 5 lớp, cho vùng cùn cụt, có lớp dính silicone, cỡ 16 x 20 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) điều trị loét cho vùng cùn cụt dùng cho phòng ngừa và điều trị tổn thương tỷ đè - Kích thước: 16 x 20 cm (± 0.5) - Thành phần: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester and polyolefin - 5 lớp gồm: + Lớp film Polyurethane + Lớp lưu trữ dịch + Lớp trải đều dịch + Lớp foam siêu thấm hút + Lớp dính Silicon mềm - Tổng diện tích bao phủ 220 - 250 cm² - Diện tích vùng thấm hút: 120 - 130 cm² - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Đóng gói tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	500
320	Gạc xốp (foam) 5 lớp, cỡ 12 x 12 cm (± 0.5cm)	Gạc xốp (foam) hút dịch tiết thấm hút dịch tiết cao, dùng cho các vết thương phẫu thuật - Thành phần: Silicone, polyurethane, polyacrylate, cotton, viscose, polyester and polyolefin - 5 lớp gồm: + Lớp film Polyurethane thông thoáng, không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút + Lớp lưu trữ dịch, có đường cắt chữ Y giúp băng co giãn 360 độ linh hoạt, hỗ trợ vận động + Lớp trải đều dịch + Lớp foam siêu thấm hút + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 12 x 12 cm (± 0.5) - Diện tích vùng thấm hút: 72 - 75 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
321	Gạc xốp (foam) 6 x (7-8)cm, màng film phủ ngoài, cỡ 10 x 11cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùn cụt - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 6 x (7-8)cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 10 x 11cm (± 0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính $\geq 27\text{nm}$, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85mL - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	600
322	Gạc xốp (foam) polyurethane 3 lớp, kích thước 14 x 14cm (± 0.5), dày 5 - 6mm	Gạc xốp (foam) dùng trong điều trị vết thương Thành phần: + Lớp bảo vệ (viền bám dính phủ keo acrylic tự dính): Màng film P.U bán thấm phủ ngoài chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa 0.9 - 10 % Sodium Alginate + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương - Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 15 - 53μm - Tốc độ thoát hơi ẩm: $\geq 1.530\text{g/m}^2/\text{ngày}$ - Khả năng thấm hút dịch: $\geq 5.100\text{g/m}^2/\text{ngày}$ - Kích thước: 14 x 14cm (± 0.5); kích thước Foam: 10 x 10cm, dày 5 - 6mm - Thấm hút gấp 15-20 lần trọng lượng băng - Lưu băng lên tới 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	100
323	Gạc xốp (foam), 15 x 15cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 15 x 15cm (± 0.5), dày 5-6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm $\geq 0.7\text{ g/cm}^2/\text{ngày}$, hấp thụ dịch $\geq 0.5\text{ g/cm}^2/\text{ngày}$ - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
324	Gạc xốp (foam), 3 lớp, cỡ 10 x 10cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương tiết dịch Thành phần: Polyurethane, Silicone 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm) + Lớp foam giúp thấm hút và giữ lại dịch tiết + Lớp dính 100% silicone Kích thước 10 x 10 cm (± 0.5) Khả năng thấm hút dịch tiết: 6.8 - 7.0 g/10cm²/24h Tốc độ truyền hơi ẩm: 26 - 28 g/10cm²/24h Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	300
325	Gạc xốp (foam), 3 lớp, cỡ 10 x 20cm (± 0.5), dày 5 - 6mm	Gạc xốp (foam) dùng trong điều trị vết thương Thành phần: - Màng Polyurethane chống thấm - Lớp hấp thụ (Polyurethane foam thấm hút): chứa 0.9 - 10% Sodium Alginate - Lớp tiếp xúc chống dính vết thương Kích thước lỗ tiếp xúc: 16 - 53μm Kích thước lỗ lớp thấm hút: 130 - 240μm Tốc độ thoát hơi ẩm: $\geq 1.330\text{g/m}^2/\text{ngày}$ Khả năng thấm hút dịch: $\geq 5.300\text{g/m}^2/\text{ngày}$ Kích thước: 10 x 20cm (± 0.5), dày 5 - 6mm Thấm hút gấp 15-20 lần trọng lượng băng Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	150
326	Gạc xốp (foam), 3 lớp, dày 5 - 6mm, cỡ 10 x 10cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dùng trong điều trị vết thương Thành phần: - Màng Polyurethane chống thấm - Lớp hấp thụ (Polyurethane foam thấm hút): chứa 0.9 - 10% Sodium Alginate - Lớp tiếp xúc chống dính vết thương Kích thước lỗ tiếp xúc: 16 - 53μm Kích thước lỗ lớp thấm hút: 130 - 240μm Tốc độ thoát hơi ẩm: $\geq 1.330\text{g/m}^2/\text{ngày}$ Khả năng thấm hút dịch: $\geq 5.300\text{g/m}^2/\text{ngày}$ Kích thước: 10 x 10cm (± 0.5), dày 5 - 6mm Thấm hút gấp 15-20 lần trọng lượng băng Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	650

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
327	Gạc xốp (foam), 3 lớp, tấm Silver Sulphate, cỡ (17 x 17) cm ± 0.5cm	Gạc xốp (foam) dán vết thương kháng khuẩn, ủng cho vết thương tiết dịch nhiều - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí + Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate + Lớp dính 100% silicone - Kích thước: 17 x 17 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 5.5 - 6.0 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 5 - 6 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	150
328	Gạc xốp (foam), 3 lớp, tấm Silver Sulphate, cỡ 12 x 12 cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương kháng khuẩn - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate (≥ 1mg Ag/cm²) - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane chống nước thoáng khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (≥ 25nm) + Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật + Lớp dính Silicone mềm - Kích thước: 12 x 12 cm (± 0.5) - Hoạt tính kháng khuẩn: trong vòng 30 - 35 phút - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	150
329	Gạc xốp (foam), 3 lớp, tấm Silver Sulphate, cỡ 20 x 20cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương kháng khuẩn, ủng cho vết thương tiết dịch nhiều - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí + Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate + Lớp dính 100% silicone - Kích thước: 20 x 20 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 5.5 - 6.0 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 5 - 6 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
330	Gạc xốp (foam), 3 lớp, tấm Silver Sulphate, có lớp dính silicone cỡ, 10 x 10cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương kháng khuẩn, dùng cho vết thương tiết dịch nhiều - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate (1.0 - 1.2 mg Ag/cm²) - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm) + Lớp foam thấm hút có tấm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật + Lớp dính 100% silicone, không dính lên nền vết thương - Kích thước: 10 x 10 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 5.5 - 6.0 g/10cm²/24h - Tốc độ truyền hơi ẩm: 5 - 6 g/10cm²/24h - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	300
331	Gạc xốp (foam), 3 lớp, viền silicone, cỡ 10 x 10cm (± 0.5), dày 2 - 3mm	Gạc xốp (foam) hút dịch tiết thấm hút dịch tiết ít đến vừa, dùng cho các vết thương loét tỳ đè, vết thương phẫu thuật... - Thành phần: Silicone, polyurethane, polymer - 3 lớp gồm: + Lớp bảo vệ (viền bám dính phủ silicone đục lỗ tự dính): màng film Polyurethane bán thấm phủ ngoài không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0,9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương - Kích thước: 10 x 10 cm (± 0.5), kích thước foam 6.5 x 6.5 cm (± 0.5), dày 2-3mm - Khả năng thấm hút dịch: ≥ 3.100g/32/ngày - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	200
332	Gạc xốp (foam), 4 lớp, cỡ 10 x 10cm (±1cm)	Gạc xốp (foam), kháng khuẩn Gồm 4 lớp + Lớp film Polyurethane bán thấm, thoáng khí + Lớp Foam Polyurethane thấm hút dịch + Vải axetat tấm DACC - Dialkyl Carbamoyl Chloride giúp kiểm soát và ngăn ngừa nhiễm trùng hiệu quả + Viền dán với chất kết dính silicone y tế - Kích thước: 10 x 10cm (±1cm) - Phù hợp cho các vết thương với lượng dịch tiết từ vừa đến nhiều. - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
333	Gạc xốp (foam), cỡ 10 x 10cm (±0.5)	Gạc xốp (foam), không dính - Chất liệu: polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5), dày 5 - 6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm ≥ 0.7 g/cm²/ngày, hấp thụ dịch ≥ 0.5 g/cm²/ngày - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Cái	300
334	Gạc xốp (foam), cỡ 20 x 20cm (±0.5)	Gạc xốp (foam), không dính, cấu tạo 2 - 3 lớp - Chất liệu: polyurethane / alginate có độ thấm hút cao và lớp polyurethane bán thấm phủ ngoài - Kích thước: 20 x 20cm (±0.5), dày 5 - 6mm - Đặc tính: Ngăn chặn quá trình hình thành vảy và giảm thiểu tối đa quá trình hình thành sẹo - Tốc độ thoát hơi ẩm ≥ 0.7 g/cm²/ngày, hấp thụ dịch ≥ 0.4 g/cm²/ngày - Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	100
335	Gạc xốp (foam), tích hợp nano bạc, cỡ 10 x 10cm (± 0.5)	Gạc xốp (foam) dán vết thương thấm hút dịch tiết, kháng khuẩn, dùng cho vết thương tiết dịch trung bình - nhiều - Cấu tạo: Polyurethane tích hợp Nano bạc và PHMB (nano bạc 0.25%W/W, PHMB 1%W/W, dày 4 - 5mm) - Kích thước: 10 x 10 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết cao: 10-20g dịch/g gạc - Giữ dịch trong gạc, hạn chế số lần thay băng - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày, duy trì khả năng diệt khuẩn. - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
336	Gạc xấp Lipido-colloid vi bám dính, 10 x 12cm (±0.5)	Gạc xấp Lipido-colloid, dùng cho vết thương cấp tính tiết dịch, bỏng, vết thương do chấn thương, vết mổ và các vết thương do bệnh ung thư gây nên, vết thương mãn tính. - Chất liệu: lớp xấp polyurethane siêu thấm và lớp lipido-colloid vi bám dính - Lực vi bám dính: 2.5 - 7.5 kPa - Khối lượng tấm 180g/m² ± 40g/m² - Khả năng thấm hút tại 1/2 giờ ≥ 4300g/ m² - Kích thước: 10 x 12cm (±0.5) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	1.500
337	Gạc xấp lipido-colloid, 10 x 10cm (±0.5)	Gạc xấp lipido-colloid, dùng cho vết thương do loét tỷ đè, loét bàn chân tiểu đường có kích thước <10cm - Chất liệu: lipido-colloid hàm lượng 0.8 - 1.8mg/cm² loại hydrocellular - Kích thước: 10 x 10cm (±0.5) - Cấu tạo: lớp xấp mềm kết hợp với lớp xấp thấm hút polyurethane không dệt - Khả năng thấm hút dịch từ ít đến trung bình - Thời gian lưu băng: 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	1.100
338	Gạc xấp Lipido-colloid, cỡ 8 x 15cm (±0.5)	Gạc xấp lipido-Colloid hơi dính, dùng cho người bệnh phẫu thuật khớp gối, háng - Chất liệu: lipido-colloid, đường viền bằng silicone - Kích thước 8 x 15cm (±0.5) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	40
339	Gạc xấp silicone foam, 3 lớp, cỡ 10 x 10cm (± 0.5)	Gạc xấp (foam) dán vết thương tiết dịch trung bình đến nhiều, 4- 5mm - Thành phần: Polyurethane, Silicone - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (đường kính > 25nm) + Lớp Polyurethane foam giúp thấm hút dịch cao > 10g dịch/g gạc(>0,4 mL/cm²) + Lớp Optisil Silicone đục lỗ, mềm mại - Kích thước: 10 x 10 cm (±0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết trung bình - cao - Thời gian lưu băng có thể lên tới 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
340	Gạc xấp silicone foam, 3 lớp, cỡ 15x20cm (± 0.5)	Gạc xấp (foam) dán vết thương tiết dịch trung bình đến nhiều, 4- 5mm - Thành phần: Polyurethane, Silicone - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (đường kính > 27nm) + Lớp Polyurethane foam giúp thấm hút dịch cao > 10g dịch/g gạc(>0,4 mL/cm²) + Lớp Optisil Silicone đục lỗ, mềm mại, tháo băng không đau - Kích thước 15 x 20 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6.8 - 7.0 g/10cm²/24h - Tốc độ thoát hơi: > 8000 g/m².24h - Thời gian lưu băng có thể lên tới 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	200
341	Gạc xấp silicone foam, 3 lớp, cỡ 20x20cm (± 0.5)	Gạc xấp (foam) dán vết thương tiết dịch trung bình đến nhiều, 4- 5mm - Thành phần: Polyurethane, Silicone - 3 lớp gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (đường kính > 27nm) + Lớp Polyurethane foam giúp thấm hút dịch cao > 10g dịch/g gạc(>0,4 mL/cm²) + Lớp silicone đục lỗ, dịu nhẹ - Kích thước 20 x 20 cm (± 0.5) - Khả năng thấm hút dịch tiết: 6.8 - 7.0 g/10cm²/24h - Tốc độ thoát hơi: > 8000 g/m².24h - Thời gian lưu băng có thể lên tới 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	200
342	Gạc xấp silicone foam, 5 lớp, cỡ 12.5 x 12.5cm (± 0.5)	Gạc xấp (foam) hút dịch tiết thấm hút dịch tiết vừa đến nhiều, dùng cho các vết thương loét tỳ đè, vết thương phẫu thuật... - Thành phần: Silicone, polyurethane, polymer - 5 lớp gồm: + Lớp film Polyurethane bảo vệ bên ngoài không thấm nước, chống vi khuẩn và vi rút + Lớp lõi siêu thấm hút (sợi polymer) + Lớp trải đều dịch + Lớp foam thấm hút + Lớp Optisil Silicone đục lỗ tiếp xúc vết thương, mềm mại - Kích thước: 12.5 x 12.5 cm (± 0.5), kích thước foam 8.5 x 8.5 cm - Diện tích vùng thấm hút: 70 - 80 cm² - Thời gian lưu băng khoảng 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	150

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
343	Găng tay sạch bằng cao su hòa tan nitrile, không bột, các cỡ	Găng tay sạch không bột, các cỡ - Chất liệu: cao su hòa tan nitrile - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, bề mặt nhám - Kích cỡ: XS, S, M, L, độ rộng: 75 - 105mm - Chiều dài găng tay: tối thiểu 240 mm - Độ dày cổ tay tối thiểu 0.04 mm - Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.06mm - Độ dày ngón tay tối thiểu 0.07mm - Độ giãn dài tối thiểu trước khi già hóa 500% - Độ giãn dài tối thiểu sau khi già hóa 400% - Độ bền kéo (MPa): trước lão hóa tối thiểu 15Mpa, sau lão hóa tối thiểu 14Mpa - Khả năng kháng hóa chất (như Natri hydroxit, Formaldehyde, Oxy già,...) và chống xâm nhập thấm thấu với các loại thuốc hóa trị ung thư (như Bleomycin Sulfate, Busulfan, Carboplatin, Cyclophosphamide,...): không xâm nhập trong thời gian: khoảng 220 - 250 phút. - Hộp tối thiểu 50 đôi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Đôi	3.400.000
344	Găng tay sạch có bột, các cỡ	Găng tay sạch có bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: latex cao su thiên nhiên, có bột nhẹ - găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L - Chiều dài găng tay: Size XS, S (tối thiểu 220 mm), Size M, L (tối thiểu 230mm) - Chiều rộng lòng bàn tay: Size XS (≤ 80mm), Size S (80 ± 10), Size M (90 ± 10), Size L (110 ± 10) - Độ dày vùng trơn nhẵn: tối thiểu 0.08 mm, tối đa 2.00 mm - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0.10 mm, tối đa: 2.03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 500% - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 200\text{mcg/dm}^2$ - Hàm lượng bột $\leq 10\text{mg/dm}^2$ - Hộp tối thiểu 50 đôi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và tiêu chuẩn TCVN 6343 + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Đôi	200.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
345	Găng tay sạch không bột, các cỡ	Găng tay sạch không bột dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: cao su thiên nhiên - găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, bề mặt nhám, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: XS, S, M, L - Chiều dài găng tay: Size XS, S (tối thiểu 220 mm), Size M, L (tối thiểu 230mm) - Chiều rộng lòng bàn tay: Size XS ($\leq 80\text{mm}$), Size S (80 ± 10), Size M (90 ± 10), Size L (110 ± 10) - Độ dày vùng trơn nhẵn: tối thiểu 0.08 mm, tối đa 2.00 mm - Độ dày vùng nhám: tối thiểu 0.11 mm, tối đa: 2.03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 7.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 650%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 6.0N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 500% - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 50\text{mcg/dm}^2$ - Hàm lượng bột $\leq 2\text{mg/dm}^2$ (hoặc $\leq 2\text{mg/găng}$) - Hộp tối thiểu 50 đôi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và tiêu chuẩn TCVN 6343 + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Đôi	6.000.000
346	Găng tay sạch, dài 450 - 500mm	Găng tay sạch - Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính, màu trắng đến vàng nhạt□ - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay□ - Kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5 (chiều rộng: 83 - 95mm, chiều dài: 450 - 500mm)□ - Độ dày ngón tay, lòng bàn tay, cổ tay: tối thiểu 0.15mm □ - Đặc tính: lực kéo đứt trước khi già hóa nhanh tối thiểu 9 - 12.5N, độ giãn dài trước khi già hóa nhanh tối thiểu 600 - 700% (theo TCVN 6344:2007)□ - Gói tối thiểu 10 đôi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Đôi	35.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
347	Găng tay tiết khuẩn không bột, chiều dài tối thiểu 285 mm	Găng tay tiết khuẩn, không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật - Chất liệu: latex, mặt trong và mặt ngoài phủ lớp polymer - Màu sắc: màu nâu - Cổ găng thẳng có lớp băng nhẹ ôm khít vào tay áo, lòng bàn tay và đầu ngón tay được làm nhám - Kích thước: 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; chiều dài tối thiểu 285 mm - Độ dày tối thiểu vùng nhám 0.15 - 2.0 mm - Độ dày tối thiểu: độ dày ngón tay 0.19mm (± 0.02mm); bàn tay 0.18mm (± 0.02mm); cổ tay 0.17mm (± 0.02mm) - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước và sau khi sử dụng ≥ 9N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi sử dụng $\geq 700\%$, sau khi sử dụng $\geq 550\%$. - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 50\mu\text{g/g}$ - Tiết khuẩn, đóng gói từng đôi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Đôi	25.000
348	Găng tay tiết khuẩn sử dụng hút đàm	Găng tay sử dụng hút đàm - Chất liệu: Ethylene Vinyl Acetate Copolymer, trong suốt - Kích cỡ: S, 1 chiếc - Độ dày khoảng 0.008 - 0.04mm - Đặc điểm: các ngón thẳng, phù hợp với người thuận tay trái hoặc tay phải, các mép đảm bảo kín - Tiết khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	227.800
349	Găng tay tiết khuẩn sử dụng hút đàm, bằng Polyethylen	Găng tay sử dụng hút đàm - Chất liệu: bằng Polyethylen, trong suốt - Kích cỡ: S, 1 chiếc - Chiều dài từ đầu ngón giữa đến cổ tay: 290mm $\pm$ 10mm. Chiều rộng cổ tay: 136mm $\pm$ 3mm - Độ dày khoảng 0.008 - 0.04mm - Đặc điểm: các ngón thẳng, phù hợp với người thuận tay trái hoặc tay phải, các mép đảm bảo kín - Tiết khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
350	Găng tay tiệt khuẩn, dài 450 - 500mm	Găng tay tiệt khuẩn - Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có phủ bột chống dính, màu trắng đến vàng nhạt - Găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5 (chiều rộng: 83 - 95mm, chiều dài: 450 - 500mm) - Độ dày ngón tay, lòng bàn tay, cổ tay: tối thiểu 0.15mm - Đặc tính: lực kéo đứt trước khi già hóa nhanh tối thiểu 9 - 12.5N, độ giãn dài trước khi già hóa nhanh tối thiểu 600 - 700% (theo TCVN 6344:2007) - Đóng gói từng đôi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Đôi	100
351	Găng tay tiệt khuẩn, không bột, chiều dài khoảng 290 ± 10 mm	Găng tay tiệt khuẩn, không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật - Chất liệu: mũ cao su tự nhiên, phủ lớp polymer - Găng tay có các ngón thẳng mượt, phù hợp với hình dáng bàn tay, viền gân ở cổ tay - Kích cỡ: số 6.0, 6.5, 7.0, 7.5 - Chiều dài khoảng 290 ± 10 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6.0 (77 ± 5 mm), size 6.5 (83 ± 5 mm), size 7.0 (89 ± 5 mm), size 7.5 (95 ± 5 mm) - Độ dày tối thiểu: vùng trơn nhẵn 0.1mm, vùng nhám 0.13mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh 24N, độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh 700%, lực kéo đứt tối thiểu sau khi già hóa nhanh 9N, độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh 550% - Hàm lượng protein gây dị ứng ≤ 50mcg/dm² - Tiệt khuẩn, đóng gói từng đôi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Đôi	450.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
352	Găng tay tiết khuẩn, không bột, chiều dài tối thiểu 300mm	Găng tay tiết khuẩn, không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật - Chất liệu: cao su neoprene (Polychloropren), mặt ngoài phủ lớp silicon, mặt trong phủ Polyurethane và silicone - Màu sắc: xanh lá - Găng tay có các ngón thẳng mượt, phù hợp với hình dáng bàn tay, cổ găng tạo 1 lớp bo cổ tay không cuộn biên, có khả năng chống tế bào/virut xâm nhập, tính trơ với cồn và một số hóa chất khác - Kích cỡ: 6.0, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, chiều rộng từ 77 ± 5 mm đến 95 ± 5mm, chiều dài tối thiểu 300 mm - Độ dày tối thiểu vùng nhám 0.13mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước và sau khi sử dụng 9N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi sử dụng $\geq 600\%$, sau khi sử dụng $\geq 490\%$. - Hàm lượng protein gây dị ứng $\leq 50\text{mcg/dm}^2$ - Tiết khuẩn, đóng gói từng đôi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Đôi	280.000
353	Gel alginate chăm sóc vết thương	Gel alginate chăm sóc vết thương có hoạt tính kháng khuẩn, kiểm soát môi trường ẩm ướt ở vết thương bị nhiễm trùng hoặc vết thương có nguy cơ nhiễm trùng cao - Thành phần: chứa ion bạc alginate - Hàm lượng bạc: 9.5 - 15.0 mg/g - Trọng lượng 15 - 20g - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tuýp	30
354	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 2-4g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester - Đặc tính: tan trong nước, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 2 - 4g - Đóng gói tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Gói	10.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
355	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 5-7g	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa hoặc siêu âm trong các thủ thuật - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester - Đặc tính: tan trong nước, không mùi, không chứa chất gây dị ứng, không chứa chất ăn mòn - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 5 - 7g - Đóng gói tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Gói	24.000
356	Gel bôi trơn tiết khuẩn, trọng lượng 80-90g	Gel bôi trơn tan trong nước, trọng lượng 80-90g - Thành phần: Nước khử ion, Hydroxy Ethyl Cellulose, Glycerin, Citric Acid, Propyl Paraben, Methyl Paraben - Đặc tính: không gây kích ứng da, hòa tan trong nước, không chứa dầu và các chất nhờn, không mùi, không chứa cồn - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Ống	7.500
357	Gel điện cơ	Gel điện cơ, điện não giúp tăng độ nhạy trong đo dẫn truyền thần kinh - Thành phần: Water, Cetareth-20, Glycerin, Hydrated silica, Calcium carbonate, Paraffinum liquidum, Dimethicone, Hydroxyethylcellulose, Sodium chloride, Potassium chloride, Phexyethanol, Ethylhexylglycerin - Chất liệu dạng: gel - PH: 6.5 - 7.5 - Độ nhớt: >100.000 cP - Thể tích lọ tối thiểu 220g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	33
358	Gel điện tim 250 - 300mL	Gel điện tim giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu khi đo điện tim - Thành phần: nước, polymer, chất hút ẩm, chất bảo quản, chất tạo màu - Thể tích: 250 - 300mL - Đặc tính: gel hòa tan trong nước, không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, đảm bảo độ đậm đặc đồng dạng đồng màu, dẫn truyền tín hiệu tốt - Độ pH khoảng 6.5 - 7 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Ống	1.600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
359	Gel hydrogel kháng khuẩn điều trị vết thương	Gel hydrogel kháng khuẩn điều trị vết thương, trong suốt làm mềm mảng hoại tử khô, thúc đẩy lên mô hạt nhanh chóng, cung cấp môi trường ẩm và giúp kháng khuẩn vết thương - Thành phần: Deionizde water, Carbomer, Silver Nitrate ≥ 0.2 mg/L, Triethanol amine, với pH 5.5 ~ 8.0 - Trọng lượng: ≥ 30gr - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tuýp	20
360	Gel hydrogel loại bỏ mô hoại tử	Gel hydrogel loại bỏ mô hoại tử để tạo gel hỗ trợ quá trình loại bỏ các mô hoại tử, đồng thời duy trì môi trường ẩm giúp thúc đẩy quá trình lành thương. - Thành phần: polysaccharide thực vật galactomannane hút nước cao và Propylene glycol. - pH 5.0 - 8.0 - Trọng lượng: 15 - 20gr - Tính nhớt ≥ 100cps. Hydrogel trong suốt, có chứa lượng nước cao (trung bình > 80%) - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Ống	70
361	Gel làm sạch da	Gel làm sạch da, tẩy nhờn da, giảm trở kháng giúp độ dẫn truyền điện cực theo dõi điện não tốt hơn - Thành phần: Nước, Aluminum Oxide, Propylene Glycol, Sodium Polyacrylate, Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin, Colorant. Không chứa Paraben - Dạng gel, pH: 5.5 - 6.5 - Độ nhớt: 60.000 - 80.000cP - Trọng lượng: 110g - 150g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Ống	50
362	Gel siêu âm	Gel siêu âm tạo môi trường thu nhận tín hiệu siêu âm - Thành phần: Nước, Propylene glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate - Đặc tính: tan trong nước, trong suốt, đồng nhất, không mùi, không chứa chất ăn mòn, không chứa muối - Độ pH: 6.5 ± 0.75 - Thể tích can tối thiểu 5 lít - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Lít	13.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
363	Gel siêu âm tiết khuẩn, 15-20gr	Gel siêu âm sử dụng trong các thủ thuật siêu âm - Thành phần: Polymer, chất giữ ẩm, nước tinh khiết - Gel tan trong nước, không gây kích ứng da, có thể sử dụng trên vết thương hở - Trọng lượng 15-20gr - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Gói	1.700
364	Gel silicone mờ sẹo, 15 - 20g	Gel silicone làm mềm và giảm màu sẹo, giảm mất nước trong sẹo, hỗ trợ ngăn ngừa hình thành sẹo mới - Thành Phần: Silicone, 0.5 - 1.0% Vitamin E, Phytosqualane - Dạng gel trong suốt - Dung tích: 15 - 20g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Hộp	500
365	Gel vết thương acid hypochlorous, 50 - 55gr	Gel vết thương dùng cho vết thương cấp/mạn tính, vết bỏng, vết thương phẫu thuật, các mô nhạy cảm (mô thần kinh, mắt, mũi, tai, miệng, gân, sụn và xương) - Thành phần: Sodium Chloride (NaCl) $\leq 0,08\%$; Hypochlorous (HOCl) và Sodium hypochlorite (NaOCl) $\leq 0,013\%$, Colloidal silicate 2,4%, Nước - Dạng gel không màu, pH trung tính - Thê tích: 50 - 55gr / chai, nắp dạng bơm (pump) - Tác dụng kháng khuẩn: diệt vi khuẩn Gram +/-, bao gồm MRSA, ORSA, VRSA, VRE, virus, nấm, bào tử. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tuýp	10
366	Gen định hình bụng sau phẫu thuật cắt da mỡ bụng/hút mỡ bụng	Gen định hình sau phẫu thuật căng da bụng/hút mỡ bụng bằng vải kép: + Lớp vải ngoài: 55-60% polyamide, 40-45% elastane + Lớp vải trong: 75-80% polyamide, 20-25% elastane - Kích cỡ: 4XS, 3XS, 2XS, XS, S, M, L, XL, 2XL, 3XL - Không chứa latex, không gây dị ứng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	190
367	Gen định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi	Gen định hình sau phẫu thuật cắt da mỡ đùi/hút mỡ đùi, các cỡ, tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định, giảm nguy cơ tụ dịch, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: Polyamide và Elastane - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
368	Gen định hình sau phẫu thuật ngực	Gen định hình sau phẫu thuật ngực, các cỡ tạo ra lực nén phù hợp giúp cố định túi, giảm nguy cơ tụ dịch, xê dịch túi, giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu : 80 - 85% polyamide, 16 - 20% elastane - Không chứa latex, không gây dị ứng - Kích cỡ: XS, S, M, L, XL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	640
369	Gen vùng mặt sau phẫu thuật căng da mặt/cổ	Gen định hình sau phẫu thuật vùng mặt/cổ, dùng để định hình vùng mặt/cổ sau khi hút mỡ, nâng cằm, tạo hình cằm V-line.. giảm sưng đau, giảm các vết bầm tím sau phẫu thuật, làm cho sự phục hồi nhanh hơn và ngăn cản hình thành cũng như phát triển sẹo lồi - Chất liệu: 52-55% polyamide, 45-48% elastane - Không chứa latex, không dị ứng, thoáng khí - Kích cỡ: S, M, L - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	28
370	Giấy gói dụng cụ, cỡ 100 x 100cm (± 5%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 100 x 100cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khi tháo băng keo chỉ thị - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tờ	63.000
371	Giấy gói dụng cụ, cỡ 120 x 120cm (± 5%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 120 x 120cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khi tháo băng keo chỉ thị - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tờ	4.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
372	Giấy gói dụng cụ, cỡ 80 x 80cm (± 5%)	Giấy gói dụng cụ: - Chất liệu bằng vải không dệt tối thiểu SMMMS, trọng lượng 50g/m² (± 5%), có khả năng chống thấm nước, chống tĩnh điện - Kích thước: 80 x 80cm (± 5%) - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, plasma, EO... - Sau tiệt khuẩn: Không bị rách ở khu vực cạnh hộp/ vị trí dán khi tháo băng keo chỉ thị - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tờ	140.000
373	Gói thử chất lượng tiệt khuẩn hơi nước, cỡ 110-115mm x 115-125 mm	Gói thử chất lượng máy tiệt khuẩn hơi nước - Thành phần: giấy: ≥ 95%; mực chỉ thị: < 5% - Tờ kiểm tra chính và tờ cảnh báo sớm - Kích thước: 110-115mm x 115-125 mm - Không chứa chì, kim loại nặng - Tương thích với chu trình tiệt khuẩn 132 - 134°C - Đọc, lưu kết quả và kết nối trên phần mềm - Đóng gói theo tiêu chuẩn AAMI - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Gói	500
374	Gói thử kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn nhiệt độ cao	Gói thử kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn nhiệt độ cao - Cấu tạo: + 2 chỉ thị sinh học cho kết quả trong vòng ≤ 24 phút (cùng số lot), một ống đóng gói trong gói, 1 ống đóng rời + 1 chỉ thị hóa học nhóm 5 - Thành phần: Giấy 95-100%, Bột giấy Cellulose 1-3%, Ống thủy tinh <2%, Nhãn có mực <1%, Laminate Film <3%, Sterigage 1243 <0.5% - Ống đóng sẵn chứa bào tử Geobacillus stearothermophilus - Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Tích hợp 2D barcode (trên gói, chỉ thị sinh học, chỉ thị hoá học) để tải được thông tin hạn dùng và số LOT vào hệ thống theo dõi - Chỉ thị hóa học tích hợp nhóm 5 đạt tiêu chuẩn ISO 11140-1 và có sự chuyển màu đúng theo hướng dẫn và phân biệt được rõ ràng chỉ thị hóa học trước - sau tiệt khuẩn - Chỉ thị sinh học tương thích máy ủ, đọc kết quả chỉ thị sinh học, hãng 3M, model 490 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và ISO 11138-1 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 11138-1	Ống	2.900

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
375	Gói thử kiểm soát chất lượng tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide	Gói thử kiểm soát chất lượng tiết khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide - Cấu tạo: 2 chỉ thị sinh học cho kết quả trong vòng ≤ 4 giờ (cùng số lot), một ống đóng gói trong gói, 1 ống đóng rời - Thành phần: Lọ nhựa và nắp 35-45%, Môi trường sinh học 30-40%, Ống thủy tinh 15-25%, Màng chắn 1-3%, Nhãn với mực chỉ thị 1-3% - Ống đóng sẵn chứa bào tử Bacillus Atrophaeus - Chỉ thị hóa học trên ống có đổi màu rõ và phân biệt được chỉ thị hóa học trước - sau tiết khuẩn - Chỉ thị sinh học tương thích máy ủ, đọc kết quả chỉ thị sinh học, hãng 3M, model 390G - Tích hợp 2D barcode để tải được thông tin hạn dùng và số LOT vào hệ thống theo dõi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và ISO 11138-1 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 11138-1	Ống	540
376	Gòn lót bột 10cm x 2.7m ($\pm 5\%$)	Gòn lót bột dùng đệm lót khi bó bột cố định gãy xương, giảm chèn ép và các biến chứng trong bột - Thành phần: 100% sợi bông tự nhiên, không bụi, da không bị đen sau bó bột - Kích thước: 10cm x 2.7m ($\pm 5\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	410
377	Gòn lót bột 15cm x 2.7m ($\pm 5\%$)	Gòn lót bột dùng đệm lót khi bó bột cố định gãy xương, giảm chèn ép và các biến chứng trong bột - Thành phần: 100% sợi bông tự nhiên, không bụi, da không bị đen sau bó bột - Kích thước: 15cm x 2.7m ($\pm 5\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuộn	470

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
378	Hệ thống dây dẫn trong lọc máu	Bộ dây máu 4 trong 1 bao gồm: - Dây động mạch: + Dây chính, đường kính 4.5 x 6.8, dài 310 - 330cm, 05 nhánh nối dây động mạch, đường kính 2.2 x 4.1 + Tổng chiều dài các nhánh nối 105 - 110cm + Bầu động mạch, đường kính ngoài 19 - 25mm, dài 12 - 13cm. + Dây Heparin, đường kính 1.0 x 2.5, dài 60 ± 2cm. Đoạn dây chạy qua bơm máu, đường kính 8.0 x 12mm, dài 40 ± 2cm. + Tổng chiều dài dây động mạch (bao gồm chiều dài dây chính, chiều dài bầu và chiều dài đoạn dây bơm máu): 370 - 375cm - Dây tĩnh mạch: + Dây chính, đường kính 4.5 x 6.8, dài 270 - 275cm, 02 nhánh nối dây tĩnh mạch, đường kính 3.5 x 5.5 (01 nhánh) và 2.2 x 4.1 (01 nhánh) + Tổng chiều dài các nhánh nối 60 ± 2cm + Bầu tĩnh mạch, đường kính ngoài 19 - 30mm, dài 12 - 14cm + Tổng chiều dài dây tĩnh mạch (bao gồm chiều dài dây chính và chiều dài bầu): 280 - 290cm. - 2 transducer protector - 2 kết nối tái tuần hoàn - Dây truyền dịch: 150 - 155 cm - Túi nước thải thể tích 2.000 mL - Thể tích mỗi 157 ± 2 mL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	26.000
379	Kèm sinh thiết khí phế quản	Kèm sinh thiết khí phế quản - Đầu kèm hình oval, có lỗ bên hoặc có cửa sổ 2 bên - Kèm có răng cưa, độ mở ngàm 5 - 6 mm - Đường kính 1.7 - 1.9 mm. Chiều dài 120 - 160 cm - Có vỏ bọc toàn thân - Tiệt khuẩn - Kênh dụng cụ ống soi tối thiểu 2.0 mm - Tương thích với ống soi khí quản của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2.800
380	Keo làm đầy và chống rò rỉ dùng cho hậu môn nhân tạo	Keo làm đầy, chống rò rỉ cho hậu môn nhân tạo - Thành phần: gelatin, pectin và sodium carboxymethylcellulose hoặc Pectin, Carboxymethylcellulose và alcohol - Đặc tính: dạng sệt, ẩm, có chứa cồn - Trọng lượng: 56 - 60g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Ống	300
381	Kẹp dây túi lọc màng bụng	Kẹp dùng để hỗ trợ cho việc lắp và tháo rời đầu nối bộ lọc màng bụng khỏi túi dung dịch lọc màng bụng. - Chất liệu: nhựa acetal - Kích thước: 9.6 x 13cm (± 0.5cm) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	120

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
382	Kẹp khóa ống thông khi thay bộ chuyển	Kẹp khóa ống thông khi thay bộ chuyển - Chất liệu bằng Polyethylene - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	300
383	Kẹp rốn	Kẹp rốn trẻ sơ sinh - Chất liệu: bằng nhựa - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	11.000
384	Khăn phẫu thuật, cỡ 100 x 100cm (±05%)	Khăn phẫu thuật dùng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi. - Kích thước: 100 x 100cm (±05%), không có lỗ - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.000
385	Khăn phẫu thuật, cỡ 120 x 160cm (±05%)	Khăn phẫu thuật dùng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi - Kích thước: 120 x 160cm (±05%), không có lỗ - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.000
386	Khăn phẫu thuật, cỡ 60 x 60cm (±05%)	Khăn phẫu thuật được sử dụng trong phòng mổ hoặc khi thực hiện thủ thuật - Chất liệu: vải không dệt (100% Olefin hoặc Polypropylen), màu xanh dương hoặc màu trắng, không có mùi - Kích thước: 60 x 60cm (±05%), lỗ hình tròn - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20.000
387	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí	Khẩu trang phòng ngừa qua đường không khí - Hiệu quả lọc 95% với hạt có kích thước ≥ 0.3 micromet, được chứng nhận NIOSH và công khai trên web: https://www.cdc.gov/niosh/npptl/topics/respirators/disp_part/n95list1.html - Nếp gấp chữ V hoặc hình nón và thanh kẹp mũi dễ dàng điều chỉnh. - Có 02 dây đeo vòng qua đầu	Cái	11.200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
388	Khẩu trang than hoạt tính	Khẩu trang than hoạt tính 4 lớp, dây thun - Gồm 4 lớp: + Lớp ngoài là lớp vải không dệt 100% PP, không hút nước 14g/m² + Lớp giữa là lớp giấy vi lọc màu trắng, chất liệu 100% PP, hiệu suất lọc BFE 97% + Lớp trong 1 là lớp màng lọc than hoạt tính màu đen của than hoạt tính, chất liệu: polyester và carbon. + Lớp trong 2 là lớp vải không dệt 100% màu trắng, không hút nước - Thanh tựa mũi: PE định hình, rộng khoảng 3mm, dày khoảng 0.8mm - Dây đeo tai: dây thun tròn có đường kính 2.5mm ± 0.2mm, dài 15 ± 01cm - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Kích thước: 9 x 17.5cm (±5%). Độ bung tối đa của khẩu trang theo chiều rộng >17cm. Màu đen - Đạt tiêu chuẩn: TCVN 8389-1 - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	104.000
389	Khẩu trang y tế dây cột	Khẩu trang y tế dây cột - Chất liệu: vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bề mặt sạch, không còn đầu chỉ xơ vải - Cấu tạo ít nhất 3 lớp vải: lớp trong là lớp vải không dệt PP spunbond trắng, thấm nước, lớp giữa là lớp giấy vi lọc cao cấp, lớp ngoài là vải không dệt PP Spunbond xanh, không thấm nước, có gấp nếp - Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa) - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng - Gồm 4 dây cột dài khoảng 40 - 45cm, Kích thước 90 x 175mm, mở rộng > 18cm - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 8389-1:2010 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	320.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
390	Khẩu trang y tế dây thun, 3 lớp	Khẩu trang y tế dây thun - Chất liệu: vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bề mặt sạch, không còn dấu chỉ sơ vải - Cấu tạo 3 lớp vải: lớp trong là lớp vải không dệt PP spunbond trắng, thấm nước, lớp giữa là lớp giấy vi lọc cao cấp, lớp ngoài là vải không dệt PP Spunbond xanh, không thấm nước, có gấp nếp - Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa) - Dây thun đeo tai mềm đàn hồi - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng, lớp vải trong cùng khi đeo không xù lông, mềm mại, không gây ngứa - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 8389-1:2010 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.700.000
391	Khẩu trang y tế dây thun, 4 lớp	Khẩu trang y tế dây thun - Chất liệu: vải PP không dệt, không độc tố, không gây kích ứng, bề mặt sạch, không còn dấu chỉ sơ vải - Cấu tạo 4 lớp vải: lớp trong là lớp vải không dệt PP spunbond trắng, thấm nước, lớp giữa là lớp giấy vi lọc cao cấp, lớp ngoài là vải không dệt PP Spunbond xanh, không thấm nước, có gấp nếp - Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa) - Dây thun đeo tai mềm đàn hồi - Đặc điểm: dây đeo chắc chắn, các mép ôm khít khuôn mặt, đảm bảo che kín mũi miệng, lớp vải trong cùng khi đeo không xù lông, mềm mại, không gây ngứa - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 8389-1:2010 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	600.000
392	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 10 - 12 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Microcrystalline Polyamide, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì - Dây nối dài 10 - 12 cm, thể tích mỗi khoảng $0.95 \pm 0.05\text{mL}$, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Chịu áp lực lên đến 4 bar - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
393	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 100 - 105 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Microcrystalline Polyamide, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì - Dây nối dài 100 - 105cm, thể tích mỗi 6.4 ± 0.05 mL, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Chịu áp lực lên đến 4 bar - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	37.000
394	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 25 - 27 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Microcrystalline Polyamide, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì - Dây nối dài 25 - 27 cm, thể tích mỗi 2 ± 0.05 mL, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Chịu áp lực lên đến 4 bar - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100.000
395	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn dài 25 - 30 cm	Khóa 3 ngã đi kèm dây dẫn - Chất liệu: Polycarbonate, không chứa DEHP - Dây nối: 25 - 30cm - Thể tích mỗi: 1.5 - 2.0 mL - 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Chịu áp lực: ≥ 10 bar - Kháng lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Yêu cầu khi sử dụng: Không nứt gãy, rò rỉ khi kết nối với hệ thống dây truyền hoặc khi truyền với các loại thuốc, nhũ dịch béo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
396	Khóa ba ngã	Khóa ba ngã - Chất liệu: Polyamide/Polycarbonate, nút đẩy bằng Polypropylene - Gồm 1 đầu male khóa xoay luer tương thích với hệ thống catheter, 2 đầu female luer lock tương thích với hệ thống dây truyền hoặc bơm tiêm, nút xoay được 360 độ - Chịu được áp lực ≥ 2 bar hoặc tương đương - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40.000
397	Khóa đi kèm dây dẫn, 1 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 1 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì, chiều dài 14 - 18cm - Gồm 2 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic hoặc Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 1 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane hoặc Polycarbonate, có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền - Có 1 khóa áp lực dương - Thể tích đuổi khí $0.2 \pm 0.05\text{mL}$ - Thích hợp với môi trường MRI, chịu được các chất lipid và tương thích cao với các chất hóa học - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 500 lần sử dụng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	108.000
398	Khóa đi kèm dây dẫn, 2 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 2 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì, chiều dài 23 - 25cm - Gồm 3 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic hoặc Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 2 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane hoặc Polycarbonate, mỗi đầu nối có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền - Có 2 khóa áp lực dương - Thể tích đuổi khí $0.6 \pm 0.05\text{mL}$ - Thích hợp với môi trường MRI, chịu được các chất lipid và tương thích cao với các chất hóa học - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
399	Khóa đi kèm dây dẫn, 3 nhánh	Khóa đi kèm dây dẫn loại 3 nhánh - Dây dẫn bằng Polyurethane/PVC, không chứa DEHP và có thể hiện trên bao bì, chiều dài 12 - 14cm - Gồm 4 đầu nối: 1 đầu male bằng nhựa Acrylic hoặc Polypropylene, dạng khóa xoay, tương thích với các loại catheter; 3 đầu nối an toàn không kim bằng Polyurethane hoặc Polycarbonate, mỗi đầu nối có van 1 chiều bằng silicone, đầu kết nối xoắn vặn, tương thích với đầu nối của bơm tiêm, dây truyền, không có khoảng chết trong đầu nối giúp ngăn cục máu đông và sự tương tác của thuốc - Có 3 khóa áp lực dương - Thích hợp với môi trường MRI, chịu được các chất lipid và tương thích cao với các chất hóa học - Thể tích đuôi khí $0.4 \pm 0.05\text{mL}$ - Chịu áp lực $\geq 300\text{psi}$ - Thời gian lưu 5 - 7 ngày hoặc ≥ 200 lần sử dụng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2.000
400	Kim cánh bướm, các cỡ	Kim cánh bướm dùng trong lấy máu, tiêm thuốc hoặc tiêm truyền trong thời gian ngắn □ - Kim chất liệu bằng Crom-Nikel, trơn láng, đầu kim 3 mặt vát tráng silicone. □ - Kích cỡ: 19G, 23G, 25G, 27G, đường kính ngoài 0.4 - 2.5mm; chiều dài 10 - 20mm - Tốc độ dòng chảy: 2 - 43mL/phút, thể tích mỗi 0.3 - 0.4mL □ - Chuôi kim, 2 cánh bướm bằng polypropylen trong suốt, không chứa DEHP - Dây nối: bằng PVC/Polypropylen, không chứa DEHP, trong suốt, dài khoảng 25 - 30cm, chống xoắn, đầu có khóa luer, tương thích với các đầu nối của dây truyền, bơm tiêm, dây nối □ - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.800
401	Kim châm cứu nhĩ hoàn, cỡ 0.22 x 1.5 mm	Kim châm cứu nhĩ hoàn - Chất liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: 0.22 x 1.5mm - Cấu tạo: + Thân kim: được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, có độ cứng 460 HV0.2 ~ 650 HV0.2, khả năng chống ăn mòn tốt. Bề mặt thân kim nhẵn bóng, giá trị Ra (tham số độ thô ráp) $\leq 0.63\mu\text{m}$ + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... Lực ép đầu mũi kim 0.5N, lực châm 0.8N - Đóng gói vì 10 cái - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	5.400

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
402	Kim châm cứu, cỡ 0.18 x 15mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.18 x 15mm - Cấu tạo: + Cán kim (đốc kim): được cuốn bằng sợi thép không gỉ, các vòng quấn tròn đều và khít nhau, không có khoảng cách. + Thân kim: bằng sợi thép không gỉ, độ cứng thân kim 460 HV 0.2 kg. Bề mặt thân kim nhẵn bóng không có những khuyết điểm như xước, vạch và đường vân rõ ràng, giá trị Ra (tham số độ thô ráp) $\leq 0.63 \mu\text{m}$. + Mũi kim: tròn, cân, không dẹt, không có gờ ráp, và các khuyết điểm như cong vẹo. + Lực ép đầu mũi kim: $0.4 \pm 0.1\text{N}$, lực châm $0.7 \pm 0.1\text{N}$ + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 7\text{N}$ - Đóng gói tiệt khuẩn từng cây bằng vỉ giấy hoặc bằng nhựa PE/PP bao phim từng cây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	56.000
403	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 13mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 13mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 - 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo. + Lực ép đầu mũi kim $0.5 \pm 0.1\text{N}$, lực châm $0.8 \pm 0.1\text{N}$ + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15\text{N}$ - Đóng gói tiệt khuẩn từng cây bằng vỉ giấy hoặc bằng nhựa PE/PP bao phim từng cây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	52.000
404	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 25mm	Kim châm cứu - Chất liệu: bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 25mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 - 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo + Lực ép đầu mũi kim $0.5 \pm 0.1\text{N}$, lực châm $0.8 \pm 0.1\text{N}$ + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15\text{N}$ - Đóng gói tiệt khuẩn từng cây bằng vỉ giấy hoặc bằng nhựa PE/PP bao phim từng cây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	120.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
405	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 40mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, - Kích thước: 0.30x40mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, có độ cứng với đường kính thân kim $0.25 \text{ mm} \leq d \leq 0.45 \text{ mm}$: 450 - 670 HV0.2, khả năng chống ăn mòn tốt. Bề mặt thân kim nhẵn bóng, giá trị Ra (tham số độ thô ráp) $\leq 0.63 \text{ um}$. + Mũi kim: tròn, cân , không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... Với đường kính thân kim $0.25 \text{ mm} \leq d \leq 0.35 \text{ mm}$: + Lực ép đầu mũi kim $0.5 \pm 0.1 \text{ N}$, lực châm $0.8 \pm 0.1 \text{ N}$ + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15 \text{ N}$ - Đóng gói tiệt khuẩn từng cây bằng vỉ giấy hoặc bằng nhựa PE/PP bao phim từng cây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	12.000
406	Kim châm cứu, cỡ 0.30 x 75mm	Kim châm cứu - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ - Kích thước: 0.30 x 75mm - Cấu tạo: + Cán kim: được cuốn bằng sợi thép, các vòng quấn tròn đều, không có khoảng cách, không có gờ ráp + Thân kim: bằng thép không gỉ, bề mặt thân kim nhẵn bóng, có độ cứng khoảng 450 - 670 HV0.2 + Mũi kim: tròn, cân , không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.... + Lực ép đầu mũi kim $0.5 \pm 0.1 \text{ N}$, lực châm $0.8 \pm 0.1 \text{ N}$ + Lực kéo cố định giữa thân kim và đốc kim: $\geq 15 \text{ N}$ - Đóng gói tiệt khuẩn từng cây bằng vỉ giấy hoặc bằng nhựa PE/PP bao phim từng cây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.000
407	Kim chọc dò ối, cỡ 21G	Kim chọc dò ối để lấy mẫu nước ối - Kim 21G, dài 90 - 150 mm - Trên thân có khắc xoắn ốc giúp nhìn rõ ràng dưới hướng dẫn siêu âm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	370

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
408	Kim chọc động tĩnh mạch, 18G, dài 70mm	Kim chọc động tĩnh mạch - Chất liệu thép không gỉ, thon mượt - Đường kính 1.3 - 1.5mm, dài 70mm, 18G - Tương thích dây dẫn 0.035" - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5.000
409	Kim đánh dấu u vú	Kim đánh dấu u vú - Chiều dài tổng thể: 240.6mm - Ống thông (cannula): Chiều dài: 100.5mm, Đường kính bên ngoài: 2.0 - 3.0mm - Nút số 1: độ sâu 22.5 - 22.8mm - Nút số 2: + Chiều dài: 11 - 12mm + Đường kính bên ngoài: 8mm - Marker tip: Chiều dài: 6mm, Đường kính bên ngoài: 1.83 - 1.85mm Thành phần: 1. Applicator - Ống thông (cannula): □ + Thép không gỉ 304 + Dầu bôi trơn: Heptane, Polydimethylsiloxan - Kim thăm (Stylet): Thép không gỉ 304. Dầu bôi trơn Heptane, Polydimethylsiloxan 2. Đầu đánh dấu (Marker tip): □ - Thân: Cao su Silicon (Silicone elastomer), Sắc tố xanh lam (chất tạo màu), Bari sulfate - Pin: Titanium 3. Lẫy (handle): Polycarbonate 4. Nút 1, 2: Polycarbonate, Sắc tố xanh lam (chất tạo màu) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	45
410	Kim dây định vị	Kim dây định vị dùng để cố định và hạn chế sự di chuyển của dây - Dây cong cho phép định vị lại sau khi đặt, kết cấu dây xoắn bền bỉ - Chất liệu: Thép không gỉ, ốc kim bằng Polycarbonate - Kích thước: Kim dây 20G và chiều dài: 3.7cm, 5.7cm, 7.7cm, 10.7cm và 13.7cm. - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
411	Kim điện cơ có cổng tiêm thuốc, cỡ 25G	Kim điện cơ có cổng dùng trong tiêm thuốc - Chất liệu: Thép không gỉ, kim phủ lớp Polymer ma sát thấp, đầu nối bằng thau loại 1.5mm - Kích cỡ: dài 50 - 52mm, 25G, đường kính: 0.5 - 0.6 mm - Tương thích với máy điện cơ xách tay Myoguide của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	900

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
412	Kim điện cơ đồng tâm 26G, dài 40 - 42mm, dùng cho máy Sierra Summit Cadwell và Medtronic và Neurosoft	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ. - Chất liệu: Ống kim bằng thép không gỉ, cảm biến bằng vonfram (W), đầu nối điện cực kim bằng CuZn/Au. Đầu nối kim mạ vàng, mũi kim được vát robotic để chèn kim tốt hơn và giảm đau. - Kích cỡ: dài 40 - 42mm, đường kính kim 0.45 - 0.46mm, 26G, diện tích ghi 0.07mm² - Đạt tiêu chuẩn môi trường: không latex, không PVC - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell và Medtronic và Neurosoft tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15.000
413	Kim điện cơ đồng tâm 30G, dài 25 - 26mm, dùng cho máy Sierra Summit Cadwell và Medtronic và Neurosoft	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ - Chất liệu: Ống kim bằng thép không gỉ, phủ silicone. Cảm biến bằng bạc giúp ổn định mức trở kháng. Chuôi kim bằng Copolymer of Acrylonitrile, Butadiene, and Styrene (ABS). Chất cách điện: Epoxy. Vỏ bảo vệ bằng Low - Density Polyethylene (LDPE). Đầu nối bằng đồng/mạ vàng, kiểu kết nối: pin 0.9mm. Kim được sản xuất robotic, mũi kim được thiết kế để giảm áp lực đâm kim, giảm đau cho bệnh nhân. - Kích cỡ: dài 25 - 26mm, đường kính kim 0.30 - 0.32mm, 30G, diện tích ghi 0.02 mm², mũi vác 13° - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell và Medtronic và Neurosoft tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn bằng phương pháp E -beam - Đạt tiêu chuẩn môi trường: không latex, không PVC - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	360
414	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	Kim đốt bằng vi sóng điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, cứng - Đầu kim bằng ceramic, 3 mặt vát, có bọc lớp đồng ở phần phát sóng - Chiều dài kim đốt: 14cm, 19cm, 29cm - Tiệt khuẩn - Kim có kênh làm lạnh với cặp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
415	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực, dùng trong điều trị u gan	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực điều trị u gan. - Chất liệu: Thép không gỉ - Cỡ kim: 17G, kim thẳng - Chiều dài thân kim 10 - 25cm - Đầu kim nhọn, 3 mặt vát, chiều dài khoảng 0.7 - 3cm, sử dụng với điện áp cực đại tối đa 156V. - Kèm dây dẫn nước làm mát, miếng dán điện cực trung tính có cảnh báo nhiệt độ tại điểm tiếp xúc. - Toàn bộ điện cực có thể được nhìn thấy qua CT hoặc hướng dẫn siêu âm, đạt chuẩn an toàn điện từ EN/IEC 60601/1/2 - Tương thích với máy đốt u bằng sóng cao tần Valleylab Cooltip RF của Bệnh viện. - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	130
416	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực, dùng trong điều trị u gan, 18G	Kim đốt sóng cao tần đầu lạnh, đơn cực điều trị tuyến giáp - Chất liệu: Thép không gỉ - Cỡ kim: 18G, kim thẳng - Chiều dài thân kim: 7 - 22cm (tối thiểu có 7cm, 12cm và 17cm) + Đầu kim nhọn, 3 mặt vát, chiều dài đoạn đầu đốt: 0.5 - 2cm, sử dụng với điện áp cực đại tối đa 156 - Kèm dây dẫn nước làm mát, miếng dán điện cực trung tính có cảnh báo nhiệt độ tại điểm tiếp xúc. - Toàn bộ điện cực có thể được nhìn thấy qua CT hoặc hướng dẫn siêu âm, đạt chuẩn an toàn điện từ EN/IEC 60601/1/2 - Tương thích với máy đốt u bằng sóng cao tần Valleylab Cooltip RF của Bệnh viện. - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
417	Kim lấy máu gót chân, an toàn, các cỡ	Kim lấy máu gót chân, sử dụng 1 lần, lưỡi chích có thể thu lại vĩnh viễn - Kim bằng thép không gỉ - Độ sâu 1.0 - 1.2mm, độ rộng 2.5 - 2.6mm cho trẻ đủ tháng và độ sâu 0.85 ± 0.05mm rộng 1.75 ± 0.05mm cho trẻ non tháng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
418	Kim lấy máu thử đường huyết	Kim lấy máu thử đường huyết tại giường - Đầu kim sắc bén 3 mặt vát, thân kim được bọc trong lớp nhựa, nòng kim rỗng - Kim được bảo vệ trong vỏ bằng nhựa, trong và sau khi sử dụng, ngăn ngừa rủi ro bị kim đâm. Độ sâu xuyên kim điều chỉnh được: 0.3 - 1.8 mm cho phép tùy chọn phù hợp với mức độ nhạy cảm da và giảm tối đa cảm giác đau khi lấy mẫu máu - Hỗ trợ bút lấy máu, bút gắn kim tương ứng có thể điều chỉnh được ít nhất 5 mức nông sâu, phù hợp với từng người bệnh. - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE (Châu Âu) + Hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	100.000
419	Kim lấy máu thử đường huyết, cỡ 30G	Kim lấy máu thử đường huyết tại giường, dùng 1 lần, có nút ấn, kim tự động thu vào - Chất liệu: thân kim bằng polyethylene tỷ trọng cao, đầu kim lấy máu bằng polyethylene tỷ trọng thấp - Kích thước kim: cỡ 30G - Độ sâu xuyên kim điều chỉnh được: 1.25 - 1.30 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	100.000
420	Kim lấy máu thử đường huyết, không dùng bút	Kim lấy máu thử đường huyết tại giường - Đầu kim 3 mặt cắt dễ dàng đâm qua da, đường kính kim $0.36 \pm 0.01\text{mm}$ (28G), độ đâm sâu 1.5 - 1.6mm, đầu kim phủ silicon□ - Kim đâm với tốc độ cao theo đường thẳng đứng: 3/1.000 giây - Kim được bảo vệ trong vỏ bằng nhựa, hình chữ T, đảm bảo an toàn cho người sử dụng, không dùng bút□ - Tiệt khuẩn□ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	200.000
421	Kim lấy máu, lấy thuốc, các cỡ	Kim lấy máu, lấy thuốc và kim tiêm các cỡ□ - Chất liệu kim bằng Crôm-Nikel, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, thành kim mỏng, trơn láng.□ - Kích cỡ: 18G (đường kính 1.2 - 1.3mm; chiều dài 40 - 41mm); 23G (đường kính 0.6 - 0.7mm; chiều dài 25 - 26mm), 26G (đường kính 0.45 - 0.46, chiều dài khoảng 6 - 12mm) - Chuôi kim bằng nhựa Polypropylen, không chứa DEHP, đầu nối luer lock, tương thích với các đầu nối male, mã màu theo kích cỡ kim□ - Tiệt khuẩn từng cái□ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.400.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
422	Kim lấy máu, lấy thuốc, cỡ 18 - 23G	Kim lấy máu, lấy thuốc và kim tiêm - Vỏ ngoài được làm bằng nhựa PP không gây độc hại và thân kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim mặt vát với góc 9 - 13 độ, thành kim mỏng, trơn láng - Kích cỡ: 18 - 23G (tối thiểu có cỡ 18G, 23G) - Đầu kim có đường kính ngoài 0.6 - 1.2mm, đường kính trong 0.25 - 0.7mm - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	600.000
423	Kim lấy thuốc nhiều lần	Kim lấy thuốc dùng pha thuốc, rút thuốc nhiều lần - Thân kim bằng ABS hoặc SAN; nắp đậy bằng PP; nắp bảo vệ và tem van: PE; tấm lọc acrylic copolymer trên thân làm bằng nylon; đĩa van bằng silicone - Có 2 màng lọc 0.45 - 0.46µm lọc không khí và 5 - 5.1µm lọc tiểu phân - Có van một chiều giúp tránh rò rỉ thuốc khi chai bị dốc ngược - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	7.900
424	Kim lọc thận nhân tạo, đầu nhọn, cỡ 16G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Chất liệu: Kim đầu nhọn AVF bằng thép không gỉ SUS 304, tiêu chuẩn y tế, cỡ 16G - Chiều dài kim: 25 ± 01 mm - Đường kính trong kim: 1.45 ± 01mm - Đường kính ngoài kim: 1.60 ± 01mm - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng (bề dày thành kim ≤ 0.075mm) phủ silicone, giúp giảm lực xuyên kim - Dây nối bằng Polyvinylchloride, không chứa Pyrogenic và không Latex., mềm mại - Chiều dài dây nối: 300 - 310 mm - Đường kính trong dây: 3.5 ± 01mm - Đường kính ngoài dây: 5.5 ± 01mm - Tốc độ dòng chảy: ≥ 230mL/min - Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate dễ quan sát - Hình cánh bướm xoay, trên cánh có gờ chống trượt anti-slip và cỡ kim in nổi - Đầu nối Luerlock - Kẹp dạng Robert Clamp mềm mại, chắc chắn - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
425	Kim lọc thận nhân tạo, đầu nhọn, cỡ 17G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo Chất liệu: Kim đầu nhọn AVF bằng thép không gỉ SUS 304 tiêu chuẩn y tế, cỡ 17G - Chiều dài kim: 25 ± 01 mm - Đường kính trong kim: 1.27 ± 01mm - Đường kính ngoài kim: 1.47 ± 01mm - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng (bề dày thành kim ≤ 0.1mm) phủ silicone, giúp giảm lực xuyên kim - Dây nối bằng Polyvinylchloride, không chứa Pyrogenic và không Latex, mềm mại - Chiều dài dây nối: 300 - 310 mm - Đường kính trong dây: 3.5 ± 01mm - Đường kính ngoài dây: 5.5 ± 01mm - Tốc độ dòng chảy: ≥ 170 mL/min - Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate dễ quan sát - Hình cánh bướm xoay, trên cánh có gờ chống trượt anti-slip và cỡ kim in nổi - Đầu nối Luerlock - Kẹp dạng Robert Clamp mềm mại, chắn chắn - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6.000
426	Kim lọc thận nhân tạo, đầu tù, cỡ 16G	Kim lọc thận nhân tạo, đầu tù, cỡ 16G - Chất liệu: bằng thép không gỉ dùng trong y tế - Chiều dài kim: 25 ± 1mm - Đường kính trong kim: 1.45 ± 0.1mm - Đường kính ngoài kim: 1.60 ± 0.1mm - Đầu kim bo tròn, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng phủ silicone - Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride, không chứa Pyrogenic, không Latex - Chiều dài dây nối: 300 - 310 mm - Đường kính trong dây: 3.5 ± 0.1mm - Đường kính ngoài dây: 5.5 ± 0.1mm - Đầu nối với dây máu trong suốt làm bằng Polycarbonate - Cánh bướm cố định hình thoi, trên cánh có gờ chống trượt - Đầu nối luerlock - Kẹp dạng bấm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.700

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
427	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 16G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Kim đầu nhọn bằng thép không gỉ, 16G - Chiều dài kim: $25 \pm 1\text{mm}$ - Đường kính trong kim: $1.45 \pm 0.05\text{mm}$ - Đường kính ngoài kim: $1.60 \pm 0.05\text{mm}$ - Có khóa bảo vệ an toàn nằm sau cánh giúp tránh tai nạn do kim, đầu an toàn bao phủ đầu kim, có âm báo kích hoạt an toàn - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng (bề dày thành kim $\leq 0.075\text{mm}$) phủ silicone, giúp giảm lực xuyên kim Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không chứa pyrogenic và không latex - Chiều dài dây nối: $300 \pm 2\text{mm}$ - Đường kính trong dây: $3.5 \pm 0.5\text{mm}$ - Đường kính ngoài dây: $5.5 \pm 0.5\text{mm}$ Tốc độ dòng chảy tốt hơn: $\geq 230\text{mL/min}$ - Đầu nối với dây máu trong suốt làm bằng Polycarbonate - Cánh bướm xoay, trên cánh có gờ chống trượt - Đầu nối Luerlock - Kẹp dạng bấm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3.500
428	Kim lọc thận nhân tạo, phủ silicone, cỡ 17G	Kim lọc thận nhân tạo dùng để lấy máu và trả máu trong thận nhân tạo - Chất liệu: bằng thép không gỉ, 17G - Chiều dài kim: 25 - 30mm - Đường kính trong kim: $1.27 \pm 0.05\text{mm}$ - Đường kính ngoài kim: $1.45 \pm 0.05\text{mm}$ - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng (bề dày thành kim $\leq 0.1\text{mm}$), phủ silicone, cỡ 17G - Dây nối bằng Polyvinylchloride, mềm mại, không chứa Pyrogenic và không latex - Chiều dài dây nối: 300 - 350mm - Đường kính trong dây: $3.5 \pm 0.5\text{mm}$ - Đường kính ngoài dây: $5.5 \pm 0.5\text{mm}$ Tốc độ dòng chảy tốt hơn: $\geq 170\text{mL/min}$ - Đầu nối với dây máu trong suốt làm bằng Polycarbonate - Có khóa bảo vệ an toàn, đầu an toàn bao phủ đầu kim, có âm báo kích hoạt an toàn - Cánh bướm xoay, có gờ chống trượt - Đầu nối Luerlock - Kẹp dạng bấm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3.600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
429	Kim luồn mạch máu an toàn, hệ thống kín, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, hệ thống kín, các cỡ□ - Chất liệu sinh học polyurethan vialon hoặc tương đương, có trên 5 đường cân quang ngầm, di động mềm mại theo mạch máu không tổn thương thành mạch; phục hồi trạng thái khi bị bẻ gãy hoặc uốn cong, giúp giảm các biến chứng□ - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén, dễ xuyên qua da và thành mạch, báo hiệu kim đã tiêm đúng mạch□ - Kích cỡ: từ 18G (đường kính trong 0.96 - 1.0mm; chiều dài 3.2 - 4.5cm), 20G (đường kính trong 0.81 - 0.85mm; chiều dài 3.2 - 4.5cm), 22G (đường kính trong 0.65 - 0.69mm; chiều dài 2.5cm), 24G (đường kính trong 0.50 - 0.55mm; chiều dài 1.4 - 1.9cm) - Dây nối bằng Polyurethane, đường kính khoảng 1.2 - 1.6mm có van áp lực dương, cỡ 18G đến 22G chịu áp lực ≥ 300psi, có 2 cổng kết nối female dạng luer lock kín, mỗi cổng có 2 đầu nối không kim, trên dây có sẵn kẹp khóa, tương thích với hệ thống dây dịch truyền□ - Có đầu bảo vệ nguyên khối đặc biệt bung ra khi rút kim□ - Tốc độ truyền 18 - 84mL/phút□ - Thời gian lưu kim ≥ 6 ngày □ - Đóng gói tiệt khuẩn□ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp	Cái	10.000
430	Kim luồn mạch máu an toàn, không cửa, thời gian lưu đến 4 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, không cửa, thời gian lưu đến 4 ngày, các cỡ□ - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, có đầu bảo vệ kim an toàn - Catheter chất liệu bằng Polyurethane (PUR), có ít nhất 4 đường ngầm cân quang - Kích cỡ: 18G, 20G, 22G, 24G + Kim 18G: đường kính trong 1.0 - 1.2mm, tốc độ chảy 100 - 105mL/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 15-19mL/giây + Kim 20G: đường kính trong 0.8 - 0.9mm, tốc độ chảy 60 - 65mL/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 10-14mL/giây + Kim 22G: đường kính trong 0.6 - 0.7mm, tốc độ chảy 35 - 40mL/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 5-8mL/giây + Kim 24G: đường kính trong 0.5 - 0.7mm, tốc độ chảy 22 - 25mL/phút, tốc độ khi bơm áp lực cao lên tới 2.5-5mL/giây - Có cảnh báo dấu hiệu kim vào đúng mạch, bằng tính hiệu báo máu 2 lần - Chịu được áp lực: ≥ 300 psi - Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp	Cái	50.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
431	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu 4 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 4 ngày, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, có đầu bảo vệ kim an toàn - Catheter chất liệu bằng PUR, có ít nhất 4 đường ngầm cản quang - Kích cỡ: 18G, 20G, 22G, 24G + 18G (đường kính trong 0.9 - 1.0mm, chiều dài 3.0 - 3.5cm) + 20G (đường kính trong 0.7 - 0.8mm, chiều dài 3.0 - 3.5cm) + 22G (đường kính trong 0.6 - 0.7mm, chiều dài 2.5 - 3.1cm) + 24G (đường kính trong 0.4 - 0.5mm, chiều dài 1.9 - 2.0cm) - Tốc độ dòng chảy: 16 - 100mL/phút - Chịu được áp lực tiêm truyền lên tới 300 psi - Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp	Cái	30.000
432	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3 ngày, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, có đầu bảo vệ bằng kim loại - Catheter chất liệu bằng FEP phủ Teflon, có ≥ 4 đường ngầm cản quang, có màng kỵ nước chống máu tràn ra ngoài - Kích cỡ: 18G (đường kính 1.2 - 1.5mm; chiều dài 3.3 - 4.5cm), 20G (đường kính 1.0 - 1.3mm; chiều dài 3.3 - 4.5cm), 22G (đường kính 0.8 - 1.0mm; chiều dài 2.5 - 2.7cm) - Cơ chế trào ngược 2 lần báo hiệu kim đã vào đúng mạch - Tốc độ dòng chảy: 36 - 96mL/phút - Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp	Cái	120.000
433	Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ	Kim luồn mạch máu an toàn, van chống trào ngược, thời gian lưu đến 7 ngày, các cỡ - Chất liệu sinh học polyurethan hoặc tương đương, có trên 5 đường ngầm cản quang - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén - Có van chống trào ngược, cơ chế báo hiệu kim đã vào đúng mạch, có nút bấm lùi kim an toàn sau khi tiêm. - Chuôi catheter bằng Polypropylene và Polycarbonate, tương thích với hệ thống dây truyền - Kích cỡ: 18G (đường kính trong 0.9 - 1.0mm, chiều dài 2.9 - 3.0cm), 20G (đường kính trong 0.7 - 0.9mm, chiều dài 2.5 - 3.0cm), 22G (đường kính trong 0.6 - 0.7mm, chiều dài 2.5 - 3.2cm), 24G (đường kính trong 0.4 - 0.6mm, chiều dài 1.9 - 2.0cm) - Tốc độ dòng chảy tối đa: 20 - 95mL/phút - Áp lực tối đa ≥ 250psi - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE Marking (MDR 2017/745): bắt buộc phải có dấu CE có số của Notified Body được chính Notified Body đó cấp	Cái	290.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
434	Kim lềun mạch máu, không cánh, không cửa, cỡ 14 - 24G	Kim lềun mạch máu, không cánh, không cửa □ - Chất liệu: ETFE - Kích cỡ: 14G (đường kính trong 1.7 - 1.8mm; chiều dài 5.0 - 5.5cm), 16G (đường kính trong 1.3 - 1.4mm; chiều dài 5.0 - 5.5cm), 18G (đường kính trong 0.9 - 1.0mm; chiều dài 5.0 - 5.5cm), 20G (đường kính trong 0.8 - 0.9mm; chiều dài 3.2 - 5.2cm), 22G (đường kính trong 0.6 - 0.7mm; chiều dài 2.5 - 3.0cm), 24G (đường kính trong 0.4 - 0.5mm; chiều dài 1.9 - 2.0cm), - Lưu lượng: 15 - 305 mL/phút □ - Có đường cân quang □ - Thời gian lưu lớn hơn 2 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE (Châu Âu) + Hoặc ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	21.000
435	Kim lềun mạch máu, không cánh, không cửa, cỡ 16G, dài 133 - 135mm	Kim lềun mạch máu, không cánh, không cửa - Chất liệu: FEP (Fluorinated Ethylene Propylene) - Kích thước: 16G + Chiều dài: 133 - 135mm + Đường kính ngoài: 1.7 - 1.8 mm - Tốc độ dòng chảy: 108 ± 1 mL/phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	550
436	Kim lềun mạch máu, không cánh, không cửa, cỡ 18G - 24G	Kim lềun mạch máu, không cánh, không cửa - Chất liệu: Polyurethane (PUR) - Kích cỡ: 18G (đường kính trong 0.9 - 1.0mm; chiều dài 3.0 - 5.0cm), 20G (đường kính trong 0.7 - 0.9mm; chiều dài 3.0 - 5.0cm), 22G (đường kính trong 0.6 - 0.7mm; chiều dài 2.5 - 3.2cm), 24G (đường kính trong 0.4 - 0.5mm; chiều dài 1.9 - 2.0cm), - Lưu lượng: 16 - 100 mL/phút - Đầu kim 3 mặt vát, có van chống trào ngược máu khi rút kim - Có ≥ 4 đường cân quang - Thời gian lưu lớn hơn 2 ngày - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE (Châu Âu) + Hoặc ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.400

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
437	Kim sinh thiết vú dưới hướng dẫn của nhũ ảnh	Kim sinh thiết vú sử dụng dưới siêu âm và nhũ ảnh - Đầu kim sắc bén và có độ bền cao - Chất liệu: thép không gỉ, thân kim làm từ nhựa ABS/Styrolution ABS. - Tổng chiều dài kim: từ 34.0 - 34.5cm, chiều dài kim từ 11.0 - 11.5cm, đường kính kim từ 3.4 - 5.0mm, khẩu độ lấy mẫu 19 - 20mm - Tiết khuẩn - Tương thích máy sinh thiết vú có hỗ trợ lực hút chân không Encor Enspire của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
438	Kim sinh thiết điều trị khối u vú	Kim sinh thiết điều trị khối u vú cho máy sinh thiết chân không vú - Kim bằng thép không gỉ, mũi vát, chất liệu bên trong và vỏ ngoài kim: ABS, PC và Sillicon - Kích thước kim 10G, đường kính bên ngoài $3.9 \pm 0.5\text{mm}$; đường kính bên trong $2.7 \pm 0.5\text{mm}$ - Đường kính bên ngoài ống dẫn khí $1.6 \pm 0.5\text{mm}$ đường kính bên trong ống dẫn khí $1.3 \pm 0.5\text{mm}$ - Chiều dài kim $369 \pm 0.5\text{mm}$ - Chiều dài mũi kim $109 \pm 0.5\text{mm}$ - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	265
439	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng cho mô mềm, các cơ	Kim sinh thiết, dùng cho sinh thiết mô mềm - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ - Cỡ: 14 - 22G (tối thiểu phải có 3 cỡ: 16G, 18G, 20G), dài khoảng 10 - 20cm - Đầu kim sắc bén, cán tia X, tia siêu âm. Đầu kim dẫn đường vát 3 mặt. Đầu trên của kim có đầu Luer Lock bằng nhựa trong. Có nút nhựa trượt để đánh dấu - Thân kim cứng chắc, có đánh dấu độ sâu, có hai mức độ sâu khi sinh thiết: khoảng 10mm và 20mm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	700

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
440	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản siêu âm, cỡ 21G, 22G	Kim sinh thiết dùng 1 lần, dùng với ống soi khí phế quản siêu âm để chọc hút lấy sinh thiết dưới chế độ siêu âm - Cỡ kim: 21G, 22G - Chiều dài kim: 20 - 40mm - Tay cầm điều chỉnh 2 chiều - Dụng cụ kèm theo: bơm tiêm 20mL có nút chặn; 1 van nối kênh sinh thiết - Tương thích với kênh dụng cụ có đường kính 2.0mm và chiều dài làm việc 700mm - Tương thích với ống soi khí phế quản BF-UC190F (Hệ thống nội soi khí phế quản siêu âm của Bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	120
441	Kim sinh thiết gai nhau dùng 1 lần, cỡ 18G	Kim sinh thiết gai nhau - Kim bằng thép không gỉ - Kim 18G dài $\geq 16\text{cm}$ và nòng sinh thiết kích thước 20G dài khoảng $22 \pm 1\text{cm}$, có đầu phản âm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	75
442	Kim sinh thiết mô mềm kèm kim dẫn đồng trục	Kim sinh thiết mô mềm kèm kim dẫn đồng trục, dùng trong thủ thuật sinh thiết vú, gan, phổi, thận, tuyến giáp. Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 11cm, 15cm, 20cm ($\pm 0.5\text{cm}$) + Độ lớn của kim: 20G, 18G, 16G, 14G Kích cỡ kim dẫn đồng trục: + Độ dài của kim: 6cm, 10cm, 15cm ($\pm 0.5\text{cm}$) + Độ lớn của kim: 19G, 17G, 15G, 13.5G Hai kích thước rãnh: 10mm hay 20mm cung cấp khả năng lấy mẫu chính xác Điểm phản xạ trên ống thông và kim cắt cung cấp khả năng hiển thị dưới máy siêu âm Đầu tip vát 4 cạnh sắc bén giúp tiếp cận mô dễ dàng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
443	Kim sinh thiết, cỡ 12 - 20G, dài 10cm, 13cm, 16cm, 20cm	Kim sinh thiết vú, gan, thận, phổi, tuyến giáp, tuyến tiền liệt - Chất liệu bằng thép không gỉ - Kích thước: + Cỡ kim: 12 - 20G (tối thiểu phải có 3 cỡ: 14G, 16G, 18G), dài 10cm, 13cm, 16cm, 20cm + Chiều dài cắt mô $19 \pm 0.2\text{mm}$ + Độ sâu cắt: 15 - 22mm - Tiệt khuẩn - Tương thích súng Magnum (Bệnh viện) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2.700
444	Kim tiêm dùng 1 lần, 26G	Kim tiêm dùng một lần - Chất liệu: thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa bán trong suốt - Kích cỡ 26G, dài 3.6 - 3.9 cm - Đặc tính: mặt vát sắc bén, có nắp bảo vệ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	5.450
445	Kim tiêm dùng để luồn chỉ, sử dụng 1 lần, cỡ 23Gx1"	Kim tiêm dùng để luồn chỉ - Chất liệu: bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa, - Kích thước: 23G x 1" - Bề mặt kim nhẵn, bóng không có tạp chất, vát đầu kim sắc không có gờ. Liên kết giữa đốc kim và thân kim chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Có nắp đậy đầu kim. Không có chất gây sốt (pyrogene) - Có thể luồn được chỉ có đường kính 3/0.EF 2.5 (chỉ Chromic Catgut số 3/0, 75cm, 1 kim tam giác, 3/8C, 26mm) - Vi/ 10 cái - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10.000
446	Lọ lấy đàm tiệt khuẩn, các cỡ	Lọ lấy mẫu đàm trong phế quản - Lọ chứa đàm bằng PVC, có vạch đo, thể tích chứa 20 - 25mL - Nắp đậy bằng nhựa, trên nắp có 2 dây hút bằng nhựa PVC mềm trong: 1 dây hút đàm, có 2 lỗ hút và 1 dây nối có van kiểm soát - Kích cỡ dây hút đàm 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr (tối thiểu có 4 cỡ) - Chiều dài dây hút đàm dài khoảng 45 - 57cm, chiều dài dây nối $\geq 45\text{cm}$ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	13.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
447	Lưỡi dao mổ, cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21	Lưỡi dao mổ dùng trong phẫu thuật - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích cỡ: cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21 - Chiều cao: 5.0 - 9.5mm, chiều dài: 38 - 52mm - Lưỡi dao sắc, mảnh, đúng kiểu dáng từng cỡ dao theo chuẩn quốc tế - Tương thích với cán dao bằng tay - Đóng gói bằng vỏ nhôm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	122.000
448	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn	Mặt nạ (mask) khí dung dùng cho trẻ em, người lớn. Bao gồm: - 01 mặt nạ: bằng nhựa PVC, không latex, trên mặt nạ có kẹp mũi và đính kèm dây cố định mặt nạ vào mặt người bệnh, đường kính 2 lỗ bên khoảng 2cm - Kích cỡ người lớn: 8 x (13 ± 1)cm - Kích cỡ trẻ em: 7 x (11 ± 1)cm - Bầu chứa thuốc 8mL, đường kính 17 ± 0.5mm, bầu thẳng đứng, giảm tồn đọng thuốc sau khi phun, kích thước hạt 3 - 7 µm - 01 dây nối dài 2.0 - 2.2m, tương thích với máy phun khí dung tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	22.000
449	Mặt nạ (mask) mũi miệng, dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng 1 lần	Mặt nạ (mask) mũi miệng dùng cho máy thở không xâm lấn, dùng một lần, có van chống ngạt, các cỡ - Chất liệu: miếng đệm silicone - Kích thước: 4 kích cỡ XS, S, M, L - Cấu tạo: + Miếng đệm ôm sát khuôn mặt, ngăn ngừa rò rỉ khí + Có rãnh cho phép đặt ống thông dạ dày (mũi/miệng) vào vị trí, đảm bảo mặt nạ bo kín vào mặt + Có cổng thoát khí trên mặt nạ + Dây cố định có thể điều chỉnh + Thước đo kích thước khuôn mặt + Khoảng chết: < 330cm³ + Áp lực: 4 - 25 cmH₂O + Trở kháng: tại 50L/phút là < 0.27 cmH₂O; tại 100L/phút là < 0.65 cmH₂O - Tương thích với hệ thống dây thở không xâm lấn 1 nhánh Resmed tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
450	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, người lớn	Mặt nạ oxy túi không thở lại, dành cho người lớn - Mặt nạ: nhựa PVC y tế, 2 van mỏng bằng silicone 2 bên mặt nạ và 1 van một chiều tại co nối mặt nạ với túi chứa oxy, thanh nhôm cố định mũi, dây cố định đầu co giãn - Chiều cao 14 ± 1 cm, rộng 9 ± 1 cm - Túi chứa oxy bằng nhựa PP hoặc PVC, dày, trong, co nối với dây oxy nguồn xoay được 360 độ - Dây nối với oxy nguồn bằng PVC, dài 2 ± 0.2 m, tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đặc tính: Đảm bảo mặt nạ kín, không gây kích ứng da, khả năng cung cấp oxy đạt 90% - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3.000
451	Mặt nạ oxy túi, không thở lại, trẻ em	Mặt nạ oxy túi không thở lại, dành cho trẻ em - Mặt nạ: nhựa PVC y tế, 2 van mỏng bằng silicone 2 bên mặt nạ và 1 van một chiều tại co nối mặt nạ với túi chứa oxy, thanh nhôm cố định mũi, dây cố định đầu co giãn - Chiều cao 09 ± 01 cm - Túi chứa oxy bằng nhựa PP, dày, trong, co nối với dây oxy nguồn xoay được 360 độ - Dây nối với oxy nguồn bằng PVC, dài 2 ± 0.2 m, tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đặc tính: Đảm bảo mặt nạ kín, không gây kích ứng da, khả năng cung cấp oxy đạt 90% - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
452	Miếng dán cố định đường truyền tĩnh mạch trung tâm	Miếng dán cố định đường truyền tĩnh mạch trung tâm an toàn, không cần khâu giúp giảm nguy cơ chấn thương khi đặt PICC/CVC và nguy cơ nhiễm khuẩn, giảm nguy cơ PICC/CVC bị tuột - Chất liệu: vải không dệt trắng màng PU hình cánh bướm, có khoá gắn cố định catheter bằng nhựa, không chứa latex - Kích cỡ: 3×9 cm (± 0.5) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	75
453	Miếng dán điện cực tương thích trong môi trường MRI	Miếng dán điện cực theo dõi tín hiệu ECG tương thích trong môi trường MRI, sử dụng 1 lần, dùng cho người lớn và trẻ em, hình tròn - Loại gel ướt dán trực tiếp lên da - Lớp nền bằng foam dày 1mm, không bị kéo giãn - Đầu điện cực bằng carbon tương thích với môi trường MRI - Chống khử rung tim - Thời gian sử dụng: ≥ 72 giờ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	1.600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
454	Miếng dán điện cực tương thích trong môi trường MRI, cỡ 4.0 x (3.0 - 5.0) cm	Miếng dán điện cực dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor - Điện cực có một mặt gel dẫn điện có keo acrylate 5 -10%, Polyethylene glycol < 2%, Foam backing 10-15%, một cảm biến phân tử được tráng bạc, và một đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG. Nền xốp kháng nước. - Kích cỡ: 4.0 x (3.0 - 5.0) cm - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đồ mỡ hời - Hiệu suất đo tối đa đến 5 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	100.000
455	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật, cỡ 4.0 x (3.0 - 5.0) cm	Miếng dán điện cực dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor - Điện cực có một mặt gel dẫn điện có 100% keo acrylate, 10-20% Propylen glycol, một cảm biến phân tử được tráng bạc; một đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG). - Kích cỡ: 4.0 x (3.0 - 5.0) cm - Hiệu suất đo tối đa đến 3 ngày - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, nút điện cực có nắp bảo vệ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	460.000
456	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật, cỡ 5.0 x (3.0 - 5.0) cm	Miếng dán điện cực dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor - Chất liệu: nút điện cực bằng thép không gỉ, lớp nền xốp phủ gel dính keo Acrylate - Kích cỡ: 5.0 x (3.0 - 5.0) cm - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	80.000
457	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 2%, 10 x 12cm (± 05%)	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate ≤ 15%; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn 35 - 45% với kích thước khoảng (3 x 4) ± 0.5cm; xung quanh viền vải không dệt - Kích thước: 10 x 12cm (± 05%) - Đặc tính: Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính ≥27nm, thấm máu và dịch tiết. - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, có băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu tối thiểu 5 ngày - Tệt khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	20.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
458	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 86 - 92 mg	Miếng dán sát khuẩn dùng cho Catheter tĩnh mạch trung tâm - Miếng dán chứa Chlorhexidine Gluconate 86 - 92mg - Đường kính 2.5cm - Phóng thích Chlorhexidine duy trì liên tục đến 7 ngày - Hấp thu lượng dịch gấp 8 lần trọng lượng miếng dán. - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	1.251
459	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2%, cỡ 7.0 x 8.5 cm ($\pm 05\%$)	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate $\leq 15\%$; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn 35 - 45% với kích thước khoảng $(2 \times 2) \pm 0.5\text{cm}$; xung quanh viền vải không dệt - Kích thước: 7.0 x 8.5 cm ($\pm 05\%$) - Đặc tính: Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính $\geq 27\text{nm}$, thấm máu và dịch tiết. - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, có băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu tối thiểu 5 ngày - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt chứng nhận: - ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	900
460	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật 56 x 45 cm ($\pm 05\%$)	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng 0.115 " 0.200mg/cm² kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót. - Kích thước: băng 56 x 45cm ($\pm 05\%$), tổng thể: 66 x 45cm ($\pm 05\%$) - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	4.600
461	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật phủ Iodophur, 34 x 35 cm ($\pm 05\%$)	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng 0.115 " 0.200mg/cm² kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót. - Kích thước: băng 34 x 35cm ($\pm 05\%$), tổng thể 44 x 35cm ($\pm 05\%$) - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	7.650

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
462	Miếng dán silicone mờ sọc (3.5 x 15) cm x 10mm	Miếng dán silicone mờ sọc làm mềm, làm phẳng sọc lõi, sọc phì đại - Thành phần: 100% silicone, tự dính - Kích thước: (3.5 x 15) cm x 10mm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	800
463	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/mô	Miếng dán theo dõi nồng độ oxy tại não/ mô (rSO2) - Phân tích tín hiệu và dò tìm tín hiệu cho kết quả chính xác sử dụng ≥ 2 đầu phát và ≥ 2 đầu thu - Cảm biến sự thay đổi về tưới máu ≤ 1.5 giây - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	28
464	Miếng dán trị sọc silicone, cỡ 10 x 18 cm (± 0.5)	Miếng dán silicone điều trị và ngăn ngừa sọc lõi, sọc phì đại. - Kích thước: 10 x 18 cm (± 0.5) - Thành phần: Polyacrylate, Polyurethane, Silicone, Viscose - Cấu tạo: + Lớp chống thấm nước (Polyurethane film và sợi không dệt Viscose) + Lớp dính silicone - Không thấm nước - Tiệt khuẩn - Thời gian lưu băng: trên 7 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	400
465	Miếng đặt vùng cằm	Miếng đặt vùng cằm - Chất liệu silicon - Kích thước: (8.0 - 8.5) x (49.5 - 58) x (12.5 - 13.5) mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	25
466	Miếng đặt vùng mũi	Miếng đặt vùng mũi Chất liệu: silicone y tế dạng thanh. Hình dạng có trụ mũi hoặc không trụ mũi Kích thước: - Độ dày: 4 - 8 mm - Chiều dài: 51 - 60 mm - Chiều ngang: 9.3 - 10.9 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	370

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
467	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV các cỡ	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV hỗ trợ trong chiếu đèn điều trị vàng da - Chất liệu: vải không dệt, không latex - có 2 điểm gắn kết có thể điều chỉnh độc lập - 2 miếng đệm bảo vệ mắt - Kích cỡ: 20 - 25cm, 26 - 31cm, 33 - 38cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.250
468	Miếng đệm mũi	Miếng đệm mũi ngăn ngừa loét tỷ đè vùng da tại mũi khi thở máy không xâm lấn - Chất liệu: hypoallergenic Polyme - Kích thước: 3 x 8cm - Đặc tính: không gây kích ứng da, không chứa latex - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	50
469	Miếng ghép tạo hình mũi, (50 x 10 x 8 x 6) mm (± 0.5)	Miếng ghép tạo hình mũi - Chất liệu: bằng ePTFE (expanded Polytetrafluoroethylene) - Kích thước: (50 x 10 x 8 x 6) mm (± 0.5) (chiều dài x chiều rộng đầu to x chiều rộng đầu nhỏ x độ dày) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	308
470	Miếng ghép tạo hình mũi, cỡ (60 x 11 x 9 x 7) mm (± 0.5)	Miếng ghép tạo hình mũi - Chất liệu: bằng ePTFE (expanded Polytetrafluoroethylene) - Kích thước: (60 x 11 x 9 x 7) mm (± 0.5) (chiều dài x chiều rộng đầu to x chiều rộng đầu nhỏ x độ dày) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	102
471	Miếng tẩy chất keo	Miếng tẩy chất keo - Chất liệu: có chứa 100% Hexamethyldisiloxane - Đặc điểm: không gây kích ứng da - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	4.200
472	Mỡ thoa trực tràng	Mỡ thoa trực tràng được dùng để điều trị các triệu chứng và các biến chứng của bệnh trĩ - Thành phần: Sucralfat, bơ ca cao, lanolin (nguồn gốc thực vật), vaseline trắng, sáp ong trắng, nước tinh khiết, caprilil glycol,... - Dạng mỡ - Khối lượng: 25 - 30 gam (kèm dụng cụ bôi bằng nhựa để gắn vào tuýp) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Tuýp	200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
473	Nắp bình dẫn lưu màng phổi	Nắp bình dẫn lưu màng phổi dùng với bình dẫn lưu phổi bằng thủy tinh - Nắp bằng nhựa PVC, đường kính trong 3.6 ± 0.1 cm, đường kính ngoài 4.0 ± 0.1 cm - Cấu tạo: gồm ống thủy tinh trong dài 30 - 35cm nối ống dẫn lưu nhựa dẻo dài 100 - 120cm, đầu ống có 1 co nối tương thích với catheter màng phổi; 01 ống hút nhựa dẻo dài 30 - 35cm - Tiệt khuẩn - Tương thích với bình dẫn lưu màng phổi bằng thủy tinh cùng hãng, đảm bảo kín - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	1.200
474	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp - Chất liệu bằng nhựa chứa povidon-iod - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	4.800
475	Nẹp căng tay	Nẹp căng tay dùng để cố định chấn thương gãy xương bong gân căng tay, cổ tay và bàn tay. Sơ cấp cứu chấn thương xương, khớp, cân cơ vùng căng tay, cổ tay. Hỗ trợ cố định sau gãy đầu dưới xương quay, xương trụ, gãy potocol. - Cấu tạo: được làm từ vật liệu tự dính, mút xốp, vải cotton, thanh nẹp hợp kim nhôm uốn định hình và thanh nẹp đàn hồi, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) tạo nên tính cố định - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	215
476	Nẹp căng tay ôm ngón cái	Nẹp căng tay ôm ngón cái - Chức năng: Nẹp dùng trong gãy ngón cái, sau phẫu thuật gãy xương thuyền, viêm gân dạng dài duỗi ngón cái, viêm hẹp bao gân gấp ngón 1 tay hai bên - Chất liệu: Thanh nẹp hợp kim nhôm ôm ngón cái đến cổ tay, bao bọc bởi mút xốp và vải cotton. - Gồm các thanh nẹp được định hình sẵn, ôm sát ngón tay cái và bàn tay phần tiếp xúc có lớp đệm mút và vải. - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	80

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
477	Nẹp cánh cẳng tay	Nẹp cánh cẳng tay dùng trong sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân khu vực 1/3 dưới xương cánh tay. - Chất liệu: hợp kim nhôm, vải dệt kim, vải không dệt, - Cấu tạo: bản nẹp hợp kim nhôm dài từ bàn tay tới gần nách, có thể uốn được theo tư thế điều trị, các thanh nẹp nhỏ. bộ mút dệt kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton để cố định nẹp ôm vào tay bằng khóa Velcro (băng nhám dính) - 5 kích cỡ : 15-28cm, 28-31cm, 31-34cm, 34-37cm, 37-40cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	125
478	Nẹp chống xoay ngấn	Nẹp chống xoay ngấn cố định gãy cổ xương đùi ở người già không có chỉ định phẫu thuật. Sau phẫu thuật, quanh ổ cối, cổ xương đùi, khớp gối, cổ chân - Bản nẹp bằng hợp kim nhôm, thanh nhôm được bao bằng đệm mút và vải cotton - Bản nẹp định hình uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, chịu lực tốt xoay ngang, cố định vào chân bởi khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài tính từ mũi đến gót chân 28cm, cao 37cm, rộng 23cm ($\pm 05\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	116
479	Nẹp cổ cứng	Nẹp cổ cứng hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ, sơ cứu chấn thương đốt sống cổ. - Chất liệu: mút xốp bằng Ethylene Vinyl Acetate - Cấu tạo: gồm 2 mảnh riêng biệt được gắn với nhau bởi khóa velcro (băng nhám dính), có những lỗ nhỏ làm thoáng khí sử dụng. - Kích thước: 7, 9, 11cm ($\pm 05\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	440
480	Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay	Nẹp cố định gãy xương đốt gần ngón tay - Chất liệu: gồm một thanh nhôm dẻo bao ngoài một lớp đệm mút, có thể uốn theo tư thế điều trị ngón tay. - Chiều dài nẹp 22cm ($\pm 05\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	78
481	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay	Nẹp cố định gãy xương đốt xa ngón tay - Chất liệu: gồm một thanh nhôm thẳng với lớp đệm mút ở trong, có các móc uốn cong ôm trọn ngón tay - Kích thước: 3 x 2 x 11cm ($\pm 05\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	45

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
482	Nẹp cố định khớp gối	Nẹp cố định khớp gối dùng cố định khớp gối chấn thương hoặc phẫu thuật. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm định hình, tấm đệm mút, vải tự dính, hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài nẹp: 40, 50, 60, 70cm ($\pm 05\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	250
483	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi	Nẹp cố định khớp gối, có khóa điều chỉnh độ co duỗi, hạn chế di lệch khớp gối bằng bản lề khóa quay số điều chỉnh. - Chất liệu: 4 thanh nẹp hợp kim nhôm, 2 bộ khóa ổ khớp có thể điều chỉnh góc độ co duỗi như chức năng khớp gối (giới hạn mở rộng từ 0 - 90 độ, giới hạn uốn từ 0 - 135 độ), bộ mút đệm kim đệm dày và êm, các dây đai bằng vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính) - Chiều dài hai thanh nẹp hợp kim nhôm khoảng 52 ± 1 cm, đường kính ổ khớp điều chỉnh góc độ khoảng 6.5cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp đùi khoảng 75-80cm, chiều dài dây đai cố định ở bắp chân khoảng 45-50cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	500
484	Nẹp cổ mềm	Nẹp cổ mềm sử dụng trong hỗ trợ nâng đỡ khi chấn thương cột sống cổ nhẹ - Chất liệu: đệm mút có độ đàn hồi, bên ngoài bao bọc bằng vải cotton. Có hệ thống khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định nẹp cổ - Kích thước nẹp: 5, 6, 8, 10cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	25
485	Nẹp cổ tay	Nẹp cổ tay sử dụng trong cố định gãy xương cổ tay, xương bàn ngón tay, bong gân vùng cổ tay - Thanh nẹp bằng hợp kim nhôm, vải chun và khóa velcro (băng nhám dính) giúp cố định cổ tay, cẳng tay, bàn tay - Kích cỡ: 12-14cm, 14-16cm, 16-18cm, 18-20cm, 20-22cm. - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	40
486	Nẹp đệm ngăn	Nẹp đệm ngăn sử dụng trong các trường hợp chấn thương cổ chân, gãy các xương bàn, ngón chân (sử dụng cho chân ở trạng thái nghỉ) - Cấu tạo: bàn nẹp hợp kim nhôm định hình uốn theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, đệm mút, vải cotton và khóa velcro (băng nhám dính). - Kích thước: 25 x 14 x 19cm ($\pm 5\%$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	330

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
487	Nón phẫu thuật dạng xếp	Nón phẫu thuật dạng xếp - Chất liệu: vải PP không dệt 14 - 16g/m², màu xanh - Chiều dài chưa kéo giãn: 15 - 20cm - Chiều dài tối đa khi kéo giãn: 50 - 55cm - Đặc điểm: bo thun mềm, 2 thun ôm sát vòng đầu, không gây đau khi đeo, thoáng khí, không dễ rách khi thao tác sử dụng - Bao bì có vị trí để mở/xé dễ dàng - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	670.000
488	Nón phẫu thuật dạng xếp, chiều dài 13 - 25cm	Nón phẫu thuật dạng xếp - Chất liệu: vải PP không dệt 14 - 20g/m², màu xanh - Chiều dài chưa kéo giãn: 13 - 25cm - Chiều dài tối đa khi kéo giãn: ≤ 56cm - Đặc điểm: bo thun mềm, 2 thun ôm sát vòng đầu, không gây đau khi đeo, thoáng khí, không dễ rách khi thao tác sử dụng - Bao bì có vị trí để mở/xé dễ dàng - Tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	280.000
489	Nước muối sinh lý dạng ống 5mL	Nước muối sinh lý sử dụng vệ sinh mắt, mũi, tai - Thành phần: Natri chloride 0,9% trong nước cất (hoặc nước tinh khiết), vô khuẩn - Đóng gói dạng ống nhựa y tế, đơn liều - Thể tích: 5mL/ống - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Ống	500
490	Nút dây catheter	Nút dây catheter, sử dụng 2 đầu để kết nối - Đầu nối Luer Lock và Luer Slip - Đầu phù hợp với các loại dây truyền dịch và xylanh - Vật liệu Polyethylene - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	30.000
491	Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nòng, có bóng, cỡ 6.0 - 10	Ống Ca-nuyn mở khí quản 1 nòng có bóng - Chất liệu: PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Kích cỡ: số 6.0 - 10 (tối thiểu 5 cỡ), đường kính ngoài 4.2 - 13.7mm, dài ống 35 - 100mm, đường kính bóng 9 - 35mm - Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ, có đường cân quang chạy dọc thân ống - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
492	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 5, 6, 7, 8	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ - Nòng ống bên trong làm bằng chất liệu không ưa nước (Hydrophobicity hoặc Hydrophobic), có thể tháo ra - Bóng linh hoạt cho phép cannula trượt một vài mm theo chiều dọc để hấp thụ lực hút xuống - Kích cỡ: cỡ 5, 6, 7, 8, 9 - Đường kính ngoài: 8.6 - 13.2mm - Đường kính trong: 5.0 - 9.0mm - Chiều dài ống: 55 - 78mm (tương ứng theo từng cỡ) - Ống bên ngoài cản tia X.quang - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	200
493	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ, cỡ 6 - 8.5	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ - Chất liệu: nhựa PVC y tế, trong suốt, mềm ở nhiệt độ cơ thể, có đường cản quang trên thân ống - Kích cỡ: 6.0; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5; đường kính trong 5.0 - 7.5mm, chiều dài 64 - 78mm, độ cong chuẩn 105 độ - 02 nòng trong, đầu tròn, có mấu ngắt, đầu nối 15mm gắn chặt với ống, cho phép gắn hệ thống dây máy thở ngay cả khi không chèn nòng trong - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
494	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ, các cỡ	Ống Ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ - Chất liệu: nhựa PVC y tế, mềm ở nhiệt độ cơ thể, không gây kích ứng, có đường cản quang trên thân ống - Kích cỡ: 6.0; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5, đường kính trong 5.0 - 7.5mm, chiều dài 64 - 78mm, độ cong chuẩn 105 độ - 02 nòng trong, đầu tròn, có mấu ngắt, đầu nối 15mm gắn chặt với ống, cho phép gắn hệ thống dây máy thở ngay cả khi không chèn nòng trong - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
495	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ, cỡ 6, 7, 8	Ống ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, không bóng, không cửa sổ dùng trong trường hợp người bệnh có thở tự nhiên - Nòng ống bên trong làm bằng chất liệu Hydrophobicity hoặc Hydrophobic - Nòng ống bên trong có thể được tháo ra để lau rửa chất nhờn - Kích cỡ: cỡ 5, 6, 7, 8 - Đường kính trong: 5 - 9mm - Đường kính ngoài: 8.6 - 13.2mm - Chiều dài ống tương ứng: 55 - 78mm (tương ứng theo từng cỡ) - Ống bên ngoài cản tia X.quang - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	140

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
496	Ống Cassette hút chân không và ống rửa đi kèm máy sinh thiết có hỗ trợ lực hút chân không	Ống Cassette hút chân không và ống rửa đi kèm máy sinh thiết có hỗ trợ lực hút chân không - Chất liệu: Khung làm từ nhựa ABS, ống chữ L làm từ PVC và Silicone, ống chữ T làm từ Silicone - Gồm một khung rộng 0.9 inch (2.286cm) chứa 2 ống. Một ống dạng chữ L dài 18.95 inch, một ống dạng chữ T có kích thước 3 nhánh lần lượt là 2.41 inch, 3.42 inch và 9 inch. - Tiệt khuẩn - Tương thích máy sinh thiết vú có hỗ trợ lực hút chân không Encor Enspire của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
497	Ống cho ăn, bằng 100% silicone, cỡ từ 6 - 20Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu: 100% silicone - Kích cỡ: 6 - 20Fr, (tối thiểu 8 kích cỡ), đường kính trong: 1 - 4.5 mm - Chiều dài ống 50 - 96cm - Thân có đường cân quang, đầu tip cân quang, có vạch đánh dấu chiều dài trên ống - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3.500
498	Ống cho ăn, bằng polyurethane, cỡ 15Fr	Ống cho ăn, thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu bằng Polyurethane trong suốt, phủ đầu silicone - Kích cỡ: 15Fr (đường kính trong $3.5 \pm 0.1\text{mm}$), chiều dài khoảng 100 - 120cm - Trên thân ống có vạch chia, có tối thiểu 1 đường cân quang, có dây dẫn đường dạng xoắn ốc - Cổng nối khóa luer, tương thích với đầu nối của hệ thống dây cho ăn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3.200
499	Ống cho ăn, bằng polyurethane, không có cổng nối thấp, các cỡ	Ống cho ăn, bằng polyurethane, không có cổng nối thấp, các cỡ - Chất liệu bằng Polyurethane trong suốt - Kích cỡ: 14Fr - 16Fr, chiều dài khoảng 100 - 130cm - Trên thân ống có vạch chia, có tối thiểu 1 đường cân quang, - Có cổng nối tương thích với đầu nối của hệ thống dây cho ăn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.400

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
500	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 12 - 18Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày dành cho người lớn □ - Chất liệu: bằng nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP □ - Kích cỡ: 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr - Đường kính trong: 4 - 6mm, chiều dài 120 - 135cm - Thân ống có đường cân quang, có vạch đánh dấu chiều dài trên thân ống tại vị trí 45cm, 55cm, 65cm, 75cm (tính từ đầu đến cuối ống) - Thời gian lưu ống: 5 - 7 ngày □ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	8.500
501	Ống cho ăn, bằng PVC, cỡ 5 - 10Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày dành cho trẻ em - Chất liệu: bằng nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP □ - Kích cỡ: 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr - Đường kính trong: 1.2 - 3.3mm, dài 50 - 60cm - Thân ống có đường cân quang - Có 4 vạch đánh dấu chạy dọc theo chiều dài ống tính từ đầu cuối ống tại vị trí 20cm, 30cm, có mắt phụ - Thời gian lưu ống khoảng 5 - 7 ngày □ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	4.300
502	Ống dẫn lưu dạng mao mạch	Ống dẫn lưu dạng mao mạch - Chất liệu: Silicon - Kích thước: 290 - 300mm - Đường kính: 7 - 10mm - Rộng: 12 - 16mm - Cấu trúc dạng xương sườn song song, có sọc cân quang - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.000
503	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa PVC, cỡ 10 - 40Fr, dài 45 - 50cm	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi - Chất liệu: nhựa PVC, không DEHP, không latex - Cỡ 10 - 40Fr (tối thiểu có các cỡ 10Fr, 24Fr, 28Fr, 40Fr), dài 45-50cm - Đầu ống vát, có nhiều lỗ dọc thân ống - Trên thân có khắc vạch đánh dấu, thân ống có đường màu xanh lá đậm để cân quang, phát hiện dưới tia X - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
504	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa PVC, cỡ 16 - 36Fr, dài 44 - 46cm	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi - Chất liệu: PVC cản quang - Cỡ 16 - 36Fr (tối thiểu 6 cỡ), dài 45cm (450mm ± 5mm), đường kính trong (ID): 3.5 - 8.5mm - Đầu ống vát, có nhiều lỗ dọc thân ống - Trên thân có khắc vạch đánh dấu; thân ống vạch cản tia X giúp ống có thể nhìn thấy được trên phim X Quang (vạch cản quang) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3.200
505	Ống dẫn lưu màng phổi bằng nhựa PVC, cỡ 16 - 36Fr, dài 51 - 53cm	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi - Chất liệu: nhựa PVC, không DEHP, không latex - Cỡ: 16 - 36Fr (tối thiểu 6 cỡ), dài 51 - 53 cm, đường kính trong: 3.5 - 10.6mm - Đầu ống vát, có nhiều lỗ dọc thân ống - Trên thân có khắc vạch đánh dấu, thân ống có dây cản tia X - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
506	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar, 12 - 32Fr	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar dùng để dẫn lưu dịch màng phổi - Chất liệu: Làm bằng vật liệu PVC tương thích sinh học, có cản quang, có vạch đánh dấu độ sâu trên ống - Kích cỡ: 12 - 32Fr (tối thiểu phải có size 28 Fr và 32Fr) - Đường kính trong: 4 - 10.7mm - Chiều dài: 23 - 40cm - Có kèm chùy chọc trocar độ xuyên thủng 3-4cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
507	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng áp thành khí quản sử dụng cung cấp đường khí quản thứ cấp, thay thế ống mở khí quản tiêu chuẩn - Chất liệu: silicone - Đường kính ngoài: 9 - 13mm - Độ dày thành khí quản: 17 - 65mm - Chiều dài thân ống: 37mm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
508	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng ống	Ống duy trì lỗ mở khí quản dạng ống sử dụng ngăn hẹp lỗ mở khí quản trong trường hợp người bệnh cần duy trì lỗ mở khí quản lâu dài - Làm bằng chất liệu silicone cấy ghép - Chiều dài: 18 - 55mm - Đường kính trong: 9.5 - 20.5mm - Đường kính ngoài: 12 - 25mm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	18
509	Ống hút đàm có khóa kiểm soát, cỡ 10 - 16Fr	Ống hút đàm, có khóa kiểm soát - Chất liệu: nhựa PVC mềm, màu trắng, không Latex - Đường kính ngoài 3.0 - 5.3mm, chiều dài 45 - 60cm - Đầu hút bo tròn, loại thẳng, có tối thiểu 3 lỗ hút, lỗ hút nhỏ 1 - 1.7mm - Co nổi, tương thích với hệ thống hút của Bệnh viện - Kích cỡ: 10 - 16Fr (tối thiểu 4 cỡ) - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	56.000
510	Ống hút đàm có khóa kiểm soát, cỡ 6 - 10Fr	Ống hút đàm có khóa kiểm soát - Chất liệu: nhựa PVC mềm, màu trắng, không latex - Đường kính ngoài 1.9 - 3.3mm, chiều dài 46 - 60cm - Đầu hút bo tròn, loại thẳng, có tối thiểu 3 lỗ hút - có co nổi, tương thích với hệ thống hút của Bệnh viện - Kích cỡ: 6 - 10Fr (tối thiểu 3 cỡ) - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	8.000
511	Ống hút đàm, cỡ 6 - 16Fr	Ống hút đàm, có hoặc không có khóa kiểm soát - Chất liệu: nhựa PVC mềm, màu trắng, không Latex - Đường kính ngoài 1.9 - 5.3mm, chiều dài 45 - 60cm - Đầu hút bo tròn, loại thẳng, có tối thiểu 3 lỗ hút, lỗ hút nhỏ 1 - 1.7mm - Co nổi, tương thích với hệ thống hút của Bệnh viện - Kích cỡ: 6 - 16Fr (tối thiểu 6 cỡ) - Đóng gói tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	346.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
512	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung - Chất liệu: bằng polyethylene - Chiều dài 23.5 - 50cm; đường kính trong khoảng 2.5 - 2.6mm; đường kính ngoài khoảng 3.0 - 3.1mm - Đặc điểm: thân có lỗ mờ 2.0 - 2.1mm. Đầu ống nhỏ, tù, đặc điểm nháp và thô để lấy mẫu tế bào bề mặt nội mạc tử cung. - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	550
513	Ống hút nhựa dùng trong sản khoa	Ống hút thai bằng nhựa Polyethylen (PE) hoặc PVC, màu trắng trong, trơn láng không có cạnh bén - Đường kính: 0.4 - 0.6cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.800
514	Ống mở khí quản có cánh điều chỉnh, có bóng	Ống mở khí quản có cánh điều chỉnh - Chất liệu: PVC, phủ silicone, không chứa DEHP, không chứa latex - Kích cỡ: số 5; 6; 7; 8; 9 - Có đường cân quang tia X dọc theo chiều dài ống - Co nối tiêu chuẩn 15 mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	17
515	Ống mở khí quản dài	Ống mở khí quản tạo đường khí quản thứ cấp cho người bệnh hẹp đường khí quản lồng ngực - Làm bằng chất liệu silicone cấy ghép - Chiều dài: 105 - 110mm - Đường kính trong: 6.5, 7.5, 8.5mm - Đường kính ngoài: 11, 12, 13mm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
516	Ống nối chữ Y	Ống nối chữ Y, dùng kết nối hệ thống dẫn lưu - Chất liệu: nhựa carbonate trong suốt - Kích cỡ: 1/4x1/4x1/4; 1/2x3/8x3/8; 3/8x3/8x3/8; 1/4 x 3/16 x 3/16; 3/8x3/8x1/4 - Đặc tính: chữ Y, 3 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, có hoặc không có khóa luer lock - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.900

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
517	Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval, cỡ 5.0 - 8.5	Ống nội khí quản có bóng chèn hình oval - Chất liệu ống bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa latex. - Kích cỡ: các cỡ 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.5 - Ống có 2 vạch cân quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch cân quang chạy dọc thân. Đầu ống bo tròn/ đầu tù, có mắt Murphy. Thân ống có vạch đánh dấu chiều dài. - Bóng chèn loại thể tích lớn, áp lực thấp - Tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	13.000
518	Ống nội khí quản cổng miệng có bóng chèn, cỡ 3 - 8	Ống nội khí quản có bóng chèn - Chất liệu ống bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa latex. - Kích cỡ 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0 - Ống có 2 vạch cân quang đậm đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch cân quang chạy dọc thân ống. Đầu ống bo tròn/ đầu tù, có mắt Murphy. Thân ống có vạch đánh dấu chiều dài. - Bóng chèn loại thể tích lớn, áp lực bóng chèn thấp - Tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	24.000
519	Ống nội khí quản cổng miệng không bóng chèn, cỡ 2.5 - 6.5	Ống nội khí quản cổng miệng không bóng chèn - Ống bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo phù silicone, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5 - Đường kính trong: 2.5 - 6.5 mm, đường kính ngoài: 3.5 - 8.8mm, chiều dài ống: 140 - 310mm - Ống có 1 vạch chạy dọc thân giúp định vị ống. Đầu ống vê tù và có mắt được đánh nhãn bóng - Đóng gói tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	910

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
520	Ống nội khí quản đặt đường miệng có bóng kèm lỗ hút dịch cỡ 6.5 - 8.0	Ống nội khí quản có bóng kèm lỗ hút dịch - Chất liệu ống bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: các cỡ 6.5, 7.0, 7.5, 8.0 - Ống có 2 vạch cản quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch cản quang chạy dọc thân. Đầu ống bo tròn/ đầu tù, có mắt Murphy - Bóng chèn có thể tích lớn, áp lực thấp, bóng dạng thuôn dần hoặc hình quả lê. - Lỗ hút sát bóng chèn giúp hút tối đa dịch đọng trên bóng - Tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gấp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.000
521	Ống nội khí quản định dạng đặt đường miệng có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 3.0 - 7.0	Ống nội khí quản định dạng đặt đường miệng có bóng chèn - Chất liệu ống bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: các cỡ 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5, 7.0 - Ống có 2 vạch cản quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch cản quang chạy dọc thân. Đầu ống bo tròn/ đầu tù, có mắt Murphy. Thân ống cong hình chữ U, có vạch đánh dấu chiều dài. - Bóng chèn loại thể tích lớn, áp lực thấp - Tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gấp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.500
522	Ống nội khí quản định dạng đặt đường miệng không bóng chèn, cỡ 3.0 - 5.0	Ống nội khí quản định dạng đặt đường miệng không bóng chèn - Chất liệu ống bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: các cỡ 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0 - Ống có 2 vạch cản quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch cản quang chạy dọc thân. Đầu ống bo tròn/ đầu tù, có mắt Murphy. Ống cong hình chữ U, có vạch đánh dấu chiều dài. - Bóng chèn loại thể tích lớn, áp lực thấp - Tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gấp - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	545

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
523	Ống nội khí quản định dạng đặt đường mũi có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 3.0 - 7.0	Ống nội khí quản định dạng đặt đường mũi có bóng chèn - Chất liệu ống bằng Polyvinylclorua (PVC), cảm ứng nhiệt, không chứa Latex - Kích cỡ: các cỡ số 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5, 7.0 - Ống có 2 vạch cân quang đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch cân quang chạy dọc thân. Đầu ống bo tròn/ đầu tù, có mắt Murphy. Ống cong hình chữ Z, có vạch đánh dấu chiều dài. - Bóng chèn loại thể tích lớn, áp lực thấp - Tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	120
524	Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 2.5 - 8.5	Ống nội khí quản lò xo có bóng chèn - Chất liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone tương thích sinh học, không chứa latex. Lò xo gia cố làm bằng thép không gỉ chống xoắn. Hình dạng cong. - Ống có đường cân quang dày, vạch chia rõ ràng - Bóng thể tích lớn áp lực thấp (<27cmH₂O) - Co nối tiêu chuẩn 15mm, trên ống gần bóng có vạch tròn đen lớn đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 2.5→ 8.5 (tối thiểu 11 cỡ), đường kính ngoài: 3.3 - 12.3mm, đường kính bóng: 7.0 - 27mm - Tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: ống mềm dẻo, hạn chế bị gãy gập - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.600
525	Ống nối máy thở thở oxy dòng cao (HFNC) kết nối trực tiếp mở khí quản	Ống nối máy thở thở oxy dòng cao (HFNC) kết nối trực tiếp mở khí quản - Có nắp chống bắn đờm ra ngoài. - Dây dẫn tích hợp cho hơi nước thoát ra ngoài màng, giảm đọng nước - Có dây đeo qua cổ. - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	30
526	Ống nối thẳng có khóa luer lock	Ống nối thẳng dùng để kết nối hai ống truyền dịch với nhau trong bộ dây tim phổi nhân tạo HLP - Chất liệu: Polycarbonate, PVC - Kích cỡ: 1/4 Male - Đặc tính: co nối thẳng có khóa luer lock - Tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện. - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
527	Ống nối thẳng con sò	Ống nối thẳng con sò - Chất liệu: nhựa, trung tính, có tính chịu lực, chịu nhiệt cao - Chiều dài 61-63mm, rộng 20-21mm, đường kính trong 5.5 - 6.0mm, đường kính khớp chặn 9.5 - 10mm - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	23.000
528	Ống nối thẳng không có khóa luer lock	Ống nối thẳng dùng để kết nối hai ống truyền dịch với nhau trong bộ dây tim phổi nhân tạo HLP - Chất liệu: Polycarbonate, PVC - Kích cỡ: 1/4 x 1/4; 1/4 x 3/16; 3/8 x 1/4; 3/8 x 3/8, 3/16 x 3/16; 1/2 x 1/2; 1/2 x 3/8; 1/2 x 1/4 - Đặc tính: có nối thẳng không có khóa luer lock - Tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện - Đóng gói tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.200
529	Ống thở ô-xy 1 nhánh cỡ 8 - 16Fr	Ống thở ô-xy 1 nhánh - Chất liệu: nhựa PVC mềm, trong, không chứa latex, không chứa DEHP - Kích cỡ: 8 - 16Fr (tối thiểu 5 cỡ), dài khoảng 40 - 42cm, đầu xa có 8 mắt nhỏ - Đóng gói tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.100
530	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn - Chất liệu: HDPE, PVC mềm, không chứa latex, không chứa phthalate, chống xoắn, chống gập - Chiều dài tổng dây 1.8 - 2.0m - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xô dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng 4 - 6 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25.000
531	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn, sản xuất tại Việt Nam	Ống thở ô-xy 2 nhánh, người lớn - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, màu trắng trong hoặc màu xanh lá trong, không chứa latex, không chứa DEHP, chống xoắn, chống gập - Chiều dài tổng dây khoảng 2.0 - 2.2m, đường kính 2 nhánh mũi 4 - 5.0mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xô dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	114.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
532	Ống thở ô-xy 2 nhánh, sơ sinh	Ống thở ô-xy 2 nhánh, sơ sinh - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, không chứa latex, không chứa DEHP, chống xoắn, chống gập - Chiều dài tổng dây: 1.85 - 2.1m, đường kính 2 nhánh mũi: 1.5 - 1.6mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xô dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.500
533	Ống thở ô-xy 2 nhánh, trẻ em	Ống thở ô-xy 2 nhánh, trẻ em - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, không chứa latex, không chất phthalate, chống xoắn, chống gập - Chiều dài tổng dây: 1.85 - 2.1m, đường kính 2 nhánh mũi: 1.5 - 2mm - Đặc tính: có đệm đỡ nhỏ trước mũi giúp giữ đúng vị trí tránh xô dịch, có 2 gọng mũi cong, mềm mại, lưu lượng 0.5 - 4 lít/phút - Tương thích với hệ thống oxy nguồn tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.100
534	Ống thở oxy dành cho trẻ em tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2	Ống thở oxy dòng cao dành cho trẻ em - Dây thở mềm, chống gập - Có đệm dán cố định, không gây tổn thương da và tháo rời dễ vệ sinh được - Cannula ôm sát với mũi - Kích thước cho trẻ: 0.5 - 30 kg - Tương thích với máy thở HFNC Airvo2 tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	360
535	Ống thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	Ống thở oxy cho người lớn, trẻ em - Có kẹp cố định ống dây canula giảm xô dịch khi cử động. - Hai miếng đệm má mềm, cố định gọng mũi tại chỗ và giảm áp lực ti đè - Gọng mũi phù hợp giải phẫu của mũi - Dây cố định quanh đầu có thể điều chỉnh độ dài - Kích cỡ: S, M, L - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	750

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
536	Ống thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001	Ống thở oxy cho người lớn - Lưu lượng dòng chảy tối đa 60L/phút - Đầu nối 15F/22M - Chiều dài: 380mm - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) VUN-001 (vincent) của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	330
537	Ống thông cảm máu bằng silicone 16Fr, 18Fr, dài tối thiểu 85cm	Ống thông cảm máu - Chất liệu: bằng silicone - Kích thước: cỡ 16Fr, 18Fr, dài tối thiểu 85cm - Cấu tạo * Catheter 3 đường: 2 nhánh bên có nắp đậy, 1 nhánh giữa có dây dẫn, * 2 bóng: 1 bóng thực quản, 1 bóng dạ dày * Có dấu cân quang đầu và cuối mỗi bóng, có vạch chia khoảng cách rõ ràng - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	26
538	Ống thông chữ T giữ đường mở khí quản, Silicon mềm	Ống thông chữ T nhằm duy trì một đường khí quản tái hẹp và phải mở khí quản trong thời gian trên 6 tháng - Chất liệu: Silicon, có cân quang - Cấu tạo gồm: 01 ống chữ T kiểu vuông góc, 02 bộ vòng giữ và đóng đầu ống gồm 7 cỡ - Ống chữ T gồm 3 nhánh: - Nhánh thanh quản: dài 29 - 33mm, đường kính 10 - 16mm - Nhánh ra da: dài 38 - 65mm, đường kính 8 - 11mm - Nhánh xuống phổi: dài 72 - 75mm, đường kính 10 - 16mm - Bao gồm: vòng giữ ống, nút ống dài 15 - 16mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	12
539	Ống thông hậu môn	Ống thông hậu môn□ - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, không chứa DEHP, trơn bề mặt, không kích ứng, không gây khó chịu□ - Kích cỡ: 18 - 28Fr (tối thiểu 6 cỡ)□chiều dài 40 - 45cm - Tiệt khuẩn□ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	250

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
540	Ống thông khí đường mũi	Ống thông khí đường mũi - Chất liệu: nhựa PVC cảm ứng nhiệt, phủ silicon, không chứa latex, không chứa phthalate - Kích cỡ: các cỡ 6.5, 7.0, 7.5, 8.0 - Đường kính: 9.4 - 11.0 mm (tương ứng theo từng cỡ) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	200
541	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho người lớn	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho người lớn - Chất liệu: Silicon trong suốt có cản quang - Đầu trên ống thông có 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 5-7 cm, 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng - Đầu dưới ống thông có dạng xoắn cong. - Đường kính trong: 3.5 - 4.0 mm, chiều dài ống thông: 60 - 62cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
542	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em	Ống thông dùng được cho chạy thẩm phân cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho trẻ em Chất liệu: Silicon trong suốt có cản quang - Đầu trên ống thông có 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 3-5 cm, 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng - Đầu dưới ống thông có dạng xoắn cong. - Đường kính trong: 2.5 - 3.5 mm. Chiều dài ống thông: 42 - 52cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	60
543	Ống thông thẩm phân phúc mạc, đầu cong, bằng silicone, cỡ 15Fr	Ống thông thẩm phân phúc mạc - Chất liệu bằng silicone - Kích thước: 15Fr, dài 60 - 65cm - Đầu cong, 2 nút chặn để vô dịch ổ bụng, trong lòng ống có chứa dải cản quang - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
544	Ống thông tiểu 1 nhánh	Ống thông tiểu 1 nhánh - Chất liệu: cao su tự nhiên, phủ silicone hoặc PVC - Kích cỡ: 6 - 24Fr (tối thiểu 10 cỡ), chiều dài khoảng 40 - 43cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	8.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
545	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 12 - 26Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh - Chất liệu: 100% silicone, thành bóng mỏng, kích thước bóng khi bơm có hình cầu hoặc hình tròn - Kích cỡ: 12 - 26Fr (tối thiểu 8 cỡ) - Đường kính trong 2.5 - 5.5mm, chiều dài ống 40 - 43cm - Đặc điểm: Dung tích bóng chèn 10mL, lòng ống rộng, đầu tip cân quang, trên ống có đường cân quang, van bơm luer lock bằng nhựa ABS, phân biệt kích cỡ theo mã màu - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.400
546	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 6 - 10Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh - Chất liệu ống 100% silicone, bóng cố định tròn đều - Kích cỡ: 6 - 10Fr (tối thiểu 03 cỡ), dung tích bóng 1-3mL - Đường kính trong: 1.0 - 2.2mm - Chiều dài ống 34 cm - Đặc điểm: có dây dẫn đường, đầu ống cân quang, thời gian đặt ống 30 ngày, van bơm/xả bằng nhựa ABS, phân biệt kích cỡ theo mã màu - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.000
547	Ống thông tiểu 2 nhánh, 100% silicone, cỡ 8 - 26Fr, có cảm biến nhiệt độ	Ống thông tiểu silicone 2 nhánh có cảm biến nhiệt độ - Chất liệu: 100% silicone - Có cảm biến nhiệt độ để theo dõi nhiệt độ bàng quang - Dây nhiệt độ đo 25 - 45 độ C - Thân catheter có đường đánh dấu cân quang - Hỗ trợ dây cáp kết nối tương thích với máy Monitor của Bệnh viện - Kích cỡ: 8 - 26Fr (tối thiểu 10 cỡ) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	600
548	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon, cỡ 12 - 28Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon - Chất liệu: cao su thiên nhiên có phủ silicone, thành ống dày chống gẫy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, bóng cân đối có 2 nhánh, không có chất DEHP - Kích cỡ: 12 - 28Fr (tối thiểu 9 cỡ) - Đường kính từ 4.0mm đến 9.3mm, dài 40 ± 1 cm, thể tích bóng chèn 30mL - Tốc độ dòng chảy $\geq 70\text{cm}^3/\text{phút}$ (cỡ 12Fr), $\geq 100\text{cm}^3/\text{phút}$ (cỡ 14-28Fr) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
549	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon, cỡ 12 - 30Fr	Ống thông tiểu 2 nhánh, cao su trắng silicon - Chất liệu: cao su thiên nhiên có phủ silicone, thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, bóng cân đối có 2 nhánh, không có chất DEHP - Kích cỡ: 12 - 30Fr (tối thiểu phải có 9 cỡ), mã hóa màu theo kích cỡ - Đầu ống trơn, bo tròn, không sắc cạnh, có trên 2 lỗ dẫn lưu dịch. - Đường kính từ 4.0mm đến 10mm, dài 40-42cm, thể tích bóng chèn 30mL - Tốc độ dòng chảy: $\geq 50\text{mL/phút}$ (cỡ 12Fr), $\geq 70\text{mL/ phút}$ (14Fr), $\geq 100\text{mL/ phút}$ (16Fr-30Fr) - Tiệt khuẩn - Yêu cầu khi sử dụng: không rò rỉ khi bơm dịch hoặc khí. Bơm và rút dịch nhẹ nhàng - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	47.000
550	Ống thông tiểu 3 nhánh, bằng silicon, cỡ 18 - 22 Fr	Ống thông tiểu 3 nhánh dùng trong cắt đốt nội soi tuyến tiền liệt - Chất liệu 100% silicon - Kích cỡ 18 - 22 Fr (tối thiểu 3 cỡ) - Bóng dung tích: 30 - 70 mL - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	cái	225
551	Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon, 16 → 24Fr	Ống thông tiểu 3 nhánh, cao su trắng silicon - Chất liệu: cao su tự nhiên, trắng silicone trong lòng ống, không chứa DEHP - Kích cỡ: 16 → 24Fr (tối thiểu 5 cỡ), chiều dài 40 - 45cm, đường kính ống 5.3 - 8.7mm - Dung tích bóng 30 – 50mL, có van bơm Luer-lock, đầu ống có 3 mắt (1 mắt tưới rửa, 2 mắt lỗ thoát dịch) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp + Hoặc Chứng nhận ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	275
552	Ống thông tĩnh mạch rốn	Ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh trong suốt - Bằng nhựa Polyvinylchlorua (PVC), có vạch cân quang và vạch chia mỗi cm - Kích cỡ: 3.5 → 5Fr (tối thiểu 2 cỡ), dài 37 - 40cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	120

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
553	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 26 x 36cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%. - Nạp phim: trong điều kiện ánh sáng phòng - Kích thước: 26 x 36cm - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypix của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	28.000
554	Phim X-quang tương thích máy DryPix, cỡ 35 x 43cm	Phim X- quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0.1-15%; silver halides: 0,05-1%. - Nạp phim: trong điều kiện ánh sáng phòng - Kích thước: 35 x 43cm - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypix của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	cái	60.000
555	Phim X-quang tương thích máy Drypro, cỡ 35 x 43cm	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa - Thành phần chính: Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, additives 0.1-15%, gelatine 1-10%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, silver halides 0.05-1%. - Sử dụng được trong ánh sáng ban ngày - Kích thước: 35 x 43cm - Sử dụng tương thích với máy in phim khô laser Drypro của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	16.250
556	Phin lọc bạch cầu chiết hồng cầu dùng trong truyền hồng cầu lắng hay máu toàn phần	Phin lọc bạch cầu chiết hồng cầu dùng trong truyền hồng cầu lắng hay máu toàn phần - Vỏ ngoài bằng Polycarbonate cứng, bộ lọc bằng microporous polyurethane - Kiểu màng lọc 3 chiều, năng lực lọc bạch cầu cho 1 đơn vị hồng cầu 450mL - Bộ lọc có tính tương đồng sinh học cao nên không cần môi bằng nước muối sinh lý - Có van thông khí lọc khuẩn để đuổi khí nhanh khi bắt đầu truyền và đảm bảo dồn hết máu khi kết thúc truyền máu - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.250

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
557	Phin lọc bạch cầu chiết tiểu cầu dùng trong truyền tiểu cầu	Phin lọc bạch cầu chiết tiểu cầu dùng trong truyền tiểu cầu - Vỏ ngoài bằng Polycarbonate cứng, bộ lọc bằng microporous polyurethane - Kiểu màng lọc 3 chiều, năng lực lọc bạch cầu lọc tới 10 đơn vị tiểu cầu - Thể tích mỗi $\leq 17\text{mL}$ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	550
558	Phin lọc cai máy thở, bằng PVC	Phin lọc cai máy thở giúp làm ẩm, ẩm khí thở qua mở khí quản/ nội khí quản - Chất liệu: PVC - Đặc điểm: trao đổi nhiệt và trao đổi ẩm, co nối 15mm, có lỗ hút dịch, co nối tương thích với dây oxy - Độ ẩm trao đổi: 26 - 28mg/lít khí - Thể tích nén/ khoảng chết: $< 19\text{mL}$ - Kháng trở 30l/phút: $\leq 0.7\text{cm H}_2\text{O}$ - Trọng lượng: 7 - 8g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2.500
559	Phin lọc cai máy thở, bằng Polypropylene	Phin lọc cai máy thở giúp làm ẩm, ẩm khí thở qua mở khí quản/ nội khí quản - Chất liệu: Polypropylene trong suốt; không chứa PVC, cao su, DEHP, chì. - Đặc điểm: trao đổi nhiệt và trao đổi ẩm, co nối 15mm, có lỗ hút dịch, co nối tương thích với dây oxy - Có co nối với oxy và cổng hút đờm và lấy mẫu dịch - Độ ẩm đầu ra: 29 - 30 mg/lít khí - Thể tích nén/ khoảng chết: $6 \pm 1 \text{ mL}$ - Kháng trở 30L/phút và 60L/phút: $\leq 0.1\text{mbar}$ và $\leq 0.3\text{mbar}$ - Trọng lượng: $\leq 6\text{g}$ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.000
560	Phin lọc sử dụng đo khí áp mũi, dạng ô-liu	Phin lọc sử dụng đo khí áp mũi, dạng ô-liu, gồm 2 màng lọc: - Màng lọc lớn kích thước: khoảng 36 - 37mm - Màng lọc nhỏ kích thước: khoảng 9 - 9.5mm - Tương thích với máy Atmos tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.800

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
561	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng, trẻ em	Phin lọc vi khuẩn 1 chức năng trẻ em - Vỏ ngoài bằng nhựa, bo tròn - Loại lọc: tĩnh điện - Khả năng lọc khuẩn: > 99% - Kháng trở dòng khí tại mức 30L/phút: 1.9cm H2O - Khoảng chết: 25mL - Thể tích tối thiểu: 75 - 100mL - Trọng lượng: 19 - 20g - Có nối 22M/15F hoặc 22F/15M tương thích nội khí và dây máy thở - Có cổng đo ETCO2 - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2.000
562	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, bằng nhựa, người lớn	Phin lọc khuẩn 3 chức năng, dùng cho người lớn : lọc khuẩn, làm ấm, làm ẩm - Vỏ ngoài bằng nhựa, trong suốt - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: > 99.99% - Khoảng chết/ thể tích: < 80 mL - Thể tích khí lưu thông: 300 - 1500mL - Thể tích khí lưu thông nhỏ nhất: 150- 200mL - Có cổng đo ETCO2 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70.000
563	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, bằng Polypropylene, người lớn	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, kết hợp làm ấm dùng cho người lớn, hình vuông - Chất liệu: Polypropylene trong suốt; không chứa PVC, cao su, DEHP, chì. - Màng lọc khuẩn bằng hydrophobic (không ưa nước) - Khả năng lọc vi khuẩn, virus $\geq 99.9\%$ - Thể tích lưu thông: 300 - 1500mL - Có cổng trích khí lấy mẫu và đo CO2 - Hiệu suất lọc đối với hạt muối kích thước $0.075 \pm 0.02 \mu\text{m}$ là $\geq 99.9\%$ - Khí thở có độ ẩm ≥ 36.8 (mg H2O/lít khí), thất thoát độ ẩm thấp ≤ 9.4 (mg/lít khí) (tại Vt=500mL) - Trọng lượng: $\leq 18\text{g}$ - Cổng kết nối: 22F/15M, 22M/15F - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	4.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
564	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, trẻ em	Phin lọc khuẩn 3 chức năng, dùng cho trẻ em - Vỏ ngoài bằng nhựa, trong suốt - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: $\geq 99,99\%$ - Khoảng chết/ thể tích: $< 30\text{mL}$ - Thể tích khí lưu thông: $< 300\text{mL}$ - Thể tích khí lưu thông nhỏ nhất: 75 - 90mL - Có cổng đo ETCO2 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	cái	1.900
565	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp, đầu ngâm hình elip	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp - Chất liệu: màng lọc tĩnh điện, hydrophobic - Lọc vi khuẩn, vi rút: $\geq 99.9\%$ - Trở kháng thấp $\leq 75\text{ Pa}$ ở mức 14 lít/giây (hoặc $\leq 0.75\text{ cm H}_2\text{O}$ ở mức 14 lít/giây) - Đầu lắp vào máy có đường kính trong $\geq 45\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 48\text{mm}$ - Có đầu ngâm hình elip - Tương thích máy KoKo PFT của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	8.000
566	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp, đầu ngâm hình oval	Phin lọc vi khuẩn đo chức năng hô hấp - Chất liệu: Màng lọc: hỗn hợp Acrylic tích tĩnh điện với lớp bảo vệ Polypropylene 2 mặt. Vỏ ngoài: Polyethylene mật độ cao (HDPE) - Lọc vi khuẩn, vi rút: $\geq 99.9\%$ - Trở kháng dòng khí $\leq 92.0\text{ Pa} / \text{ls}$ ở mức 14 lít/giây - Không gian trong lọc $\leq 70\text{mL}$ - Đầu lắp vào máy có đường kính trong $\geq 45\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 48\text{mm}$ - Phương pháp lọc: tĩnh điện và cơ học - Đầu ngâm vào miệng của dụng cụ lọc hình oval - Tương thích máy KoKo PFT của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	28.000
567	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em - Chất liệu: vỏ nhựa polystyrene cách điện, màng lọc bằng hydrophobic Polypropylene - Kích thước: 18 x 28mm ($\pm 0.5\%$) - Hiệu quả lọc: 99.9% - Khoảng chết: 30 - 32mL - Tốc độ dòng: 0.93 - 1.41 cmH₂O - Khu vực lọc: $> 34\text{cm}^2$ - Tương thích với máy đo FeNO+ của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	11.200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
568	Phin lọc vi khuẩn, dành cho máy điều áp	Phin lọc vi sinh dành cho máy điều áp - Chất liệu: Polypropylene tích điện tĩnh điện - Hiệu quả lọc $\geq 99.8\%$ - Trở kháng: 12mmHg ở 20L/ph - Khoảng chết: $\leq 6\text{mL}$ - Đầu nối tương thích với hệ thống hút tại Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10.000
569	Phin lọc vi khuẩn, vi rút bằng nhựa cứng, người lớn	Phin lọc vi khuẩn, vi khuẩn, vi rút dùng cho người lớn - Vỏ ngoài: bằng nhựa cứng - Loại lọc: electrostatic (tĩnh điện) - Khả năng lọc khuẩn: $\geq 99.9\%$ - Thể tích nén (khoảng chết): 60 - 66mL - Trọng lượng: 28 - 32g - Thể tích phổi nhỏ nhất: 198 - 200mL - Co nối: 22M/15F hoặc 22F/15M - Có cổng đo ETCO2 - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	19.500
570	Phin lọc vi khuẩn, vi rút bằng Polypropylene, người lớn	Phin lọc khuẩn có tích hợp cổng đo CO2 sử dụng cơ chế lọc tĩnh điện, dùng cho người lớn, hình vuông - Chất liệu: Polypropylene trong suốt; không chứa PVC, cao su, DEHP, chì - Màng lọc bằng hydrophobic (không ưa nước) có phủ sợi thủy tinh - Khả năng lọc vi khuẩn, virus $\geq 99.9\%$ - Có cổng trích khí lấy mẫu và đo CO2; nghiêng 45 độ, gắn liền nắp đậy - Hiệu suất lọc đối với hạt muối kích thước $0.075 \pm 0.02 \mu\text{m}$ là $\geq 99.9\%$ - Trở kháng: tại 30 l/phút là $\leq 0.9\text{mbar}$; tại 60 l/phút là $\leq 2\text{mbar}$; tại 90L/phút là $\leq 3.5\text{mbar}$ - Khoảng chết: 30 - 35mL - Trọng lượng: $\leq 17\text{g}$ - Cổng kết nối 2 đầu 22/15 - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
571	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật	Quả lọc hấp phụ dùng điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật Vật liệu vỏ: PP Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin trao đổi anion bản chất là Styrendivinyln Benzen Copolymer có tính tương đồng sinh học cao. - Thể tích hấp phụ: 330 ± 2 mL - Thể tích khoang máu: 160mL - Diện tích hấp phụ: 104.000m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 50mL/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1N - Phương thức khử trùng: Khử trùng nhiệt ẩm - Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo: + Total Bilirubin: 52.8 - 64.1% + Total Bile Acid: 62.2 - 80.5% - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	4
572	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 05-30kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị trong biến chứng chạy thận chu kì - Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ hạt Resin: Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer) - Vật liệu phủ hạt hấp phụ: Collodion - Thể tích hấp phụ: 130 ± 2 mL - Thể tích khoang máu: 114 ± 2 mL - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 450 ± 2 mL/phút - Áp suất chịu đựng: 100 ± 2 kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1 ± 2 N - Dải hấp phụ: 05 - 30kDa - Tỷ lệ hấp phụ: PTH: 53.4%; B2-MG: 44.7%; Creatinine: 85%; Protein toxins: 42%; IL-6: 21.8-31.5% - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	cái	260

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
573	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 10 - 60kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin... trong sốc nhiễm trùng nặng, sepsis, viêm tụy cấp,... - Vỏ PC, vật liệu hấp phụ: Styrendivinylnl Benzen Copolymer - Thể tích hấp phụ: $330 \pm 2\text{mL}$ - Thể tích khoang máu: 185mL - Diện tích hấp phụ: 104.000m^2 - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: 250mL/phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1N - Dải hấp phụ: 10-60kDa - Dây nối - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	10
574	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 15-100kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố, cytokin.. hỗ trợ điều trị các bệnh tự miễn như lupus ban đỏ, bệnh vẩy nến..., - Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ hạt Resin: Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer). - Vật liệu phủ hạt hấp phụ: Collodion - Thể tích hấp phụ: $280 \pm 2\text{mL}$ - Thể tích khoang máu: $155 \pm 2\text{mL}$ - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: $450 \pm 2\text{mL/phút}$ - Áp suất chịu đựng: $100 \pm 2\text{kPa}$ - Độ chịu lực của hạt: $8.1 \pm 2\text{N}$ - Dải hấp phụ: 15-100kDa - Tỷ lệ hấp phụ: IL-6: 21.8-31.5%; TNF-α: 44.2%, IgA: 48.3%, IgG: 53.6% - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	75

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
575	Quả lọc hấp phụ nội độc tố với dải hấp phụ từ 20-200kDa	Quả lọc hấp phụ nội độc tố trọng lượng phân tử trung bình và lớn, độc tố gắn với protein, hội chứng hôn mê gan,... - Vỏ PC, vật liệu hấp phụ: Styrendivinyln Benzen Copolymer - Thể tích hấp phụ: 330 ± 2 mL - Thể tích khoang máu: 185mL - Diện tích hấp phụ: 104.000m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 250mL/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8.1N - Dải hấp phụ: 20-200kDa - Dây nối - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	8
576	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.15 m ²	Quả lọc trao đổi huyết tương và bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 73 mL $\pm 10\%$ - Diện tích màng: 0.15 m² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330μm - Độ dày thành sợi lọc: 150μm - Thể tích máu trong sợi lọc: 22mL $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 50mL/phút - Tốc độ máu tối đa: 180mL/phút - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	24
577	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.35 m ²	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng Polypropylene - Diện tích bề mặt màng lọc 0.35m² - Thể tích máu trong sợi lọc 41 mL $\pm 10\%$ - Thể tích máu khoảng 125 ± 1mL - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) 330 μm, độ dày thành sợi lọc 150μm - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 mL $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 mL/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 mL/phút - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	830

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
578	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại diện tích màng lọc 0.7 m ²	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn - Chất liệu Polyethersulfone - Diện tích màng lọc huyết tương 0.7 m² - Dây động mạch kèm dây dẫn phụ cho truyền heparin, cổng chọc kim và đầu nhọn; - Dây tĩnh mạch kèm túi chất thải 2 lít để môi dịch, cổng chọc kim và cổng tiêm truyền; - Dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu; - Dây dẫn dịch thay thế kèm túi làm ấm; - Túi dịch thải 7 lít - Filter bảo vệ các cổng áp lực - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	120
579	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em <11kg có suy thận cấp - Chất liệu màng lọc bằng PolyArylEtherSulfone - Vỏ và đầu quả lọc bằng Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn bằng PVC; Cartrige bằng PETG - Thể tích máu trong bộ quả lọc 60mL (± 10%) - Diện tích màng: 0.2m² - Tốc độ dòng máu: 20 - 100mL/phút - Thể tích mỗi máu (Chỉ ở quả lọc): 17mL - TMP tối đa: 500mmHg/67kPa - Hệ thống dây dẫn đi kèm - Tiệt khuẩn - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	bộ	53

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
580	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp - Chất liệu: - Sợi lọc: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) - Cartridge: PETG - Thông số hoạt động của quả lọc: - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66.6 - Thể tích máu ($\pm 10\%$): 93mL - Diện tích màng hiệu dụng: 0.6 m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Hệ thống dây dẫn đi kèm - Tiết khuẩn - Tương thích với máy lọc máu Prismaflex của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	bộ	57
581	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.5 m ² , hệ số siêu lọc 87 $\pm$ 2 mL/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: polysulfon kết hợp PVP (để tăng độ thanh thải) - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.5 m² * Thể tích mỗi: 90 $\pm$ 2 mL * Hệ số siêu lọc 87 $\pm$ 2 mL/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300mL/phút thì độ thanh thải: Ure = 272 $\pm$ 2mL/phút, Creatinine = 252 $\pm$ 2mL/phút, Phosphat = 251 $\pm$ 2mL/phút, Vit B12 = 171 $\pm$ 2mL/phút; Hệ số sàng β2 globulin > 0.8; Hệ số sàng Albumin < 0.001 - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	750
582	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 85 $\pm$ 2 mL/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu Polysulfone - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.6 m² * Thể tích mỗi: 98 $\pm$ 2 mL * Hệ số siêu lọc 85 $\pm$ 2 mL/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300mL/phút thì độ thanh thải: Ure = 270 $\pm$ 2mL/phút, Creatinine = 248 $\pm$ 2 mL/phút, Phosphat = 230 $\pm$ 2mL/phút, Vit B12 = 166 $\pm$ 2mL/phút; Hệ số sàng: Inulin < 1.0; β2-Microglobulin 0,7 $\pm$ 1; Albumin < 0,001; KoA Urea 1145 $\pm$ 2. - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	6.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
583	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.7 m ² , hệ số siêu lọc 37 ± 2 mL/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. Vỏ quả lọc: Polypropylene - Thông số kỹ thuật * Diện tích bề mặt: 1.7 m² * Thể tích mỗi: 100 ± 2 mL * Hệ số siêu lọc: 37 ± 2 mL/h/mmHg. Độ dày thành sợi: 15 ± 2 μm. * Độ thanh thải (Qb: 300mL/min): Ure = 279 ± 2 mL/phút, Creatinine = 257 ± 2 mL/phút, Phosphate = 232 ± 2 mL/phút, Vitamin B12= 169 ± 2 mL/phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	750
584	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.7 m ² , hệ số siêu lọc 67 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP, vỏ quả lọc Polypropylene. - Diện tích: 1.7 m². - Thể tích mỗi: 102-105mL. - Hệ số siêu lọc: 67 ± 2 (mL/giờ/mmHg). - Độ dày thành sợi: 40 μm. Độ thanh thải (với Qb: 300mL/phút): Ure: 282 mL/phút Creatinine : 270± 2 mL/phút Phosphate: 255± 2 mL/phút Vitamin B12: 195± 2 mL/phút Myoglobin: 116± 2 mL/phút Hệ số sàng lọc: β2-Microglobulin = 1 Inulin = 1 Albumin = 0.0024 - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1.500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
585	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 64 ± 2 mL/giờ/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu màng lọc Helixone, cấu tạo sợi màng được cải tiến cho phép lọc tốt hơn các phân tử trung bình như β2-microglobulin (β2-m) giảm nguy cơ tử vong, đồng thời hạn chế mất các albumin quan trọng, giảm bớt phản ứng viêm - Thông số kỹ thuật: * Diện tích màng: 1.8 m² * Thể tích mỗi: 95 ± 5mL * Hệ số siêu lọc: 64 ± 2 mL/giờ/ mmHg * Hệ số sàng lọc: β2-Microglobulin: 0.9; Albumin: < 0.001 * Độ thanh thải Q_b=400 mL/ph (Cytochrome c: 117± 2, Phosphate: 285±2, Creatinine: 303±2, Urea: 336±2) - Bộ phận đi kèm: 02 nắp đậy màng lọc - Áp lực xuyên màng: ≥ 600 mmHg - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	12.000
586	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 99 ± 2 mL/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Highflux - Chất liệu: polysulfon kết hợp PVP (để tăng độ thanh thải) - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.8 m² * Thể tích mỗi: 103 ± 2 mL * Hệ số siêu lọc 99 ± 2 mL/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300mL/phút thì độ thanh thải: Ure = 282± 2mL/phút, Creatinine =264±2mL/phút, Phosphat = 264± 2mL/phút, Vit B12 = 184±5mL/phút; Hệ số sàng β2 globulin > 0.8; Hệ số sàng Albumin < 0.001 - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	1.500
587	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1,5 m ² , hệ số siêu lọc 9.8 ± 2 mL/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu Polysulfon - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.5 m² * Thể tích mỗi: 90 ± 2 mL * Hệ số siêu lọc 9.8 ± 2 mL/h/mmHg * Với lưu lượng máu 200mL/phút thì độ thanh thải: Ure = 189±2 mL/phút, Creatinine =173± 2 mL/phút, Phosphat =146± 2 mL/phút, Vit B12 =83± 2 mL/phút - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	750

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
588	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 14 ± 2 mL/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu Polysulfone - Thông số kỹ thuật: * Diện tích bề mặt 1.6 m² * Thể tích mỗi: 98 ± 2 mL * Hệ số siêu lọc 14 ± 2 mL/h/mmHg * Với lưu lượng máu 300mL/phút thì độ thanh thải: Ure = 270 ± 2mL/phút, Creatinine = 242 ± 2 mL/phút, Phosphat = 187 ± 2mL/phút, Vit B12 = 112 ± 2mL/phút; KoA Urea = 1123 ± 2 - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	1.500
589	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m ² , hệ số siêu lọc 16 ± 2 mL/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux: - Chất liệu màng lọc Polysulfone, tương hợp với máu; Chất liệu vỏ Polycarbonate - Diện tích màng 1.6 m² - Thể tích mỗi 96 ± 2 mL - Áp lực xuyên màng: 600mmHg - Lưu lượng máu: 200 - 500 mL/phút - Hệ số siêu lọc 16 ± 2 mL/h/mmHg - Qb 300 mL/phút: thanh thải Urea 247 ± 2, Creatinine 220 ± 2, Phosphate 186± 2 - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	750
590	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.8 m ² , hệ số siêu lọc 14 ± 2 mL/h/mmHg	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux - Chất liệu màng lọc Helixone - Diện tích màng 1.8 m² - Thể tích mỗi: 95 ± 2mL - Hệ số siêu lọc: 14 ± 2 mL/h/mmHg - Áp lực xuyên màng: 600mmHg - Bề dày thành sợi/ đường kính sợi ≤ 35/185µm - Độ thanh thải Qb=200mL/ph, Phosphate:170 ± 2, Qb=300 mL/ph, Phosphate: 210 ± 2 - Bộ phận đi kèm: 02 nắp đậy màng lọc - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	750

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
591	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, hệ số siêu lọc 20 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux - Chất liệu màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A (BPA). - TMP: 500 mmHg. Độ dày thành sợi: 40μm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Thể tích môi: 91 ± 1 mL - Diện tích: 1.5 m² - Hệ số siêu lọc 20 ± 2 (mL/giờ/mmHg) - Độ thanh thải (mL/phút) với lưu lượng máu Qb=300mL/phút, Ure 264 ± 2, Creatinine: 244 ± 2, Phosphate: 211 ± 2, Vitamin B12: 134 ± 2. - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	3.000
592	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux, hệ số siêu lọc 22 ± 2 (mL/giờ/mmHg)	Quả lọc thận nhân tạo loại Middleflux - Chất liệu màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA). Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Thông số kỹ thuật: * Diện tích: 1.7 m² * Thể tích môi: 108 ± 1 mL * TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 μm * Hệ số siêu lọc 22 ± 2 (mL/giờ/mmHg) * Độ thanh thải (mL/phút) với lưu lượng máu Qb=300mL/phút, Ure 270 ± 2, Creatinine: 251 ± 2, Phosphate: 221 ± 2, Vitamin B12: 143 ± 2 - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	3.000
593	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết	Quả lọc thận nhân tạo siêu tinh khiết, ngăn chặn nội độc tố (endotoxin) - Chất liệu màng bằng Polysulfone, 2 đầu nắp Polyurethane, vỏ màng polypropylene - Diện tích màng 2.2 m² - Thông số lọc: 05 ± 2 mL/phút/mmHg - Tác dụng tạo dịch lọc máu siêu sạch (nội độc tố ≤ 0.03 EU/mL, các vi sinh vật ô nhiễm ≤ 0.1 CFU/mL). - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Quả	150

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
594	Quả lọc, màng lọc máu loại 0.9m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: - Chất liệu: Sợi lọc Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer. Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate. Vách đầu quả lọc: Polyurethane. Ống dẫn: PVC. - Cartridge: PETG - Áp lực xuyên màng tối đa (TMP) (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 mL - Diện tích màng hiệu dụng: 0.9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 75 - 400 mL/phút - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Prismaflex (máy của Bệnh viện) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1.860
595	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.5m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn loại bỏ Cytokine, nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) - Chất liệu: Màng lọc cấu tạo 3 lớp: Sợi rỗng (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer); Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500$\pm$1500 IU/m²). Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate. Vách đầu quả lọc: Polyurethane. Ống dẫn: PVC. - Cartridge: PETG - Áp lực xuyên màng tối đa (TMP) (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66.6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193mL - Diện tích màng: 1.5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 100 - 450 mL/phút - Tiệt khuẩn - Tương thích máy Prismaflex (máy của Bệnh viện) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	350
596	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.6m ² và hệ thống dây dẫn đi kèm kết hợp hấp phụ	Quả lọc máu dùng trong lọc máu liên tục kết hợp với lọc máu hấp phụ - Bộ dây máu kèm đầu nối mở và màng lọc 1.6m² kết hợp với lọc máu hấp phụ - Dây dẫn động mạch có các dây dẫn phụ chứa citrate/heparin - Dây dẫn tĩnh mạch có dây dẫn phụ chứa canxi kèm túi chứa 2 lít chất thải dịch mồi - Dây dẫn dịch thẩm tách kèm túi làm ấm - Dây dẫn dịch thải kèm công lấy mẫu - Dây dẫn dịch bù - Túi dịch thải 7000 mL - 5 bộ đo áp lực kèm màng lọc 0.2 μm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	66

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
597	Que đốt chồi rốn	Que đốt chồi rốn dùng cho trẻ sơ sinh - Thành phần: Nitrat Bạc 75 - 80% - Chiều dài 15 ± 1 cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Que	300
598	Que phết tế bào âm đạo	Que phết tế bào âm đạo dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung, phát hiện sớm ung thư cổ tử cung - Chất liệu: làm bằng gỗ tự nhiên - Kích thước: $180 \times 18 \times 2$ mm ($\pm 5\%$) - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.000
599	Que thử dùng trong chẩn đoán ối ri	Que thử hỗ trợ phát hiện tình trạng thai phụ có ối ri, vỡ màng ối - Que thử có thể phát hiện chất human placental-alpha-microglobulin-1(PMAG-1) ở ngưỡng 5 ng / mL - Tăm bông 5 ± 0.5 mm để lấy mẫu âm đạo - Lọ nhựa chứa dung môi 0.9% NaCl, 0.05% NaN ₃ , 0.01% Triton X100 - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	120
600	Que thử dùng trong chẩn đoán sinh non	Que thử dùng trong chẩn đoán sinh non nhằm đánh giá nguy cơ sinh non của phụ nữ mang thai - Que thử có chứa alpha microglobulin-1 nhau thai trong túi với chất làm khô - Tăm bông 5 ± 0.5 mm để lấy mẫu âm đạo - Lọ nhựa chứa dung môi 0.9% NaCl, 0.05% NaN ₃ , 0.01% Triton X100 - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50
601	Que thử đường huyết nhanh, men thử GOD-POD	Que thử đường huyết nhanh tại giường - Sử dụng men thử GOD-POD, không bị ảnh hưởng bởi đường Malto và oxy hòa tan - Phạm vi đo: 20 – 600 mg/dL (1.1 – 33.3 mmol/L) - Giới hạn Hematocrite: 20 - 60% - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ que thử và chất nội kiểm thực hiện hàng ngày - Có chức năng kết nối tự động vào hệ thống dữ liệu của máy xét nghiệm của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và ISO 15197:2013 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Que	140.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
602	Que thử đường huyết nhanh, men thử Mut Q GDH hoặc FAD GHD	Que thử đường huyết nhanh tại giường - Sử dụng men thử Mut Q GDH hoặc FAD GHD không bị ảnh hưởng bởi đường Maltose - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0.6 - 33.3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65% - Đo được 4 loại máu (máu tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh), - Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay - Thời gian đo <4 giây - Mẫu máu đo 0.6μL - Cho kết quả đúng > 99% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn ở nồng độ $\geq 100\text{mg/dL}$ hoặc 5.55 mmol/l (theo ISO 15197_2013) - Que thử hút máu bằng mao dẫn - Vùng nhận máu rộng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu - Chất liệu que thử: hợp kim vàng và palladium - Hỗ trợ que thử và chất nội kiểm tối thiểu 02 nồng độ theo Quy định của Bệnh viện - Có chức năng kết nối tự động vào hệ thống dữ liệu của máy xét nghiệm của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Que	328.000
603	Stent khí quản bằng silicone	Stent khí quản bằng silicon - Đường kính ngoài: 9 → 20mm; chiều dài: 20 → 110mm; độ dày thành stent: 1mm - Có hệ thống gai, đầu stent có cấu tạo vát, bề mặt nhẵn, mịn không dính - Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
604	Stent thanh - khí quản bằng silicone	Stent thanh - khí quản để hỗ trợ phòng ngừa và điều trị hẹp thanh quản và khí quản - Chất liệu: bằng silicone loại cấy ghép có cản quang với bề mặt nhẵn không dính - Đường kính (mm): 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 ($\pm 0.5\text{mm}$) - Chiều dài (mm): 83, 93, 100, 126, 133, 140, 147 ($\pm 0.5\text{mm}$) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
605	Stent thanh quản bằng silicone	Stent thanh quản dùng trong điều trị sẹ hẹp thanh môn - Làm bằng chất liệu: Silicone, có cản quang - Đường kính đáy trước sau: 10, 12, 15mm - Đường kính đáy ngang: 9, 10, 11, 16mm - Chiều dài stent: 33, 37, 40, 47mm - Đi kèm 02 nút khâu - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
606	Tăm bông, đường kính 15 ± 01mm	Tăm bông dùng rửa vết thương - Cấu tạo: có đầu bông thấm nước gắn chặt ở đầu que nhựa - Chất liệu đầu bông: 100% bông tự nhiên, màu trắng đồng nhất, không dùng chất tạo màu - Đường kính đầu bông 15 ± 01mm - Đặc tính đầu bông: + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: ≥ 20g nước/g bông trong khoảng 3 phút + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Que bằng nhựa, dài 15 ± 2 cm - Gói tối thiểu 05 que - Tiệt khuẩn từng gói - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Que	3.700.000
607	Tăm bông, đường kính 16 - 18mm	Tăm bông dùng rửa vết thương - Cấu tạo: có đầu bông thấm nước gắn chặt ở đầu que nhựa - Chất liệu đầu bông: 100% bông xơ tự nhiên, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu, không tạp chất - Đường kính đầu bông: khoảng 16 - 18mm, thân que đường kính 2.5 - 3.0mm. Thân que được làm từ nhựa tiệt khuẩn - Tốc độ chìm: ≤ 8s - Khả năng hút nước: >100g - Chất tan trong ether: không quá 0.5% - Chất tan trong nước: không quá 0.5% - Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8.0% - Tro sunfat: không quá 0.4% - Quy cách: 05 que/túi, 100 que/gói. - Tiệt khuẩn từng gói - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Que	2.000.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
608	Tấm bông, đường kính 5 ± 01mm	Tấm bông dùng lấy mẫu bệnh phẩm hoặc dùng để làm sạch và bôi thuốc lên vết thương - Cấu tạo: có đầu bông thấm nước gắn chặt ở đầu que nhựa - Chất liệu đầu bông: 100% bông tự nhiên - Đường kính đầu bông 5 ± 01mm - Đặc tính đầu bông: + Tốc độ hút nước: thời gian chìm <8 giây + Khả năng hút nước: ≥ 20g nước/g bông trong khoảng 3 phút + Vi khuẩn hiếu khí, nấm men, nấm mốc: không có - Que bằng nhựa, dài 15 ± 2 cm - Gói 5-10 cái - Tiệt khuẩn từng gói - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Que	650.000
609	Tấm dán hạ thân nhiệt cho trẻ nhỏ	Tấm dán hạ thân nhiệt dùng trong điều trị hồi sức cho trẻ nhỏ - Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước 0.11 - 0.47 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong 0.17- 0.68 kg - Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài - Tuổi thọ miếng dán: 5 ngày, lên đến 120 giờ - Tốc độ dòng chảy: lên tới 5 lít/phút - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2
610	Tấm lót 37cm x 36m (± 05%)	Tấm lót - Chất liệu: mặt trên vải Rayon, mặt dưới Nylon, không chứa latex - Kích thước: 37cm x 36m (± 05%) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	75.000
611	Tấm lót giường bằng spunpond, (60-65) x (180-190)cm	Tấm lót giường - Chất liệu: vải không dệt spunpond - Kích thước: rộng 60 - 65cm, dài 180 - 190cm, 25 ± 0.5gsm Spunbond - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	210.000
612	Tấm lót giường bằng spunpond, (80-85) x (220-230)cm	Tấm lót giường - Chất liệu: vải không dệt spunpond - Kích thước: rộng 80 - 85cm, dài 220 - 230cm, 25 ± 0.5gsm Spunbond - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	45.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
613	Tấm lót, 60 x 60cm (± 05%)	Tấm lót - Chất liệu: Mặt trên vải không dệt Spunpond thấm hút. Mặt dưới Film PE không thấm, màu xanh hoặc màu trắng - Trọng lượng: 60 g/m² (± 03) - Kích thước: 60 x 60cm (± 05%) - Đặc tính: + Khả năng thấm hút ≥ 70mL, giúp bảo vệ giường nằm khỏi dịch và máu, không chứa latex và các thành phần gây dị ứng cho da + Thời gian hấp thụ chất lỏng ≤ 80s/5mL + Tốc độ hấp thụ chất lỏng ≥ 250% + Độ bền kéo, khô theo chiều dọc ≥ 50N/cm + Độ bền kéo, khô theo chiều ngang ≥ 30N/cm + Độ bền bóc tách (theo chiều ngang/chiều dọc) ≥ 1N/2.5cm (không bị bong tróc khi chà sát bằng tay) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	160.000
614	Tấm lót, 60 x 90cm (± 05%)	Tấm lót - Chất liệu: Mặt trên vải không dệt Spunpond thấm hút. Mặt dưới Film PE không thấm, màu xanh hoặc màu trắng - Trọng lượng: 60 - 62 g/m² (± 03) - Kích thước: 60 x 90cm (± 05%) - Đặc tính: + Khả năng thấm hút: ≥ 120mL, giúp bảo vệ giường nằm khỏi dịch và máu, không chứa latex và các thành phần gây dị ứng cho da + Thời gian hấp thụ chất lỏng ≤ 80s/5mL + Tốc độ hấp thụ chất lỏng ≥ 250% + Độ bền kéo, khô theo chiều dọc ≥ 50N/cm + Độ bền kéo, khô theo chiều ngang ≥ 30N/cm + Độ bền bóc tách (theo chiều ngang/chiều dọc) ≥ 1N/2.5cm (không bị bong tróc khi chà sát bằng tay) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745)	Miếng	300.000
615	Thẻ kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn hơi nước	Thẻ kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn hơi nước - Không chứa chì, theo phương pháp thử thách lòng ống - Tương thích với chu trình tiệt khuẩn 132 - 134°C - Cho kết quả trong vòng 5s - Kết quả được lưu trữ và kết nối với máy tính - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Gói	1.800

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
616	Thiết bị định vị mô vú	Thiết bị định vị mô vú - Chất liệu: chứa 1 miếng đệm polyglycolic acid (PGA) có thể tái hấp thụ sau 12 tuần với dạng dây xoắn kim loại làm từ Titanium - Chiều dài: Đầu đưa mẫu định vị dài 10cm - Tiết khuẩn - Tương thích máy sinh thiết vú có hỗ trợ lực hút chân không Encor Enspire của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	45
617	Thiết bị định vị mô vú đi cùng kim sinh thiết hút chân không	Thiết bị định vị mô vú đi cùng kim sinh thiết hút chân không - Chất liệu: chứa 3 miếng đệm polyglycolic acid (PGA) có thể tái hấp thụ sau 12 tuần. - Tấm đệm trung tâm có dây kim loại Titanium và 1 viên đẩy polyethylene glycol (PEG). - Tiết khuẩn - Tương thích máy sinh thiết vú có hỗ trợ lực hút chân không Encor Enspire của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc ISO 13485:2016 và Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
618	Thông khí bằng nhựa PP hoặc PE	Thông khí bằng nhựa, cổng miệng - Chất liệu: nhựa PP hoặc PE, không chứa Latex - Kích cỡ: 00, 0, 1, 2, 3, 4 (tương ứng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 5.0, 5.5, 6.5, 8.0, 9.0, 10.0) - Đúc liền 1 khối, trơn láng, phần cuối ống mềm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	23.000
619	Thông khí bằng nhựa PP và TPE	Thông khí bằng nhựa, cổng miệng - Chất liệu: nhựa PP (PolyPropylene) và TPE (Thermoplastic Elastomer); không PVC và không latex; đàn hồi nhiệt dẻo - Kích cỡ: 00, 0, 1, 2, 3, 4 (tương ứng tiêu chuẩn cỡ ISO: 5.0, 5.5, 6.5, 8.0, 9.0, 10.0) - Đúc 1 khối liền, trơn láng, phần cuối ống mềm, quy định màu sắc chuẩn từng cỡ - Trọng lượng: ≤ 14g - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
620	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 250mL, 1000mL	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông dùng cho máy hút áp lực âm - Chất liệu: bằng nhựa Vinyl với tấm đỡ bằng polyethylene, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống □ - Dung tích: 250mL, 1000mL - Có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông □ - Cảm biến báo khi dịch đầy □ - Tiệt khuẩn □ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	580
621	Túi chứa dịch xả tối thiểu 15 lít	Túi đựng dịch xả dùng trong lọc máu - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) - Thể tích tối thiểu 15 lít - Tương thích với máy Homechoice của Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.300
622	Túi chứa dịch xả tối thiểu 5 lít	Túi chứa dịch xả dùng trong lọc máu - Chất liệu: bằng nhựa mềm PVC, không chứa DEHP và Latex - Thể tích tối thiểu 5 lít - Tương thích máy Prismaflex của Bệnh viện - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2.100
623	Túi chứa nước tiểu, 2000mL, dây dài 85 - 90cm	Túi chứa nước tiểu có quai treo □ - Dung tích 2000mL - Có vạch chia thể tích in trên thân túi, có quai treo, đáy túi vuông, các mép túi được hàn kín 100% không rò rỉ - Van chống trào ngược dạng chữ T - Quai treo dạng móc hoặc dây treo bằng nhựa, không gập ống khi treo. - Dây dẫn dài 85 - 90cm, tương thích với các loại ống thông, đảm bảo không rò rỉ □ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
624	Túi chứa nước tiểu, 2000mL, dây dài 90-110cm	Túi chứa nước tiểu có quai treo□ - Chất liệu túi chứa bằng nhựa PE hoặc PVC trong, không chứa DEHP□ - Dung tích 2000mL - Kích thước túi: dài 27 - 30cm, rộng 20 ± 1cm□ - Có vạch chia thể tích in trên thân túi, có quai treo, đáy túi vuông, các mép túi được hàn kín 100% không rò rỉ - Van xả ở giữa đáy túi, một chiều chống trào ngược, dạng thẳng khóa vận hoặc dạng chữ T - Quai treo dạng móc hoặc dây treo bằng nhựa, không gấp ống khi treo. - Dây dẫn dài 90 - 110cm, đường kính trong 5 - 10mm, đầu nối tương thích với các loại ống thông, đảm bảo không rò rỉ □ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	61.000
625	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích, 2000 mL, dài 110 - 150 cm	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích - Chất liệu: Polyvinyl Chloride, Polypropylene, Polyethylene, nhựa ABS, Isoprene, acrylic Co-Polymer. - Kích thước: ống đo 40 - 50 mL, có chia vạch; bầu đo khoảng 500 - 600mL mỗi vạch chia 10mL; túi chứa 2000 mL, có van chống trào ngược - Hai van đóng mở ở bầu đo và túi chứa - Ống dây dài 110 - 150 cm trong suốt, chống xoắn, đầu nối thuận nhọn và có cổng lấy mẫu. - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	1.500
626	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích, 2000mL	Túi chứa nước tiểu, có bộ đo thể tích - Chất liệu: PP, PVC, TPE, PE, Styrene acrylonitrile, ABS - Kích thước: khoang chứa 500mL, 1 ống đo 40 - 50mL chia vạch, túi chứa 2000mL - Ống dẫn nước tiểu dài 110 - 130cm - Có vạch chia thể tích - Có van chống trào ngược, màng lọc khuẩn 5µm; van xả chữ T, có cổng lấy mẫu không cần kim - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	4.600
627	Túi chứa và dẫn lưu dịch	Túi chứa và dẫn lưu dịch - Chất liệu: túi bằng Plastic mềm mại, trong suốt - Túi có lớp vải không dệt mềm mại, trong suốt - Dán túi bằng Hydrocolloid chống loét, để có vòng cắt 12 - 55mm - Miệng xả bằng nhựa PP có vị trí đóng và mở túi rõ ràng - Có van chống trào ngược - Van xả có thể câu nối hệ thống túi chứa lớn hơn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2.200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
628	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu Polyvinylchlorua (PVC) □ - Thể tích 800 - 900mL, có đánh dấu các vạch thể tích □ - Tương thích ống dẫn lưu ra da đầu cong dạng pigtail - Tiệt khuẩn □ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6.000
629	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật, cỡ 300 - 400 mL	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu: Polyvinylchlorua (PVC) - Thể tích: 300 - 400mL, có đánh dấu các vạch thể tích - Có van chống trào ngược - Tương thích ống dẫn lưu ra da đầu cong dạng pigtail - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
630	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật, cỡ 600 - 700 mL	Túi chứa và dẫn lưu dịch, dùng với ống dẫn lưu mật - Chất liệu: Polyvinylchlorua (PVC) - Thể tích: 600 - 700mL, có đánh dấu các vạch thể tích - Tương thích ống dẫn lưu ra da đầu cong dạng pigtail - Ống nối dẫn lưu có khoá luerlock, dài 80 - 90cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
631	Túi đặt ngực hình giọt nước bề mặt nhám, thể tích 255cc - 380cc	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình giọt nước, bề mặt nhám - Thể tích: 255cc - 380cc (tối thiểu 3 thể tích) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	4
632	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, thể tích 150cc - 375cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 150cc - 375cc (tối thiểu 6 thể tích) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	22

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
633	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn, vỏ mỏng, thể tích 130cc - 415cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 130cc - 415cc (tối thiểu 10 thể tích) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	240
634	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn mờ, thể tích 210 - 480cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn mờ - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt vỏ túi trơn mờ - Thể tích: 210 - 480cc (tối thiểu 10 thể tích) - Đường kính: 9.3 - 13.4cm - Độ nhô: 3.8 - 5.4cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
635	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn, thể tích 200cc - 395cc	Túi đặt ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone gel - Thể tích: 200cc - 395cc (tối thiểu 10 thể tích) - Độ nhô: 34 - 57mm - Mặt đáy: 93 - 128mm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
636	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 10.25cm - 12.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có chip bên trong túi - Kích thước: - Đường kính: 10.25 - 12.5cm - Thể tích: 205cc - 450cc (tối thiểu 10 thể tích) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	134

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
637	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 9cm - 13.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có lớp sắc tố để nhận biết lớp rào cản cấy ghép - Có chip bên trong túi - Kích thước: - Đường kính: 9 - 13.5cm - Thể tích: 155cc - 550cc (tối thiểu 15 thể tích) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
638	Túi đặt ngực hình tròn, thể tích 245cc - 380cc	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có lớp sắc tố để nhận biết lớp rào cản cấy ghép - Kích thước: - Đường kính: 10.25 - 12.5cm - Thể tích: 245cc - 380cc (tối thiểu 10 thể tích) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	62
639	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt trơn, trọng lượng 270g - 340g	Túi đặt ngực loại tròn, bề mặt trơn - Gel bên trong túi được phủ đầy 100% - Vỏ bằng silicone: 2 lớp elastomer, 1 lớp bảo vệ ngăn gel khuếch tán ra ngoài. - Bề mặt silicone trơn - Trọng lượng cho độ nhô trung bình: 278 - 340 g - Trọng lượng cho độ nhô cao: 270 - 330 g - Gel siêu kết dính - Độ nhô: 4.0 - 4.5 cm, đường kính: 11 - 12 cm - Độ nhô cao: 4.8 - 5.0 cm, đường kính: 10 - 12 cm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
640	Túi độn mông các cỡ	Túi độn mông các cỡ - Chất liệu: Gel lấp đầy - Lớp sắc tố sử dụng để nhận biết trực quan lớp rào cản cấy ghép - Kích thước: - Chiều rộng: 9.4 - 11.8 cm - Chiều cao: 12 - 15 cm - Độ nhô: 3 - 4.8cm - Thể tích: 235 - 465cc (tối thiểu 6 cỡ) - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	18

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
641	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng theo máy	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng theo máy - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Thể tích chứa 1000mL hoặc 1500mL - Thân túi có vạch chia thể tích, mỗi vạch chia cách nhau 100mL - Túi có nắp đậy, đi liền dây nối dài 150 - 190cm, có bầu đếm giọt và khóa kiểm soát thể tích, đầu nối tương thích với đầu nối của ống thông mũi dạ dày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
642	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng, 1000mL	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng có nắp đậy - Chất liệu: bằng PVC, không chứa DEHP - Thể tích chứa 1000mL - Thân túi có vạch chia thể tích, mỗi vạch chia cách nhau 100mL - Túi có nắp đậy, đi liền dây nối dài 60 - 90cm, có bầu đếm giọt và khóa kiểm soát thể tích, đầu nối tương thích với đầu nối của ống thông mũi dạ dày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	12.000
643	Túi ép dẹp, 3 đường hàn, cỡ 100mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày $\geq 12 \mu$ và Polypropylene với độ dày $\geq 40 \mu$ * Giấy y tế: trọng lượng $\geq 60\text{g/m}^2$ - Kích thước: 100mm x 200m ($\pm 05\%$) - Kích thước lỗ khí $\geq 20 \mu\text{m}$ - Hiệu suất không khí: $\geq 11\text{Pa.s}$ - Khả năng chống thấm: $\geq 35\text{sg}$ - Khả năng hút nước trong 60sg: $\geq 15\text{g/m}^2$ - Độ bền mối hàn $\geq 350\text{kPa}$, độ bền mối hàn lúc ướt: $\geq 130 \text{ kPa}$ - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): $\geq 6\text{kN/m}$ - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): $\geq 3 \text{ kN/m}$ - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	80

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
644	Túi ép dẹp, 3 đường hàn, cỡ 150mm x 200m ($\pm 05\%$)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày $\geq 12 \mu$ và Polypropylene với độ dày $\geq 40\mu$ * Giấy y tế: trọng lượng $\geq 60\text{g/m}^2$ - Kích thước: 150mm x 200m ($\pm 05\%$) - Kích thước lỗ khí $\geq 20\mu\text{m}$ - Hiệu suất không khí: $\geq 11\text{Pa.s}$ - Khả năng chống thấm: $\geq 35\text{sg}$ - Khả năng hút nước trong 60sg: $\geq 15\text{g/m}^2$ - Độ bền mối hàn $\geq 350\text{kPa}$, độ bền mối hàn lúc ướt: $\geq 130 \text{ kPa}$ - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): $\geq 6\text{kN/m}$ - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): $\geq 3 \text{ kN/m}$ - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	100
645	Túi ép dẹp, 3 đường hàn, cỡ 200mm x 200m ($\pm 05\%$)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày $\geq 12 \mu$ và Polypropylene với độ dày $\geq 40\mu$ * Giấy y tế: trọng lượng $\geq 60\text{g/m}^2$ - Kích thước: 200mm x 200m ($\pm 05\%$) - Kích thước lỗ khí $\geq 20\mu\text{m}$ - Hiệu suất không khí: $\geq 11\text{Pa.s}$ - Khả năng chống thấm: $\geq 35\text{sg}$ - Khả năng hút nước trong 60sg: $\geq 15\text{g/m}^2$ - Độ bền mối hàn $\geq 350\text{kPa}$, độ bền mối hàn lúc ướt: $\geq 130 \text{ kPa}$ - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): $\geq 6\text{kN/m}$ - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): $\geq 3 \text{ kN/m}$ - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	120

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
646	Túi ép dẹp, 3 đường hàn, cỡ 250mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày $\geq 12 \mu$ và Polypropylene với độ dày $\geq 40 \mu$ * Giấy y tế: trọng lượng $\geq 60 \text{g/m}^2$ - Kích thước: 250mm x 200m (± 05%) - Kích thước lỗ khí $\geq 20 \mu\text{m}$ - Hiệu suất không khí: $\geq 11 \text{Pa.s}$ - Khả năng chống thấm: $\geq 35 \text{sg}$ - Khả năng hút nước trong 60sg: $\geq 15 \text{g/m}^2$ - Độ bền mối hàn $\geq 350 \text{kPa}$, độ bền mối hàn lúc ướt: $\geq 130 \text{kPa}$ - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): $\geq 6 \text{kN/m}$ - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): $\geq 3 \text{kN/m}$ - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	40
647	Túi ép dẹp, 3 đường hàn, cỡ 300mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày $\geq 12 \mu$ và Polypropylene với độ dày $\geq 40 \mu$ * Giấy y tế: trọng lượng $\geq 60 \text{g/m}^2$ - Kích thước: 300mm x 200m (± 05%) - Kích thước lỗ khí $\geq 20 \mu\text{m}$ - Hiệu suất không khí: $\geq 11 \text{Pa.s}$ - Khả năng chống thấm: $\geq 35 \text{sg}$ - Khả năng hút nước trong 60sg: $\geq 15 \text{g/m}^2$ - Độ bền mối hàn $\geq 350 \text{kPa}$, độ bền mối hàn lúc ướt: $\geq 130 \text{kPa}$ - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): $\geq 6 \text{kN/m}$ - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): $\geq 3 \text{kN/m}$ - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	15

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
648	Túi ép dẹp, cỡ 100mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 100mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu lực lúc ướt: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat <0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	180
649	Túi ép dẹp, cỡ 150mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 150mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu lực lúc ướt: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat <0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	164

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
650	Túi ép dẹp, cỡ 200mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 200mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướ: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướ (Hướg dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướ (Hướg ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat <0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiết khuẩn: chuyển màu đúng hướg dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiết khuẩn - Sau tiết khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiết khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	260
651	Túi ép dẹp, cỡ 250mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 250mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướ: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướ (Hướg dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướ (Hướg ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat <0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiết khuẩn: chuyển màu đúng hướg dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiết khuẩn - Sau tiết khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiết khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	88

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
652	Túi ép dẹp, cỡ 300mm x 200m (± 05%)	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 300mm x 200m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lúc ướt: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat <0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	44
653	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 200mm x 100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lốp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220N/ inch * Lốp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 200mm x 100m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2, EO - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	310

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
654	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 100mm x 100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 100mm x 100m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, EO - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	140
655	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 100mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 60-75 g/m², độ dày 155-175 µm, tính thấm khí 600-610 mL/min, rào chắn vi khuẩn ≥ 3 LRV, độ mờ 92-94%, Độ bền kéo hướng dọc: 155-195N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 160-210N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Polyester và Polyethylene, độ dày 55-65µm - Kích thước: 100mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	174

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
656	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 150mm x 100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-610 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220N * Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 150mm x 100m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, EO - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	260
657	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 150mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 60-75 g/m², độ dày 155-175 µm, tính thấm khí 600-610 mL/min, rào chắn vi khuẩn ≥ 3 LRV, độ mờ 92-94%, Độ bền kéo hướng dọc: 155-195N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 160-210N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Polyester và Polyethylene, độ dày 55-65µm - Kích thước: 150mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mỗi hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	280

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
658	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 200mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 60-75 g/m², độ dày 155-175 µm, tính thấm khí 600-610 mL/min, rào chắn vi khuẩn ≥ 3 LRV, độ mờ 92-94%, Độ bền kéo hướng dọc: 155-195N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 160-210N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Polyester và Polyethylene, độ dày 55-65µm. - Kích thước: 200mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	340
659	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 250mm x 100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 250mm x 100m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2, EO - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
660	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 250mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 60-75 g/m², độ dày 155-175 µm, tính thấm khí 600-610 mL/min, rào chắn vi khuẩn ≥ 3 LRV, độ mờ 92-94%, Độ bền kéo hướng dọc: 155-195N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 160-210N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Polyester và Polyethylene, độ dày 55-65µm - Kích thước: 250mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	224
661	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 350mm x 100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 350mm x 100m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2, EO - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
662	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 350mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 60-75 g/m², độ dày 155-175 µm, tính thấm khí 600-610 mL/min, rào chắn vi khuẩn ≥ 3 LRV, độ mờ 92-94%, Độ bền kéo hướng dọc: 155-195N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 160-210N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Polyester và Polyethylene, độ dày 55-65µm. - Kích thước: 350mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	50
663	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 75mm x 100m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m², độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m², rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 75mm x 100m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2, EO - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
664	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 75mm x 70m (± 05%)	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 60-75 g/m², độ dày 155-175 µm, tính thấm khí 600-610 mL/min, rào chắn vi khuẩn ≥ 3 LRV, độ mở 92-94%, Độ bền kéo hướng dọc: 155-195N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 160-210N/ inch * Lớp nylon được làm từ: Polyester và Polyethylene, độ dày 55-65µm - Kích thước: 75mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H2O2 - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	50
665	Túi ép phồng kích thước 250mm x 60mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m² - Kích thước: 250mm x 60mm x 100m (± 05%) - Kích thước lỗ khí ≥ 21µm - Hiệu suất không khí: ≥11 Pa.s - Khả năng chống thấm: 35sg - Khả năng hút nước trong 60sg: ≥15g/m² - Độ bền mối hàn ≥ 350kPa, độ bền mối hàn lúc ướt: ≥ 130 kPa - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): ≥ 6 kN/m; - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): ≥ 3 kN/m - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	65

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
666	Túi ép phồng kích thước 100 x 40mm x 100m ($\pm 05\%$)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 μm và Polypropylene với độ dày 35-45μm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m² - Kích thước: 100mm x 40mm x 100m ($\pm 05\%$) - Kích thước lỗ khí $\geq 21\mu\text{m}$ - Hiệu suất không khí: $\geq 11 \text{ Pa.s}$ - Khả năng chống thấm: 35sg - Khả năng hút nước trong 60sg: $\geq 15\text{g/m}^2$ - Độ bền mối hàn $\geq 350\text{kPa}$, độ bền mối hàn lúc ướt: $\geq 130 \text{ kPa}$ - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): $\geq 6 \text{ kN/m}$ - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): $\geq 3 \text{ kN/m}$ - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	50
667	Túi ép phồng kích thước 150 x 40mm x 100m ($\pm 05\%$)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 μm và Polypropylene với độ dày 35-45μm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m² - Kích thước: 150mm x 40mm x 100m ($\pm 05\%$) - Kích thước lỗ khí $\geq 21\mu\text{m}$ - Hiệu suất không khí: $\geq 11 \text{ Pa.s}$ - Khả năng chống thấm: 35sg - Khả năng hút nước trong 60sg: $\geq 15\text{g/m}^2$ - Độ bền mối hàn $\geq 350\text{kPa}$, độ bền mối hàn lúc ướt: $\geq 130 \text{ kPa}$ - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): $\geq 6 \text{ kN/m}$; - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): $\geq 3 \text{ kN/m}$ - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	120

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
668	Túi ép phồng kích thước 200mm x 60mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m² - Kích thước: 200mm x 60mm x 100m (± 05%) - Kích thước lỗ khí ≥ 21µm - Hiệu suất không khí: ≥11 Pa.s - Khả năng chống thấm: 35sg - Khả năng hút nước trong 60sg: ≥15g/m² - Độ bền mối hàn ≥ 350kPa, độ bền mối hàn lúc ướt: ≥ 130 kPa - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): ≥ 6 kN/m; - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): ≥ 3 kN/m - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	80
669	Túi ép phồng kích thước 300mm x 80mm x 100m (± 05%)	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m² - Kích thước: 300mm x 80mm x 100m (± 05%) - Kích thước lỗ khí ≥ 21µm - Hiệu suất không khí: ≥11 Pa.s - Khả năng chống thấm: 35sg - Khả năng hút nước trong 60sg: ≥15g/m² - Độ bền mối hàn ≥ 350kPa, độ bền mối hàn lúc ướt: ≥ 130 kPa - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): ≥ 6 kN/m - Độ bền lúc ướt (Hướng ngang): ≥ 3 kN/m - Có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + EN 868-5	Cuộn	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
670	Túi ép phòng, cỡ 100mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 100mm x 50mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lực ướt: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lực ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lực ướt (Hướng ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	120
671	Túi ép phòng, cỡ 150mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 150mm x 50mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lực ướt: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lực ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lực ướt (Hướng ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	268

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
672	Túi ép phòng, cỡ 200mm x 50mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 200mm x 50mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lực ướt: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lực ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lực ướt (Hướng ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	173
673	Túi ép phòng, cỡ 250mm x 65mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 250mm x 65mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lực ướt: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lực ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lực ướt (Hướng ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	213

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
674	Túi ép phòng, cỡ 300mm x 80mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 300mm x 80mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lực ướt: 90-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lực ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền lực ướt (Hướng ngang): 1-1.1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	42
675	Túi ép phòng, cỡ 400mm x 80mm x 100m (± 05%)	Túi ép phòng đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester với độ dày 10-15 µm và Polypropylene với độ dày 35-45µm * Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm - Kích thước: 400mm x 80mm x 100m (± 05%) - Hiệu suất không khí: 11.0-11.5 Pa.s; Độ bền mối hàn: 230-350 kPa; Độ chịu bức lực ướt: 80-150 kPa; Khả năng chống thấm: 20-35 s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m²; Độ bền kéo lực ướt (Hướng dọc): 1,1-2.1 kN/m; Độ bền lực ướt (Hướng ngang): 1-1,1 kN/m - Độ pH: 5.0 -8.0, Hàm lượng Chloride <0.05%, Sunfat<0.25% - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và EN ISO 11607 + ISO 11140 + EN 868-5	Cuộn	5
676	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuốn	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, có khóa cuốn□ - Để dán túi bằng hydrocolloid, đường kính vòng cắt tối thiểu 15mm, tối đa 60mm□ - Chiều dài túi khoảng 28 - 35cm - Miệng xả túi rộng khoảng 6 - 8cm□ - Dung tích chứa tối thiểu 550mL□ - Có khóa cuốn, bộ lọc khí chống nước, không kích ứng da□ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
677	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, có khóa cuộn, có bộ lọc khí□ - Đế dán túi bằng hydrocolloid, độ pH 4.0 - 5.5, vòng cắt tối đa 64mm□ - Chiều dài túi 30 - 35cm, phía dưới có khóa dạng cuộn - Có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí lên $300 \pm 2\text{mm}^2$ - Túi màu trắng trong, bộ lọc giúp khí thoát ra ngoài, mùi hôi được giữ lại bên trong, túi không bị phồng, bộ lọc không thấm nước, không tồn dư keo trên da người bệnh khi tháo túi□ - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	3.800
678	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, xả được, sử dụng với kẹp hậu môn	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại trong, sử dụng với kẹp hậu môn thường dùng cho người bệnh sau phẫu thuật - Túi chứa một mặt có lớp thoáng mồ hôi, một mặt lưới thoáng khí, chiều dài túi 30 - 35cm - Đế gồm 2 vòng dán, vòng trong có đường kính 90 - 95mm, có thể cắt rộng lên tới $65 \pm 1\text{mm}$; vòng ngoài có đường kính 130 - 135mm - Vòng trong thấm hút mồ hôi, vòng ngoài mỏng và linh hoạt tăng cường khả năng bám dính - Vật tư đi kèm: kẹp hậu môn (số lượng kẹp $\geq$ số lượng túi) - Thời gian sử dụng tối thiểu 5 ngày - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	200
679	Túi hậu môn nhân tạo, 2 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuộn, có bộ lọc khí□ - Chất liệu: Vinyl□ - Đường kính vòng gắn $70 \pm 1\text{mm}$, chiều dài túi 30 - 35cm□ - Túi chứa loại trong hoặc đục, gồm 4 lớp: lớp trong giúp gắn kết các lớp, lớp ngăn mùi, lớp dính giúp các lớp dính vào nhau - Có khóa cuộn, có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí khoảng $300 \pm 2\text{mm}^2$, giúp thoát khí nhưng mùi hôi bị giữ lại, bộ lọc khí không thấm nước. Vòng gắn khớp với đế dán cùng hãng - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	850
680	Túi làm ấm huyết tương, sử dụng 2 quả lọc	Túi làm ấm huyết tương trước khi trả về người bệnh trong lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc - Vật liệu: bằng PVC - Kích thước: 30 x 25 cm ($\pm 0.5\text{cm}$) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	30
681	Túi làm ấm máu trong lọc máu	Túi làm ấm máu gồm 1 túi, 2 bộ ống dây và các đầu nối luer hình nón - Thể tích mỗi của túi: $27\text{mL} \pm 10\%$. Có thể sử dụng tối đa 72 giờ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
682	Túi lấy mẫu khí thở	Túi lấy mẫu khí thở dùng để thu thập mẫu hơi thở từ người bệnh trước và sau khi sử dụng viên uống Urea C13 để phát hiện vi khuẩn Helicobacteria pylori - Chất liệu: Túi plastic, gắn ống kết nối có van 1 chiều. - Kích thước: 11 cm x 17 cm x 0.125 mm ($\pm 05\%$) - Dung tích: 300 mL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Túi	20.000
683	Túi máu đơn 350mL	Túi máu đơn - Chất liệu bằng PVC, hàn liền khối, các góc được bo tròn - Thể tích: 350 mL - Túi chứa sẵn 35 - 50mL dung dịch chống đông CPDA-1 để bảo quản máu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C (± 2 độ C) - Kim lấy máu cỡ 16G, chiều dài kim: 38 ± 0.5 mm - Kích thước túi: cao 130 ± 5 mm, chiều rộng 120 ± 5 mm - Dây lấy máu dài: 980 ± 40 mm, đường kính trong 3.0 ± 0.1 mm - Có 12 đoạn mã số - Túi chịu lực ly tâm 5000g trong 10 phút, bền nhiệt độ trong khoảng -80 độ C tới 37 độ C (± 2 độ C) - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Túi	80
684	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bọt xốp, (10-15) x (7-10) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bọt xốp - Kích thước miếng xốp: (10-15) x (7-10) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối, ống dẫn, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic có kích thước 35 x 35 cm ($\pm 5\%$) - Ống dẫn bằng silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2.5 ± 0.2 mm, tốc độ hút dịch ≥ 22m/s - Tương thích với máy áp lực âm có chế độ hút liên tục và chế độ hút chu kỳ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	130

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
685	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, (16 - 20) x (12-15) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp - Kích thước miếng xốp: (16 - 20) x (12-15) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic có kích thước 35 x 35 cm ($\pm 5\%$) - Ống dẫn bằng silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2.5 ± 0.2 mm, tốc độ hút dịch ≥ 22m/s - Tương thích với máy áp lực âm có chế độ hút liên tục và chế độ hút chu kỳ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	240
686	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp - Kích thước miếng xốp: (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic có kích thước 35 x 35 cm ($\pm 5\%$) - Ống dẫn bằng silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2.5 ± 0.2 mm, tốc độ hút dịch ≥ 22m/s - Tương thích với máy áp lực âm có chế độ hút liên tục và chế độ hút chu kỳ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50
687	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, phủ bạc (10-15) x (7-10) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp, phân tử bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (10-15) x (7-10) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tương thích với máy áp lực âm có chế độ hút liên tục và chế độ hút chu kỳ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	15

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
688	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, phủ bạc (16 - 20) x (12-15) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp, phân tử bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (16 - 20) x (12-15) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tương thích với máy áp lực âm có chế độ hút liên tục và chế độ hút chu kỳ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10
689	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng bột xốp, phủ bạc (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Chất liệu: miếng xốp bằng Polyurethane dạng bột xốp, phân tử bạc nano phủ đều trên bề mặt - Kích thước miếng xốp: (25 - 30) x (15 - 20) x 3cm - Bộ phận đi kèm: đầu nối và ống dẫn bằng silicone Elastomers, kẹp khóa, băng dán trong suốt bằng Polyurethane film phủ keo Acrylic - Tương thích với máy áp lực âm có chế độ hút liên tục và chế độ hút chu kỳ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	5
690	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, (20-25) x (15-20) x 3cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: (20-25) x (15-20) x 3cm - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoá ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 3 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	70
691	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 10 x 8 x 3cm(± 05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: 10 x 8 x 3cm (± 05%) - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khoá ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 1 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	80

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
692	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, 20 x 13 x 3cm (± 05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane dạng tổ ong, không thấm nước, kích thước: 20 x 13 x 3cm (± 05%) - 1 ống dẫn bằng nhựa trong dài khoảng 65 → 70cm, miếng dán đầu hút 10 x 15cm và khóa ống dẫn kết nối với can chứa dịch. - 2 băng dán cố định trong suốt, kích cỡ 20 x 30cm - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	100
693	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 10 x 15 x 3 cm (±05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp 10 x 15 x 3 cm (±05%) - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 03 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	325
694	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, (10 - 15) x (10 - 15) x (1 - 2) cm	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp (10 - 15) x (10 - 15) x (1 - 2) cm - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 03 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	270

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
695	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bằng Polyurethane dạng tổ ong, dây dẫn có lỗ thông khí, 20 x 15 x 3cm (±05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước miếng xốp 20 x 15 x 3cm (±05%) - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có lỗ trung tâm hút dịch và lỗ thông khí - 01 Kẹp đường ống - 01 Đầu nối có chốt khóa đóng mở - 05 Miếng dán bán thấm trong suốt dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	105
696	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ester, cỡ 11 x 8 x 1.8cm (±05%), có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa, tự động, khép kín gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ester, kích thước lỗ 400 - 600µm, kích thước miếng xốp 11 x 8 x 1.8cm (±05%) - Có dây dẫn nước vào và dây hút dịch ra, đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây hút dịch ra có ≥ 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắc nghẽn - Băng dán cố định trong suốt - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - Thước đo - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	52
697	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ester, cỡ 17 x 15 x 1.8cm (±05%), có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa, tự động, khép kín gồm: - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ester, kích thước lỗ 400 - 600µm, kích thước miếng xốp 17 x 15 x 1.8cm (±05%) - Có dây dẫn nước vào và dây hút dịch ra, đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây hút dịch ra có ≥ 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắc nghẽn - Băng dán cố định trong suốt □ - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - Thước đo □ - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	72

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
698	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 10 x 7.5 x 3.2cm (±05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μms, hydrophobic construction không giữ nước, kích thước miếng xốp 10 x 7.5 x 3.2cm (±05%) - Đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây dẫn có 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắt nghẽn - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt 30 x 26cm (±05%) - Thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	250
699	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 18 x 12.5 x 3.2cm (±05%), cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μms, kích thước miếng xốp 18 x 12.5 x 3.2cm (±05%) - Đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây dẫn có 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắt nghẽn - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt 30.5 x 26cm (±05%) - Thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	170
700	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 25 x 15 x 1.6cm (±05%), có chức năng tưới rửa	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, có chức năng tưới rửa, tự động, khép kín gồm: □ - 2 miếng xốp bằng Polyurethane ether, kích thước lỗ 400 - 600μm, kích thước miếng xốp 25 x 15 x 1.6cm (±05%) - Có dây dẫn nước vào và dây hút dịch ra, đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây hút dịch ra có ≥ 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắt nghẽn - Băng dán cố định trong suốt □ - 2 gói chứa dung dịch phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết - Thước đo □ - Điều chỉnh được lượng dung dịch rửa và thời gian tưới ngâm rửa vết thương. □ - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	62

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
701	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, cỡ 26 x 15 x 3.2cm ($\pm 05\%$), cấu trúc tế bào mở, cảm biến cân bằng áp lực	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, cấu trúc tế bào mở, hydrophobic construction không giữ nước, cảm biến cân bằng áp lực gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, cấu trúc lỗ mở 400 - 600 μms, kích thước miếng xốp 26 x 15 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây dẫn có 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắt nghẽn - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt 30.5 x 26cm ($\pm 05\%$) - Thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	150
702	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, phủ bạc, cỡ 10 x 7.5 x 3.2cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, có phủ bạc 10 - 15 %, kích thước lỗ 400 - 600μm, kích thước xốp 10 x 7.5 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây dẫn có 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắt nghẽn - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt 30.5 x 26cm ($\pm 05\%$) - Thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	30
703	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, phủ bạc, cỡ 18 x 12.5 x 3.2cm ($\pm 05\%$)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, có phủ bạc 10 - 15 %, kích thước lỗ 400 - 600μm, kích thước xốp 18 x 12.5 x 3.2cm ($\pm 05\%$) - Đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây dẫn có 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắt nghẽn - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 2 Băng dán cố định trong suốt 30 x 26cm ($\pm 05\%$) - Thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	40

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
704	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, xốp bằng polyurethane ether, phủ bạc, cỡ 26 x 15 x 3.2cm (±05%)	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm Bộ gồm: - Miếng xốp bằng Polyurethane ether, có phủ bạc 10 - 15 %, kích thước lỗ 400 - 600µm, kích thước xốp 26 x 15 x 3.2cm (±05%) - Đầu hút có 4 cảm biến áp lực tại vết thương và dây dẫn có 4 nguồn (lumen) thông khí cân bằng áp lực và tránh tắt nghẽn - Kẹp dây dẫn và đầu nối - 1 Băng dán cố định trong suốt 30 x 26cm (±05%) - Thước đo - Tiệt khuẩn - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	30
705	Viên đặt trực tràng	Viên đặt hậu môn, trực tràng điều trị vết thương cấp và mạn các tổn thương da và niêm mạc, các vết nứt, rách tại khu vực trực tràng, hậu môn, hỗ trợ điều trị trĩ - Thành phần: Copolymer of 2-Hydroxyethylmethacrylate, Witepsol W25 - Hộp/ 10 viên - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Viên	1.200
706	Viên đặt trực tràng, 2.5gr	Viên đạn đặt trực tràng được dùng để điều trị các triệu chứng của bệnh trĩ - Thành phần: Sucralfate, bơ ca cao, lanolin (nguồn gốc thực vật), Witepsol W25 (chất nền của viên đạn),... - Dạng viên đặt - Khối lượng: 2.5gr - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Viên	2.200
707	Viên nang đánh giá nhu động đại trực tràng	Viên nang đánh giá nhu động đại trực tràng - Thành phần: + Viên nang: Hypromellose methylcellulose E464 + Điểm đánh dấu cản quang: Elastosil R401/60 Silicone Rubber (78%), Barium Sulphate BaSO4 (22%) - Một vỉ gồm 7 viên nang trong đó: + 05 viên chứa 10 điểm đánh dấu hình tròn kích thước 2 x 4.5cm + 02 viên chứa 5 điểm đánh dấu hình trụ kích thước 6 x 2mm - Đánh giá rối loạn nhu động toàn phần và rối loạn nhu động trên từng đoạn của đại trực tràng. - Có công cụ phân tích kết quả - Dùng được cho người bệnh 2 tuổi trở lên	Viên	30
708	Vớ áp lực cổ tay - cánh tay, các cỡ	Vớ áp lực cổ tay - cánh tay, các cỡ - Chất liệu: 60 - 65% Tactel Polyamide; 25 - 30% Elastane; 8 - 10 % Cotton/Baumwoile; 4 - 6% Lyocell/SeaCell - Kích thước: size S, M, L, XL - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
709	Vớ đùi áp lực, các cỡ	Vớ đùi áp lực dùng trong phòng ngừa và điều trị giãn tĩnh mạch chi dưới - Chất liệu: 70 - 90% Nylon Polyamide, 10 - 30% Lycra Elastane - Có 5 áp lực phân đoạn chuẩn tại từng vùng trên chân: 18mmHg - 14 mmHg - 8 mmHg - 10mmHg - 8 mmHg - Đặc tính: hờ ngón ở phía đầu trên ngón chân, tăng vận tốc lưu thông máu lên đến 135 -140% - Có đai vớ hai mặt và băng đệm chống xoay, không cản trở lưu thông máu ở vùng tĩnh mạch đùi - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Đôi	5.500
710	Vòng bảo vệ chống loét da, cỡ lớn	Vòng bảo vệ chống loét da là sự kết hợp Hydrocolloid và dịch kết dính, được liên kết lại bằng siêu sợi - Đường kính lỗ: 95 - 100mm - Có thể kéo giãn, định hình mà không bị nứt, bong tróc, luôn giữ hình dáng mới tạo ra - Dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
711	Vòng bảo vệ chống loét da, cỡ nhỏ	Vòng bảo vệ chống loét da là sự kết hợp Hydrocolloid và dịch kết dính, được liên kết lại bằng siêu sợi - Đường kính lỗ: 45 - 50mm - Có thể kéo giãn, định hình mà không bị nứt, bong tróc, luôn giữ hình dáng mới tạo ra - Dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
712	Vòng thắt trĩ	Vòng thắt trĩ - Chất liệu bằng cao su - Đường kính ngoài 4.5mm, đường kính trong 1.7mm, dày 2mm - Đặc điểm: bền, chắc, siết chặt - Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 và Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU (MDR 2017/745) được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	360